BÁCH KHOA

16

1 THÁNG CHÍN 1957

Trong số này :

THANH-BÌNH. . . . . *Xác-định nguyên-nhân cuộc khủng-hoảng.*

VŨ-TAM-TƯ . . . . . *Một vài nhận-xét về số lượng hàng nhập-cảng và xuất-cảng ở Việt-Nam tự-do từ 1934 đến 1954.*

PHẠM-NGỌC-THẢO . . . . . *Quân-đội đi bình-định đem lại bình-an hay oán hận.*

VŨ-THỪA-CHI . . . . . *Vết nứt rạn đầu tiên của Cộng-sản quốc-tế : Vụ Ti-Tô.*

TRẦN-VĂN-KHÊ . . . . . *Nhạc phương Đông, nhạc phương Tây.*

NGUYỄN-HIẾN-LÊ. . . . . *Heinrich Schliemann.*

VŨ-KÝ . . . . . *Mộng và thực của khoa-học.*

NGUYỄN-PHÚC . . . . . *Hai lần đi.*

LÊ-VĂN . . . . . *Nàng Út.*

TỪ-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) . . . . . *Nhất gia.*

Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ «**SUPER G**»

★

SAIGON - PARIS

(chuyến bay «THANH-LONG»)

cất cánh 20g20 mỗi thứ tư

★

SAIGON - HONGKONG

(chung với AIR FRANCE)

cất cánh 9g30 mỗi thứ ba

thứ năm

thứ sáu

★

Xin hỏi: VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIC
CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN
18 $

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới:

HUỲNH-VĂN-LANG : *Một ít nhận xét về vấn-đề bảo-hiểm.*

PHẠM-NGỌC-THẢO : *Vấn-đề quân-sự thời nay.*

VŨ-KÝ : *Giữ-vững chính-nghĩa.*

TỪ-QUYÊN
ĐẶNG-VĂN-NHÂM : *Khảo về huy-chương cổ-điển Việt-Nam.*

HOÀNG-THÁI-LINH : *Tự-tử.*

MINH-ANH : *Hoạt-động và tự-do phát-triển nhân-tính của trẻ em.*

MẶC-THU : *Người luyện kiếm (một truyện Liêu-Trai mới).*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số: **90$00** — *1 năm 24 số:* **180$**

Giá tiền trên đã tính cả cước-phí.

TÒA SOẠN: 412-414, đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

Ý-kiến của một bạn đọc về bài :

« Khủng-hoảng tiền-tệ ? » của ô. Huỳnh-văn-Lang.

XÁC-ĐỊNH NGUYÊN-NHÂN CUỘC KHỦNG-HOẢNG

THANH-BÌNH

L.T.S. Chúng tôi vừa nhận được bài sau đây của Ông Thanh-Bình « xác-định nguyên-nhân của cuộc khủng-hoảng », góp ý-kiến vào một vấn-đề mà ông Huỳnh-văn-Lang đã nêu ra trong bài « khủng-hoảng tiền-tệ ? » đăng trên Bách-Khoa số 14 ra ngày 1/8/1957. Mặc dầu ông Huỳnh-văn-Lang và ông Thanh-Bình xét vấn-đề không phải cùng một quan-điểm, nên ý-kiến có khác biệt, nhưng căn bản hai bài vẫn không có gì trái ngược.

Tôn-trọng và hoan-nghênh mọi ý-kiến xây-dựng, Bách-khoa xin đăng nguyên-văn bài của ông Thanh-Bình để các bạn đọc có dịp khảo-sát vấn-đề trên nhiều khía cạnh.

Chúng tôi rất thông-cảm với nhiệt-tình phấn-đấu của ông cho lợi-ích của xứ-sở ; Ông đã thẳng-thắn cảnh-cáo số người muốn « thừa đục nước để béo cò » ; ông cũng đã nêu rõ thực-tâm của các nhà tư-bản ngoại quốc muốn đầu-tư vào nước ta (« làm tê lời thật nhiều và thật nhanh, đóng-góp thật ít cũng là tha-hồ đem ra vào tài-chánh vốn-liếng...). Chúng tôi rất coi trọng những nhận-xét và chủ-trương của ông trước cuộc khủng-hoảng đang lan-tràn : đó là những ý-kiến sâu-sắc của một nhà chuyên-môn thành-tâm muốn gánh lấy phần trách-nhiệm của mình trong công-cuộc kiến-thiết đất nước, không chịu « nhắm mắt đưa chân », kéo lê-thê tình-trạng bi-đát, có lẽ với ý-định là chờ một kẻ khác từ đâu đến cứu vớt.

Tin rằng, đào sâu thêm vấn-đề, góp thêm những ý-kiến khác biệt, là một việc làm bổ-ích cho công-cuộc xây-dựng nước nhà, chúng tôi xin trình-bày sau đây mấy nhận-xét tổng-quát, hi-vọng sẽ có thể tiếp-tục cuộc thảo-luận tỉ-mỉ hơn nếu Tạp-chí Bách-Khoa sẵn-sàng thu-nhận.

★

Sau khi phân - tách 3 nguyên - nhơn thuộc 2 quá-trình khủng-hoảng riêng biệt, Ông đã chủ-trương :

1— Chánh-phủ nên lạm-phát để xử-dụng triệt-để ngoại-viện vào việc khuếch-trương kỹ-nghệ trong nước.

2— Chánh-phủ đứng ra xây-dựng những công-trình kỹ-nghệ nói trên và sau nầy có thể nhường lại cho tư-nhơn, với những điều-kiện nhứt-định.

Chúng tôi nghĩ rằng những nhận-định trên đây chưa xác-đáng về hai mặt :

1— *Tìm hiểu nguyên-nhơn* của cuộc khủng - hoảng. Thực ra ông đã và chỉ đứng về phương-diện kỹ-thuật kinh-tế và tiến-bộ mà phân-tách. (1) Hiện - tượng giảm-phát, tốc-độ lưu-thông tiền - tệ bị giảm sút, tốc-độ lưu-thông hàng-hóa bị đình-trệ. (2) Ngoại-tệ không được xử-dụng suông-sẻ. (3) Ngay đến khối tiền-tệ Việt-Nam hiện có cũng không mở rộng được lưu-thông để thúc-đẩy hoạt - động kinh-tế của đồng-bào dân-chúng.

Nếu được phép so - sánh với lối làm việc của một bác - sĩ thì chúng tôi cho rằng, những nguyên-nhơn kể trên chỉ là những *triệu-chứng bề ngoài*. Nhứt-định những triệu-chứng ấy còn có một căn-nguyên sâu-xa hơn.

Theo dự-đoán của chúng tôi, căn-nguyên ấy là sự phân-tranh giữa thế-lực kinh-tế của dân ta muốn được độc-lập và thế-lực kinh-tế của ngoại - quốc còn muốn duy-trì. Trong cuộc tranh-giành nầy, thế-lực của dân ta còn non yếu đang cần phải đoàn-kết lại, với sự tận-tâm phục vụ của Chánh-phủ, mới mong vật ngã được đối-thủ.

Nói như trên đây có phải là mở rộng quá vấn-đề để trỏ ra một nhận-xét rất tổng-quát, chẳng có tác-dụng thiết-thực không ? Chúng tôi không nghĩ như thế. Trái lại, nếu còn mơ hồ trong trí óc về điểm này, nếu đã cho rằng, ta đã vứt bỏ được ách kinh-tế ngoại-bang và giờ đây chỉ còn là vấn-đề « tổ-chức cho dân kiến-thiết », đó là rơi vào một mộng-ảo nguy-hiểm.

Một kết-luận lớn rút ra từ nhận-xét trên, là phải *bảo - vệ quyền-lợi kinh-tế của đồng-bào trong mọi trường-hợp, và không tư-vị đối với một giới ngoại-kiều nào*. Mỗi một chủ-trương, mỗi một nghị-định mà không thấm - nhuần đường lối nầy, chỉ có thể đưa nền kinh-tế ta từ chỗ lệ - thuộc nầy sang lệ - thuộc khác.

2) *Định ra cách giải - quyết*, ông đã xuất - phát từ một quan - điểm mà ông Đinh-Xáng (Tuần san PTM số 10) đã qui rất xác-đáng vào thuyết của Keynes. Có lẽ với lòng tin-tưởng bồng-bột nơi học-thuyết ấy, ông đã không ngần-ngại mà cho rằng « Không có chi tiêu nào của Chánh - phủ, dù là đóng tàu đem nhận xuống biển, dù là làm đạn đem dội ở Triều-tiên, dù là trả cho lê-dương đi Bình - Khang... là vô-ích. » Thật là một quan-điểm hết sức táo-bạo nhưng cũng hết sức sai-lạc và nguy-hại.

Trước tiên, nó đảo-lộn tất cả vấn-đề có ích và vô-ích : một việc rõ-ràng là có hại cho người dân hay cả một dân-tộc như đánh phá một thành-thị lại có thể là một việc có ích sao ? Có ích cho ai ? Chỉ cho một số (rất nhỏ) người làm ra súng đạn thôi. Một phần nhỏ nhân-công trong xứ được nhờ vào « công-trình » ấy, (và trong thời-gian bao lâu ?) nhưng số đông vẫn không hưởng được chút lợi nào.

Kế đó, nó chỉ có thể ứng-dụng cho một nước hay một hạng người đặc-biệt. Trong thời buổi nầy, có ai tưởng-tượng rằng nước Cao-Miên hay ngay đến nước Việt-Nam ta có thể làm đạn để đem dội lên đất Pháp hay đất Hoa-Kỳ không ? Mà trái lại, chỉ có nước Pháp hoặc nước Hoa-Kỳ là có khả-năng đó, như họ đã làm đối với nước ta 10 năm qua. Nghĩa là chỉ có những nước đương ở vào một thế mạnh, có thể lợi-dụng địa-vị ấy mà tìm một sự « ích-lợi » (1) theo kiểu giết người ấy.

Từ Keynes người ta phục-hồi lại Malthus và cuối cùng sẽ đi theo Hitler (với tất cả hậu-quả của nó) một cách rất tự-nhiên vậy.

Theo một quan-điểm như trên, khó có thể mà tìm ra một phương-pháp giải-quyết thực-sự có lợi cho toàn-dân. Do đó mà chủ-trương kiến-lập một chế-độ tư-bản nhà nước của Ông, *trong hoàn-cảnh mà lợi-ích của dân-tộc chưa được xác-định*, chỉ có thể mang lại tai hại cho số đông, để vun đắp sự-nghiệp cho một số ít, số nầy sống với một nền luân-lý siêu nhơn-loại ! Đó là chưa kể những điều-kiện chuyên-môn, về kỹ-thuật cũng như về nhơn-viên, mà ta còn thiếu rất nhiều và phải lần hồi tạo ra mới được. Lập ra xí-nghiệp của Chánh-phủ với tình-trạng nước ta hiện nay *chỉ có thể là một việc làm lẻ tẻ chớ không thể thành một chủ-trương áp-dụng rộng-rãi*. Trước mắt ta đang có một Sở Hỏa Xa hoi hóp và một số công-trường nông-nghiệp không mấy gì khả-quan (1). Thành thử lạm-phát để đổ tiền vào những công-trình bấp - bênh là một hành-động phiêu-lưu, nguy hiểm.

*

Trở lại vấn-đề phân-tranh giữa 2 thế-lực trong nước, chúng tôi hình-dung tình-hình nước ta hiện như sau :

1°) Dân ta không phải làm biếng hơn, hoặc đột nhiên dở hơn và ít tháo-vát hơn trước đây ba năm, lúc còn bị Pháp cai-trị.

2°) Trừ một số Huê-Kiều đang gặp khó khăn hay phá-sản vì những qui-định đặc-biệt, các ngoại-kiều khác đều thấy phởn phơ, đầy đủ hơn những nhà kinh-doanh Việt-Nam, mặc dầu có sút kém đôi chút so với thời Pháp-thuộc.

3°) Chúng ta đang có những khoản chi-tiêu chưa hợp-lý, những phần không sinh-lợi chiếm gần 3/4 ngân-sách.

Vì 2 lý-lẽ trên đây, nên dù huê-lợi quốc-gia có tăng chút ít từ 3 năm nay, phần huê-lợi trung-bình của người dân Việt-Nam không tăng mà còn bị sụt, và càng ngày càng sụt.

Trước tình-trạng ấy, hướng ra của ta tất nhiên trước hết là một chánh-sách tiết-kiệm, bớt những khoản chi-phí hào-nhoáng, hoặc chưa cần-thiết, giảm những chi-phí về quân-sự theo gương của Huê-Kỳ, Anh và gần đây của Pháp. Nhưng đó mới là tiêu-cực. Chính-yếu, là tích-cực hạn-chế mọi thao-túng của ngoại-kiều. Đây không phải là một đề-nghị bài ngoại hoặc ngăn cấm ngoại kiều đầu-tư. Nhưng là một chủ-trương sáng suốt bảo-vệ đồng-bào trong những bước đầu để đối-phó với

(1) Theo lời công-bố của Ông Lâm-văn-Trí, Quản-đốc Trung-tâm Cái-Sắn, thì mùa đầu tiên vừa qua, cơ-sở nầy đã thu 7.882 tấn lúa. Nghĩa là còn thiếu 13.500 tấn — 7.882 tấn = 5.618 tấn lúa nữa mới đủ số cho 45.000 dân đang làm ở đó. Số Với diện-tích là 14.000 mẫu, năng-xuất là 0;5 tấn trong lúc năng-xuất trung-bình là 1,2 tấn.

những người ngoài đã lão-luyện từ lâu (1).

Đa số các báo ở đây đều tỏ vẻ tán-thành qui-định giành quyền kinh-doanh cho Việt-Nam, loại ngoại-kiều ra khỏi một vài địa-hạt kinh-tế nào đó. Nhưng tất cả đều rất tiếc rằng qui-định ấy không đi đôi với một chương-trình chuẩn-bị giúp-đỡ người Việt đứng ra thay. Rồi đây, ta sẽ tiếp-tục việc giành lại quyền-lợi cho đồng-bào ta không ? Có thể sẽ không làm nếu ta không tích-cực ủng-hộ đồng-bào ta như đối với vụ Huê-Kiều vừa qua. Vì có kẻ hấp tấp đã vội kết-luận là dân ta bất-lực, phải nài-nỉ ngoại-kiều ở lại chỉ-huy bộ máy kinh-tế của ta.

Chung-qui, đây là vấn-đề *Xây-dựng độc-lập kinh-tế*, có thiện-chí, có kế-hoạch, nhờ vào những năng-lực chuyên-môn của những bực lão-luyện mà nước ta hiện có. Đặt lạc đi vấn-đề độc-lập kinh-tế mà chỉ chú-trọng đến một số kỹ-thuật kinh-tế tài-chánh thì dễ rơi vào con đường mạo-hiểm nhưng thực-sự là bế-tắc.

Và tất nhiên là trước hết, chế-độ phải *thật-sự DÂN-CHỦ*, mới đi đến mục-đích *thật-sự ĐỘC-LẬP* : làm sao cho càng đông người vui lòng đóng góp ý-kiến của mình, không bị ngăn cản, không bị đe-dọa, đó là phương-pháp tự-nhiên nhứt, chắc-chắn nhứt để thi-hành một chánh-sách đúng.

THANH-BÌNH

Số 112, đường Công-Lý — SAIGON

---

(1) Thí-dụ : Qui-định ký quỹ áp-dụng đồng đều một mức cho đồng-bào ta với ngoại-kiều là một tai hại cho nhà nhập-cảng Việt-Nam và rõ ràng là có lợi thêm cho các hãng ngoại-quốc.

Cái « chí » của nhà tu-hành.

THẦY Apollon, từ bỏ thế gian để đi tu-hành được trên hai mươi năm trời. Một buổi tối kia, có người em thầy tới kiếm thầy tại tu-viện, có ý nhờ thầy giúp cho một tay để lôi con bò của y bị sa xuống hố.

Thầy Apollon hỏi em :

— Sao em không nhờ anh ba mà lại tới đây phiền anh làm gì ?

Người em đáp :

— Anh ba đã mất từ mười lăm năm nay rồi.

Thầy Apollon nói :

— Em ơi ! Anh ba đã mất từ mười lăm năm, chứ anh đây đã chôn tại tu-viện từ trên hai mươi năm nay rồi.

Người ta có thể trách thầy Apollon về tính qua thờ-ơ đối với gia-sự, nhưng không thể không phục thầy về cái chí quyết vẽ tròn chính-quả.

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ SỐ-LƯỢNG

HÀNG NHẬP-CẢNG VÀ XUẤT-CẢNG

ở Việt-Nam tự-do từ 1934 đến 1954

VŨ-TAM-TƯ

Về số-lượng hàng nhập-cảng và xuất-cảng ở Việt-Nam tự-do, ông Wayne W. Snyder, giáo-sư môn Thống-kê tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, đã vui lòng cho chúng tôi các con số sau đây, mà ông đã thâu-thập, theo tập-san của Viện Thống-kê và Khảo-cứu kinh-tế Việt-Nam.

NĂM	NHẬP-CẢNG (1000 tấn)	XUẤT-CẢNG (1000 tấn)
1934	272,6	1.975,5
1935	267,2	2.206,0
1936	181,2	3.347,0
1937	315,6	2.368,4
1938	288,2	1.813,0
1939	329,7	2.289,5
Cộng :	1.754,5	13.999,7

NĂM	NHẬP-CẢNG (1.000 tấn)	XUẤT-CẢNG (1.000 tấn)
1940	249,1	1.892,7
1941	146,2	1.218,2
1942	52,9	1.182,4
1943	88,1	1.209,5
1944	10,7	541,0
1945	1,1	57,8
Cộng :	548,1	6.101,6
1946	148,2	292,0
1947	196,3	172,3
1948	271,3	399,5
1949	389,4	257,2
1950	405,2	251,7
1951	507,7	447,3
1952	713,0	313,5
1953	734,5	240,0
1954	993,2	722,2
Cộng :	4.358,8	3.095,7

Dựa vào các con số đây, ta cần ghi trước mấy nhận xét tổng-quát về cả xuất-cảng lẫn nhập cảng. Sau đó, ta thử xét từng thời-gian ngắn, và riêng nhập-cảng hoặc xuất-cảng.

II— NHẬN XÉT CHUNG

Để dễ nhận xét ta có thể vẽ đồ-biểu sau đây :

SỐ LƯỢNG HÀNG NHẬP-CẢNG VÀ XUẤT-CẢNG tại VIỆT-NAM TỰ-DO

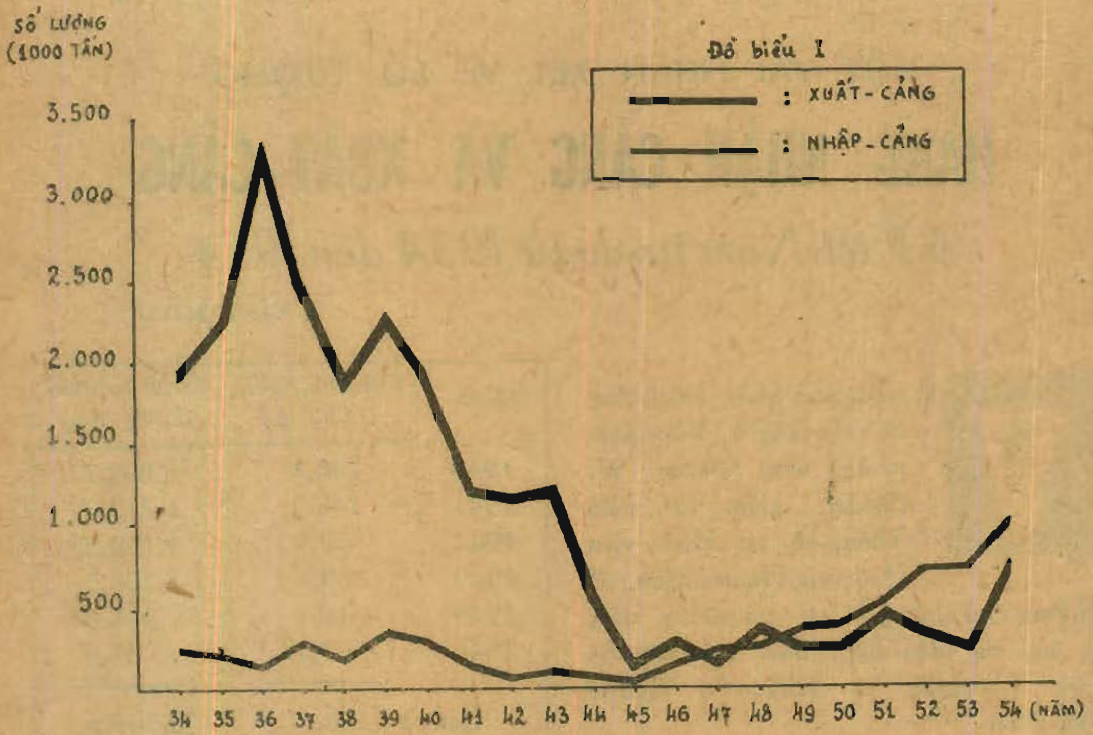

Xem đồ-biểu, ta nhận thấy : năm 1945 có thể dùng làm giới-hạn phân chia hai thời kỳ rõ-rệt.

Trong thời-kỳ 1934-1945, xuất-cảng và nhập-cảng có khuynh-hướng giảm dần, nhưng xuất-cảng giảm nhanh hơn nhập-cảng nhiều.

Trái lại, về thời-kỳ 1945-1954, xuất-cảng cũng như nhập-cảng có khuynh-hướng tăng, nhưng nhập-cảng tăng nhanh hơn xuất-cảng.

Khuynh-hướng đó còn có thể biểu-lộ rõ hơn, nhờ phương-pháp thống-kê. Căn-cứ vào những con số trình-bày ở trên, ta có thể tìm mấy phương-trình toán-học, để hình-dung các khuynh-hướng chung (tendance générale) trước và sau 1945.

Nếu gọi :

Y = số-lượng, mà đơn-vị là 100.000 tấn, đặt ở tung-độ.

X = thời-gian, mà đơn-vị là 1 năm, hoặc nửa năm, tùy trường-hợp, và đặt

ở hoành-độ (coi đồ-biểu II), thì phương-pháp thống-kê cho ta 4 hàm-số đệ nhất cấp (fonctions du 1er degré) mà phương-trình chung là $y = ax + b$. Hàm-số loại nầy, bao giờ cũng được hình-dung bằng đường thẳng (droite).

Hệ-số của x đã tiêu-cực (—), thì dĩ-nhiên hàm-số Y^1 sẽ giảm dần. Hàm-số này được hình-dung bằng đường thẳng A trong đồ-biểu II.

KHUYNH-HƯỚNG SỐ LƯỢNG XUẤT NHẬP-CẢNG ở VIỆT-NAM TỰ-DO TRONG THỜI-GIAN 1934-1945 VÀ 1946-1954.

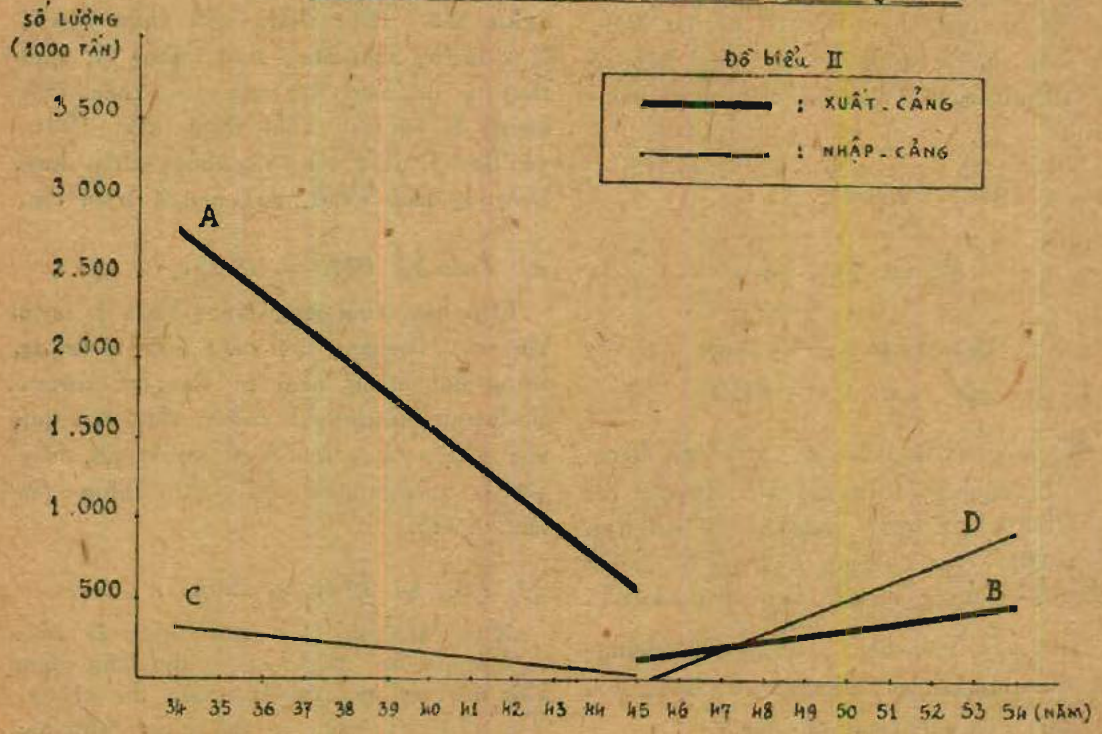

b— 1946 — 1954 :

A) Xuất-cảng :

a— 1934 — 1945 :

$$Y^1 = -x + 16$$

đơn-vị của x = lục-cá-nguyệt
gốc của x = 1-1-1940

$$Y^2 = 0{,}3x + 3{,}4$$

đơn-vị của x = 1 năm
gốc của x = 1950

Hệ-số của x đã tích-cực (+), thì hàm-số Y^2 sẽ tăng dần (đường B).

B) Nhập-cảng :

a— 1934 — 1945 :

$$Y^3 = -0{,}1x + 1{,}9$$

đơn-vị của x = lục-cá-nguyệt

gốc của x = 1 - 1 - 1940

Hệ-số của x là tiêu-cực (—), nên hàm-số Y^3 giảm dần (đường C). Đàng khác, về giá-trị tuyệt-đối (en valeur absolue), hệ-số của x trong hàm số Y^3 này là 0,1, nhỏ hơn hệ số (1) của x trong hàm-số Y^1, nên hàm-số Y^3 giảm chậm hơn hàm-số Y^1.

b— 1946 — 1954 :

$$Y^4 = x + 4{,}8$$

đơn-vị của x = 1 năm

gốc của x = 1950

Hệ-số của x là tích-cực (+), nên hàm-số Y^4 tăng dần (đường D). Ngoài ra, hệ-số (1) của x trong hàm số Y^4 to hơn hệ-số (0,3) của x trong hàm-số Y^2, nên hàm số Y^4 tăng nhanh hơn hàm-số Y^2.

Như vậy, toán-học áp-dụng vào thống-kê, đã minh-chứng các nhận-xét chung của ta, khi thoạt mới trông đồ-biểu I.

II— NHẬN XÉT RIÊNG

Theo tình-hình chung trong nước và ngoài nước, ta có thể tạm chia 3 thời-kỳ : thời-kỳ thứ nhất, từ 1934 đến 1939 : tình-hình quốc-nội và quốc-tế tương-đối yên-tĩnh. Thời-kỳ thứ hai, từ 1940 đến 1945, là thế-giới chiến-tranh thứ II, với tất cả các hậu-quả tàn khốc của nó. Sau cùng, thời-kỳ thứ ba, từ 1946 đến 1945, tình-hình quốc-tế tạm yên, nhưng quốc-nội lại có cuộc chiến-đấu khốc-liệt.

Lần theo 3 thời kỳ đó, ta thử xét riêng xuất-cảng rồi đến nhập-cảng.

A.— Xuất-cảng

1) Thời-kỳ 1394 — 1939.

Xuất-cảng trung-bình mỗi năm 2300 nghìn tấn. Một điểm cần nhấn mạnh, là số-lượng xnất-cảng tăng giảm rất thất thường từ năm này qua năm khác. Số-lượng đó lên cao nhất trong năm 1936, với hơn 3 triệu tấn, và xuống thấp hơn cả trong năm 1938, với non 2 triệu tấn.

2) Thời-kỳ 1940 — 1945.

Mỗi năm xuất-cảng trung-bình 1 triệu tấn, tức là bằng non một nửa số-lượng trung-bình hàng năm ở thời-kỳ trước. Số-lượng giảm nhanh chóng năm này qua năm khác, từ non 1.900 nghìn tấn năm 1940, xuống đến non 100 nghìn tấn năm 1945.

3) Thời-kỳ 1946 — 1954.

Xuất-cảng mỗi năm trung-bình là hơn 300 nghìn tấn. Số-lượng cũng tăng giảm thất thường, năm thì lên, năm thì xuống. Tuy-nhiên, ta cũng có thể nhận thấy hai chu-kỳ (cycle) kế-tiếp, hơi giống nhau, mỗi chu-kỳ ba năm. Chu-kỳ thứ nhất từ 1948 đến 1951, và chu-kỳ thứ hai từ 1951 đến 1954. Nhưng dúng ra, trong một khoảng thời-gian dài 20 năm, mà chỉ tìm được hai chu-kỳ tất cả 6 năm, điều đó không cho ta một ý-niệm nào minh-bạch về khuynh-hướng của số-lượng xuất-cảng.

B.— Nhập-cảng

1) Thời-kỳ 1934 — 1939.

Nhập-cảng trung-bình mỗi năm 300 nghìn tấn. Khác với xuất-cảng, số-lượng nhập-cảng trong thời-kỳ này ít thay đổi từ năm này qua năm khác, do đó con số 300 nghìn tấn có thể tiêu-biểu rõ-ràng cho thời-kỳ xét đây.

2) Thời-kỳ 1940 — 1945.

Mỗi năm nhập-cảng trung-bình hơn 90 nghìn tấn, tức là chỉ bằng độ 1/3 con số trung-bình trong thời-kỳ trước. Nhưng khác hẳn thời-kỳ trước, số-lượng lần này mỗi năm giảm dần một cách nhanh chóng, từ 250 nghìn tấn năm 1940, xuống đến 1 nghìn tấn năm 1945.

3) Thời-kỳ 1946 — 1954.

Nhập-cảng mỗi năm trung-bình gần 500 nghìn tấn. Trái với kỳ trước số-lượng mỗi năm tăng dần một cách rõ-ràng, từ 150 nghìn tấn năm 1946 lên tới 1.000 nghìn tấn năm 1954.

*

Trên đây chỉ là mấy nhận xét sơ qua, đứng dưới góc cạnh thống-kê. Các nhận xét đó cần được ghép vào khung-cảnh tổng-quát của tình-hình chính-trị, xã-hội, và kinh-tế. Nhưng đó không phải là tham-vọng của chúng tôi khi viết những dòng này.

VŨ-TAM-TƯ

Tình mẫu-tử của Bà mẹ Vương-Lăng.

KHI Hán Cao-Tổ khởi binh phá Tần, diệt Sở, có Vương-Lăng theo giúp. Hạng-Vũ tranh thiên-hạ với Hán Cao-Tổ, thấy vậy bèn bắt giam mẹ Vương-Lăng lại. Sứ-giả của Lăng tới gặp Hạng-Vũ, Hạng-Vũ muốn nhân-dịp lợi-dụng tình mẫu-tử của mẹ Lăng, khiến bà ép con bỏ Hán Cao-Tổ mà theo mình. Bà mẹ Lăng khi tiễn sứ-giả trở về, nhân lúc vắng người, khóc nhắn sứ-giả rằng :

— Ông có trở về, xin bảo giúp Lăng một câu : chớ vì mẹ già mà ăn ở hai lòng.

Nói đoạn, bà tự đâm cổ chết, cho Vương-Lăng được vững lòng theo Hán Cao-Tổ.

QUÂN-ĐỘI ĐI BÌNH-ĐỊNH

đem lại bình-an hay oán-hận

PHẠM-NGỌC-THẢO

QUÂN-đội là lực-lượng võ-trang lãnh trách-nhiệm bảo-vệ nhân-dân trong nước. Khi quân địch xâm-lược đất nước, người binh-sĩ rất sung-sướng lúc nghe tin đơn-vị mình nhận lịnh xuất-quân. Sung sướng mặc dù họ là người đạo-đức thương người, thương đời, mà phải cầm súng đi giết người và có thể bị địch giết. Sung-sướng là vì họ thành-tâm tin chắc việc làm của họ là chánh đáng, đúng theo lẽ phải, đúng theo lương-tâm của người lành. Cũng có khi binh-sĩ được lệnh hành-quân, để bảo-vệ lẽ phải, để đem lại hạnh-phúc cho nhân-dân, nhưng họ lại không sung-sướng, không phấn-khởi. Sau cuộc hành-quân, đôi khi họ lại còn buồn tủi, nghi-ngờ, băn-khoăn. Trường-hợp này có thể xảy ra khi mục-đích cuộc hành-quân là « Bình-Định », hay « Tảo-thanh » hay «...», (danh-từ có rất nhiều và đẹp-đẽ bề ngoài). Tại sao vậy ? Bình-định không phải là một việc tốt hay sao ? Diệt bọn lưu-manh phiến-loạn phá-rối an-ninh trong xóm làng không phải giúp nhân-dân sao ? Giặc ngoại-xâm và giặc nội-bộ chắc gì thứ nào nguy-hại cho dân hơn ? Như vậy, tại sao người binh-sĩ lại không phấn-khởi ? và tại sao chính nhân-dân cũng lại không hoan-nghinh nồng-nhiệt bằng lúc quân-đội đánh đuổi giặc ngoại-xâm ?

*

« Quân-ta hành-quân tảo-thanh thành-công... »

« Quân ta hành-quân bình-định thắng-lợi... ». Những câu đó, biết bao lần ta được nghe bọn Phát-Xít Đức rêu-

tạo, và cũng biết bao lần ta nghe Bộ Tham - Mưu Pháp thông - báo trên đất Việt. Nhưng đối với trường-hợp trên, thật sự, hai chữ bình-định chỉ có nghĩa là giết chóc và hiếp đáp sao cho dân vùng đó không còn sức rên-siết nổi nữa; là vơ-vét cho cạn sinh-lực và tài - sản để vùng đó trở nên có xác mà không hồn ; làm sao cho nhân - dân thấy bộ quân-phục là phải im - lặng, cắn răng, nuốt vào lòng tất cả những gì bực-tức và uất-hận. Tiếng «bình-định» trong thông-cáo của quân-đội xâm-lược có ý - nghĩa đen tối như thế.

Nhân-dân vùng nào đã bị quân - đội ngoại-xâm dầy xéo dưới danh - nghĩa bình-định không thể hiểu hai chữ ấy với một nghĩa khác. Và chính vì công-tác bình-định chỉ che dấu trăm ngàn hành-động vô nhân-đạo, phá-rối an-ninh, chống lại hòa - bình, nên kết - quả thường xảy ra là những hành-quân bình-định kéo dài mãi và không chấm dứt được.

Bình-tĩnh mà suy-xét, một cuộc hành, quân bình-định hay hành-quân tác-chiến cũng có thể tốt hoặc xấu tùy theo mục-đích mình theo đuổi. Nếu hành-quân để xâm-chiếm một nước yếu hay để củng-cố một quyền độc-tài, thì những hành-quân đó là xấu, là phi-nghĩa, tức sẽ bị nhân-dân chống. Trái lại, nếu hành-quân để bảo - vệ độc - lập và tự-do của một dân-tộc, hay để chống những kẻ chủ-mưu độc-tài, thì hành-quân đó là tốt, là chánh nghĩa, tức sẽ được nhân-dân ủng - hộ. Tuy vậy, đối với người chỉ - huy có trách-nhiệm điều-khiển một cuộc hành-binh bình-định, kinh-nghiệm cho biết, nếu muốn thành-công thật sự, việc đó khó-khăn hơn là chỉ-huy một cuộc hành-binh tác-chiến.

Khó-khăn thứ nhứt thuộc về phạm-vi tinh-thần. Tâm-lý người quân - nhân chỉ thích tác-chiến và không ưa đi rượt bắt ăn cướp, ăn trộm hay những kẻ địch phân-tán lẻ-loi. Chính vì chỗ nguội lạnh của người quân - nhân trong việc xuất-quân đi bình-định, nên cấp chỉ-huy muốn gây hăng-hái thường hay phóng-đại sự nguy-hiểm của thế-địch. Họ dễ mắc khuynh-hướng trình-bày cho binh-sĩ rằng vùng cần bình - định là một vùng chất-chứa đầy kẻ địch, một kẻ địch xảo-quyệt, ẩn - núp dưới muôn ngàn hình-trạng lẫn-lộn trong dám thanh-niên nam-nữ, trong số ông già bà lão và ngay đến cả trong số nhi-đồng ngây-thơ. Họ còn tả thêm cho binh-sĩ nghe những hành-động tàn-nhẫn của địch trong vùng cần được bình-định. Họ căn-dặn binh-sĩ trăm điều cẩn-thận đề-phòng các âm-mưu khó đoán trước được. *Họ xây-dựng cho binh-sĩ một tư-tưởng coi vùng sắp bình-định là một vùng mà dân có tư-tưởng đối địch và che dấu cho kẻ giặc.* Tôi nhớ có xem qua một trang của một tạp-chí quân-sự, dành cho sĩ-quan và hạ-sĩ-quan quân-đội Pháp, tả vùng Đồng-Tháp-Mười. Trong đó, họ đề-cao tinh-thần cảnh-giác đến mức là coi ngọn cỏ cũng có thể nguy-hiểm, đứa nhỏ mới biết đi cũng có thể là kẻ địch-thù.

Bên phía địch thì ngược lại, cố xây dựng cho dân trong vùng coi quân-đội hành-quân bình-định như là một người

lưu-manh, tàn-nhẫn, vô nhân - đạo, gặp đâu giết đó, đi đâu cướp đó, không lương - tâm, không biết thương-hại nguy đến đàn bà, người già yếu hay trẻ nít. Họ cố xây-dựng cho *dân một tư-tưởng căm-thù và ghê-sợ quân-đội địch hơn là một lũ quỷ-sứ.*

Hoàn cảnh căng - thẳng tinh-thần của hai bên là yếu-tố khó-khăn nhứt cho một cuộc hành-quân bình-định.

Tức nhiên, nếu quân-đội gặp phải một cạm bẫy do một hai tên địch chứ không phải nhân-dân trong vùng tổ-chức, thì bao nhiêu sự chuẩn-bị tư-tưởng căm-thù liền biểu-lộ ra bằng một hành-động trừng-phạt thường trúng vào đám dân vô trách-nhiệm. Một oan-ức đem đến một oan - ức khác. Người dân đối - phó lại, trả thù lại và che giúp cho ai có thể trả thù cho họ. Hoàn-cảnh mập - mờ hỗn-độn, khó kiểm-soát là hoàn-cảnh thuận-tiện cho kẻ hèn nhát thi-thố tài ác-đức của mình, buông cương cho các nết xấu ẩn-núp trong con người trước bị dư-luận đè nén, nay có dịp bột-phát. Kinh-nghiệm ở đời cho biết kẻ nào hèn-nhát, khiếp-nhược bao nhiêu thì hung-hăng tàn-bạo bấy nhiêu khi họ được ưu-thế. Giết chóc đem lại giết chóc. Thù oán đem lại thù-oán. Do đó, yếu-tố tâm-lý từ chỗ cẩn-thận cảnh-giác đi đến kết-quả thù-oán mù-quáng và vô nhân-đạo. Hai bên đã thù ghét nhau thì nói chi đến việc bình-định, đem lại cho nhân-dân an-ninh và hoà-bình.

Một khó-khăn thứ nhì trong cuộc hành-quân bình-định thuộc về phạm-vi vật-chất. Trong một trận tác-chiến giữa hai quân-đội chánh-quy, ai là địch, ai là bạn được rõ ràng : người đội mũ cạn, kẻ đội mũ sâu, bên mặc vàng, bên mặc áo xanh. Sự phân-biệt tương-đối dễ-dàng. Trái lại, khi giặc ẩn-núp lẫn lộn trong dân thì không tài nào biết, nếu dân không nói ai là bạn, ai là thù. Trên phương-diện kỹ-thuật, sự đối-phó của hai bên trong một trận tác-chiến chánh-quy, có những quy-tắc căn-bản. Những xoay-chuyển của mặt trận địch có thể theo dõi được phần nào và người chỉ-huy có kinh-nghiệm và biết lý-thuyết quân-sự, có thể đoán được ý-định của địch. Trái lại, lúc hành-binh bình-định, giặc đánh lại quân-đội chánh-quy theo một phương-thức khác hẳn, khó đoán được, khó đối-phó. Có khi quân-đội có nhiều ưu-thế về vũ-khí, song không xử-dụng được. Chiến-đấu trong một cuộc hành-binh bình-định đòi hỏi bộ cân-não vững bền hơn là những kỹ-thuật, chiến-thuật thông thường. Không biết giặc ở đâu mà đánh. Không biết giặc định đánh lại mình ở đâu và chừng nào mà đề-phòng. Đó là những khó-khăn thường vấp phải. Thà đánh trận nào cho thành trận nấy, chứ đánh lẹt xẹt mãi không đâu ra đâu hết, thật là một điều mà người quân-nhân không thích. Những khó-khăn vật-chất này làm cho tư-tưởng quân-nhân càng thêm căng-thẳng và mất cả sự nhẫn-nại trong việc đối-xử và thuyết-phục nhân-dân.

Thường lúc ra trận, giai-đoạn hồi-hộp và căng-thẳng tinh-thần nhứt là lúc sắp nổ súng, lúc chờ địch đến gần, hoặc lúc sắp đến vị-trí địch. Giai-đoạn này trong một trận chánh-quy-chiến tương-đối không quá dài. Trái lại, lúc hành-quân bình-định, từ lúc đột-nhập vùng bình-định đã làm

vào giai-đoạn căng-thẳng tinh-thần, mãi đến lúc chấm-dứt cuộc hành-quân tinh-thần mới được thảnh-thơi. Những mệt-nhọc về cân-não cộng với mệt-mỏi về xác-thịt làm cho người quân-nhân mất một phần sáng-suốt trong trí-óc.

Về mặt địa-hình địa-vật, việc thông-thạo một địa-phương thường phức-tạp hơn là am-hiểu một địa-điểm tương-đối nhỏ hẹp được chuẩn-vị làm chiến-địa. Vấn-đề này có ảnh-hưởng rất lớn đến việc chỉ-huy cũng như đến sự vững-tâm của binh-sĩ. Chiến-đấu ở một vùng lạ đất, lạ sông là một khó-khăn rất đáng kể.

✻

Người quân-nhân có chiến-đấu, và đã khổ-tâm trước những cuộc hành-binh bình-định, nghĩ rằng có lẽ có thể sửa đổi sự chuẩn-bị một hành-binh bình-định cho thích-hợp hơn hầu đối-phó với những khó khăn đã nêu trên.

Trái với một hành-binh tác-chiến, việc chuẩn-bị này cần chú-trọng rất nhiều về tư-tưởng. Trước khi đột-nhập một vùng cần bình-định, toàn-thể quân-nhân của đơn-vị cần được học-tập kỹ-lưỡng tình-hình nhân-dân vùng đó. Tất cả quân-nhân, không trừ người nào cả, cần biết lịch-sử của vùng, những đặc-điểm về tâm-lý nhân-dân, những phong-tục tập-quán riêng-biệt của họ, những băn-khoăn và nguyện-vọng thật sự của họ. Nếu hiểu được nhân-dân đã khổ-sở vì nguyên-nhân nào, nếu biết được trong quá-khứ họ đã chịu đựng và oanh-liệt ra sao, nếu thấu được vì đâu họ đã đến hoàn-cảnh hình như có thái-độ chống-báng hay thù ghét mình, thì lúc bấy giờ mình mới có thể kính mến và thương-yêu nhân-dân vùng đó được. *Tư-tưởng cần được xây-dựng cho binh-sĩ sắp hành-quân bình-định không phải là một tư-tưởng ngờ-vực, hay thù ghét* ; trái lại, cần phải là một tư-tưởng thương yêu nhân-dân địa-phương, một sự tin-tưởng ở bản-chất tốt của họ, mặc dù họ có thể, vì hiểu lầm, thù ghét mình và sắp có thể hại đến mình, che chở cho kẻ địch. Chính có xây-dựng được tư-tưởng thương yêu đó thì cuộc hành-quân bình-định mới có một ý-nghĩa đúng-đắn và mới có thể đem lại an-ninh và hòa-bình cho dân. Ngoài tư-tưởng thương mến, cần biết các đặc-tính tinh-thần và tâm-lý của dân. Có những vùng phong-tục tập-quán khác biệt rất nhiều với mình. Những việc làm tại nơi nầy được dân mến nhưng tại nơi khác lại bị ghét. Có lần quân-đội đến một địa-phương mượn chảo của dân chiên xào chút ít thức ăn ; trước khi trả lại, anh em đem chảo đi rửa và thấy đáy chảo quá dơ nên cạo cho sạch. Khi đem trả chảo, người chủ hết sức phiền ; theo phong-tục ở đó người ta không bao giờ rửa chảo, vì chảo chỉ dùng để chiên xào thức ăn tức là vật của Trời cho. Nếu có lấn lộn chút gì dơ thì lửa cũng là vật của Trời cho đã thanh-trừng sạch-sẽ rồi. Lấy chảo đi rửa mà còn cạo nữa là khinh người chủ dơ và khinh các thức vật mà Trời cho người. Khinh người địa-phương và khinh Trời tức là không thể là bạn của dân địa-phương. Trái lại, tại chỗ khác, mượn chảo của dân mà đem trả không rửa thì bị dân phê-phán là bừa bãi không biết tôn-trọng của dân. Mỗi vùng có những đặc-điểm trong phong-tục tập-quán, cần

phải điều-tra mới biết và cần phải tôn-trọng mới được lòng dân, vì đó là bằng-chứng rất cụ-thể rằng mình kính-dân và mến dân.

Cần biết và học-tập các điều thắc-mắc của dân. Nếu năm xưa, tại vùng đó mà một quân-nhân xấu của quân-đội mình có bắt gà bắt vịt hay là bẻ ngang cây trái, hay toan hãm-hiếp một gái trong làng, thì nay khi đơn-vị mình đến, đừng lấy làm lạ mà thấy dân ghét sẵn, nói xiên nói xéo về « những tên lính ba đá cướp của của dân». Phải nhẫn-nại mà chịu-đựng, vì mình không có quyền bào-chữa cho kẻ sai-lầm và càng không có quyền tức-giận, mắng-nhiếc hay hăm-he lại. Lính nào cũng mặc một thứ quân-phục, « Con sâu làm rầu nồi canh », một người làm sai bạn họ phải chịu lấy tiếng xấu. Dân không sao nhớ được từng người. Đừng nên phiền dân, mà chỉ phiền bạn mình đã làm thiệt-hại cho dân nên dân mới ghét, mới thù. Cách đối phó hay nhứt là làm thế nào mà sau khi đơn-vị mình đi, dân có thể nói « lính nầy không giống anh lính năm xưa. Thương anh em lính này tôi quên sai-lầm của anh lính xưa ». Nếu biết rằng dân vùng đó đang thắc-mắc chánh-phủ về việc phân chia đất-đai hay về một con đường xuyên qua ruộng họ, cấp chỉ-huy phải cho binh-sĩ học-tập chánh-sách chia đất của chánh-phủ, và những lợi-hại khiến chánh-phủ xây đắp con đường nói trên. Khi quân-đội hiểu được thắc-mắc và nguyện-vọng của dân thì mới có thể tranh thủ được lòng dân và do đó, dựa vào dân để diệt trừ kẻ địch-thù, bình-định lại địa-phương.

Ngoài những chuẩn-bị về tinh-thần, cần chuẩn-bị về những kỹ-thuật đặc-biệt cần áp-dụng tại vùng sắp hành-quân. Vùng sông ngòi nhiều đất xình lầy thì nên cho tập-luyện lại nhiều về cách lội xình, băng sông, vượt cầu khỉ. Vùng rừng núi thì lại cho tập về những kỹ-thuật khác cho thích-hợp v.v.. Phần này thường được chú-ý nhiều hơn.

★

Như một cuộc hành-quân tác-chiến, một cuộc hành-quân bình-định đòi-hỏi một sự chuẩn-bị tinh-thần và vật-chất rất chu-đáo. Đặc-biệt, tư-tưởng binh-sĩ cần được xây-dựng đúng hướng, bằng không những hành-binh bình-định không đem lại bình-an và hòa-bình, mà trái ngược, chỉ gieo tai-họa và oán-hận. Việc làm căn-bản của người lính không phải đánh giặc bằng miệng, song nếu chỉ chú-trọng mài gươm, tập bắn mà thôi, thì quân-đội đó sẽ thất bại, nếu phải chiến-đấu với một quân-đội địch có khả-năng đánh cả về mặt quân-sự và chánh-trị.

Vì thiếu chuẩn-bị về tư-tưởng trong hoàn-cảnh, hành-binh bình-định có thể thiếu nhẫn-nại hoặc theo những nết xấu có sẵn trong lòng mọi người mà hành-động sai-lầm. Một oán-hận đem đến một oán-hận khác. Một giòng máu chảy khêu ra một giòng máu khác. Không phải trên căn-bản sức mạnh và súng đạn mà có thể đem lại hòa-bình và hạnh-phúc cho loài người. Người lính nào trong lòng thiếu tình thương, đi bình-định chỉ gieo thêm mầm rối-loạn và sẽ gặt lấy mối thù-oán.

PHẠM-NGỌC-THẢO

VẾT NỨT - RẠN ĐẦU TIÊN

CỦA CỘNG-SẢN QUỐC-TẾ :

VỤ TI-TÔ

(Biến-cố trọng-đại nhất của C. S. thời hậu-chiến)

VŨ - THỪA - CHI

CHƯƠNG THỨ NHẤT

ĐIỀU PHẢI ĐẾN ĐÃ XẢY RA BẤT-NGỜ

Một quyết-nghị không ai chờ đợi

THÁNG 2 năm 1948, Đảng Cộng-sản Tiệp-Khắc vừa thắng-lợi trong việc giành chính-quyền, lật-đổ phe quốc-gia dân-chủ, thành-lập nội-các mới do Cộng-sản cầm đầu.

Hiển-nhiên, Cộng-sản quốc-tế khuyên được một « điểm son » trong bảng « thành-tích » khuếch-trương ảnh-hưởng ở thời hậu-chiến. Nhìn xuống địa-đồ Trung, Đông, Âu, thế-giới dân-chủ lo-lắng : một xứ-sở tự-do đã trở thành dinh-lũy của Cộng-sản.

Tuy-nhiên, người ta lo-lắng mà không bỡ-ngỡ. Dưới ảnh-hưởng của quân-đội chiếm đóng Nga-sô, tương-quan lực-lượng giữa hai phe Quốc-gia dân-chủ và Cộng-sản Tiệp-Khắc đã nghiêng rõ về phe này. Thì, xét về mặt nào, biến-cố chính-trị ở Tiệp-Khắc không vượt quá khả-năng suy-đoán của mọi người vậy.

Nhưng thế-giới tự-do đã vô cùng ngạc-nhiên khi thấy tờ báo Cộng-sản Tiệp-Khắc Rude Pravo, ra ngày 28 tháng 6 năm 1948, đăng - tải quyết - nghị của Phòng Thông-Tin Đệ - Tam Quốc-tế

(Kominform) về tình-trạng Đảng Cộng-sản Nam-tư.

Lần đầu tiên, Cộng-sản quốc-tế nghiêm-khắc chỉ - trích những sai-lầm của một đảng Cộng-sản, trước thế-giới, trong đó dĩ-nhiên có phe đối-lập là khối dân-chủ.

Lần đầu tiên, Cộng-sản quốc-tế phơi-bày trước ánh-sáng dư-luận những mâu-thuẫn về lý-thuyết, chính-sách, chủ-trương đang đe-dọa sự thống-nhất ý-chí, hành-động của phe Cộng.

Và cũng lần đầu-tiên, thái-độ của Cộng-sản quốc-tế đối với một đảng huynh-đệ, đã không thân-ái đoàn-kết, ngược lại còn bộc-lộ một sự hằn-học khó hiểu, gần như thái-độ đối với kẻ thù.

Sự thật hay mưu-mô ?

Phản-ứng đầu tiên và hợp-lý của nhiều người đối với sự-kiện mới lạ ấy, là sự băn - khoăn ! Nhiều câu hỏi ám-ảnh, đòi một sự giải-đáp rạch-ròi.

Phải chăng đây là sự thật ? Hay lại một đòn bẫy mới của Cộng-sản quốc-tế ? Nếu là sự thật thì là vì sao ? Nam-Tư há chẳng được xem như nước Cộng-sản trung-thành nhất với Nga-sô ? Ti-tô cùng với các cán-bộ Cộng-sản Nam-Tư há chẳng được liệt vào hạng tay sai đắc-lực nhất của Mạc-tư-khoa ? Những sai-lầm của Đảng Cộng-sản Nam-Tư là những sai-lầm gì, và đối với ai ?

Ngay đối với một vài giới Tây-phương sớm nhận-định việc nầy có thật, cũng có những thắc-mắc không kém gay-gắt. Tại các cuộc hội-nghị quốc-tế bàn về vấn-đề Trung, Đông-Âu, người ta cũng đã chú-ý rằng trong nhiều trường-hợp, lập-trường của các đảng, các nước Cộng-sản Trung, Đông-Âu, không ăn khớp, hơn thế, chống-nghịch nhau. Nhưng người ta đã giải-thích sự-trạng nầy bằng hai giả-thuyết :

a) Nga-sô quí-quyệt chia rẽ các đảng Cộng-sản chư-hầu để giữ vai trò trọng-tài, do đó nắm vững quyền chi-phối.

b) Những hiện-tượng chống-nghịch nầy không có tính-chất căn-bản (không đả-động đến ý-thức-hệ Cộng - sản hay lập-trường đối với khối Dân-chủ) đã được Nga-sô cho phép biểu-lộ, để chứng-tỏ các Đảng Cộng-sản chư-hầu « vẫn có tự-do ».

Cho nên sự-việc xảy ra làm cho giới am-hiểu thời-cuộc có phần lúng-túng trong việc tìm lời giải-thích.

Như vậy, phản-ứng của dư-luận thế-giới đối với quyết-nghị ngày 28-6-48 của Phòng Thông-Tin Đệ Tam Quốc-tế, chia làm hai loại :

Những người quen nhìn Cộng-sản quốc-tế theo hình-ảnh một khối thống-nhất ý-chí, hành-động, cho rằng đây là một âm-mưu mới của họ. Nhưng âm-mưu nầy như thế nào, để làm gì, thì chưa ai trả lời được.

Giới am-tường tình-hình Cộng-sản hơn thì lại không hiểu vì đâu hiện-tượng chia rẽ trong hàng-ngũ Cộng-sản quốc-tế bộc-phát theo những điều - kiện quyết-liệt như thế.

Và thái-độ chung của mọi người là tìm hiểu : nhìn lại tình-hình đã qua, theo dõi sự tiến-triển của sự-kiện, để có một ý-niệm rõ-ràng và dứt-khoát.

Có một cái gì đây !

Nói cho đúng, không phải giới chính-trị quốc-tế đã hoàn-toàn không hay biết

gì về những việc xảy ra ở Nam-Tư liên-quan đến sự giao-thiệp giữa Nam-Tư và Phòng Thông-Tin Đệ Tam Quốc-tế cùng Nga-sô.

Nhưng người ta cảm thấy nhiều hơn là có thể nhận-định cụ-thể một điều gì. Và dễ dư c như vậy, các tòa đại-sứ Tây-phương đã phải khó-khăn nhiều lắm rồi trong việc chắp nhặt hệ-thống, phán-đoán các tin-tức.

Theo ông Hamilton Fish Armstrong trong quyển sách của ông (Tito and Goliath), chỉ có tòa đại-sứ Mỹ ở Belgrade là đã biết trước được một ít tình-hình.

Các-vị đại-diện ngoại-giao Mỹ đã lưu-ý đến nhiều việc.

Trước hết, họ thấy rằng ngày sinh-nhật của thống-chế Ti-Tô (25 tháng năm), Nam-Tư không nhận được điện-văn chúc mừng của Staline. Đó là một điều trái với thủ-tục.

Rồi đến vấn-đề chỗ họp của hội-đồng bàn việc giao-thông trên sông Danube. Trước đó, đã có quyết-định rằng thủ-đô Belgrade của Nam-Tư sẽ là nơi họp. Nhưng đến cuối tháng năm (1948), ngoại-trưởng Nam-Tư Simitch tin cho các phái-đoàn ngoại-giao quốc-tế hay rằng, theo lời yêu cầu của Nga-sô, hội-đồng sẽ họp ở một nơi khác. Chỉ vài giờ sau, chính ngoại-trưởng Simitch thông-báo trở lại cho ngoại-giao-đoàn hay rằng chính-phủ Nam-Tư đã quyết-định rằng hội-đồng ấy sẽ họp ở thủ-đô Nam-Tư.

Người ta lại để ý rằng báo-chí Nga-sô, gần như không đăng-tải những tin-tức phản-ánh sinh-hoạt của quốc-gia Nam-Tư nữa.

Trong thời-gian nầy, nhiều biện-pháp thanh-trừng đang được xúc-tiến trong nội-bộ đảng Cộng-sản và Mặt-trận Bình-dân Nam-Tư. Hai cựu tổng-trưởng của Ti-Tô, Hebrang và Jouyovitch đã bị cách-chức và bắt giam vào tháng tư. Ngày 20 tháng tư, mười lăm cán-bộ Cộng-sản Nam-Tư bị đưa ra xét-xử trước tòa-án Ljubljawa. Tất cả đều là đảng-viên Cộng-sản lâu năm, đã từng chiến-đấu ở Y-pha-nho hoặc bị phát-xít Đức cầm tù. Ngày 26 tháng tư, tất cả số bị-can ấy bị kết án tử-hình.

Bình-luận về vụ nầy, tờ Borba, cơ-quan ngôn-luận chính-thức của Chính-phủ và đảng Cộng-sản Nam-Tư, nói rằng : « Chỉ có bọn tay sai ngoại-quốc mới cho vụ án nầy là việc trả thù, trả oán trong nội-bộ đảng Cộng-sản, vì chúng thất-vọng đã mất gián-điệp của chúng ở Nam-Tư »

Trước đó mấy ngày, Kardelj, ủy-viên ban chấp-hành Trung-ương đảng Cộng-sản Nam-Tư, đã lên tiếng tố-cáo « vài lý-thuyết mới, có hại » về kinh-tế, phản-chiếu sự thiếu tin-tưởng ở khả-năng của quốc-gia.

Chủ-tịch chính-quyền một địa-phương, Blagoyé Neskovitch, cho những lý-thuyết ấy phát-xuất từ lập-trường trốt-kít.

Miho Marinko, chủ-tịch một địa-phương khác, quả-quyết rằng đảng Cộng-sản Nam-Tư sẽ thanh-trừng hết « những rác-rưởi đã len-lỏi vào hàng-ngũ », rằng những phần-tử ấy sẽ bị lần-lượt vạch mặt.

Ngày 12 tháng 6, người ta chú-ý rằng báo Borba đăng một bài xác-nhận tổ-chức đảng Cộng-sản Nam-Tư « rất phù-hợp » với các nguyên-tắc chủ-nghĩa Cộng-sản của Lénine và Staline (principes léninistes-staliniens).

Rồi ngày 15 tháng 6, tờ báo « Vì một nền hòa-bình lâu dài, vì một chế-độ dân-chủ mới (Pour une paix durable, pour une démocratie nouvelle), cơ-quan ngôn-luận của Phòng Thông-Tin Đệ Tam quốc-tế đăng-tải một bài công-kích thái-độ của những đảng viên Cộng-sản « không chịu thừa nhận sai-lầm ». Có những câu như : « Thái-độ phản mác-xít đối với vấn-đề Phê-bình và Tự Phê-bình thường do óc tự-mãn, tự-túc, hoặc do không nhận-thức được sự quan-trọng của Tự Phê-bình... và do ước-muốn hạn-chế, bóp nghẹt sự phê-bình và áp-dụng những biện-pháp đối-phó với những người phê-bình chỉ-trích đúng-đắn ».

Góp nhặt bao nhiêu sự-việc kể trên, các nhà ngoại-giao quốc-tế có mặt ở Nam Tư, đặc-biệt là các nhân vật hữu-trách ở tòa đại-sứ Mỹ, phải tự đặt nhiều câu hỏi, tìm giải-quyết nhiều thắc-mắc.

Tại sao các cựu tổng-trưởng Hebrang, Jouyovitch, những đảng-viên Cộng-sản kỳ-cựu, mà ai cũng biết rằng rất được các lãnh-tụ Điện Cẩm-linh tín-nhiệm, lại bị kết án tử-hình ? Và ngoại-quốc nào « thất-vọng vì mất số gián-điệp của mình » ở Nam-Tư ?

Tại sao báo Borba phải xác-nhận rằng : tổ-chức đảng Cộng-sản Nam-Tư « rất phù-hợp » với các nguyên-tắc của chủ-nghĩa Cộng-sản ? Có ai đã phê-bình chỉ-trích các nhà lãnh-đạo đảng Nam-Tư về vấn đề ấy chăng ?

Và những lời công-kích của cơ-quan ngôn-luận Phòng Thông-Tin Đệ Tam quốc-tế nhắm đảng Cộng-sản nào, cá-nhân đảng-viên nào vậy ?

Tình-hình quả là có những điểm, những sự-việc mới lạ, không thường.

Không thể nhận-định một cách vội-vã, hời-hợt, người ta tạm bằng lòng ở cách kết-luận chắc-chắn nhất : Có một chuyện gì đây trong nội-bộ Cộng-sản quốc-tế !

Những sự thật mà bản quyết-nghị của Phòng Thông-Tin Cộng-sản bộc-lộ

Cảm-tưởng về sự lục-đục trong hàng-ngũ Cộng-sản quốc-tế trở nên mạnh-mẽ, đậm sâu, khi bản quyết-nghị ngày 28 tháng 6 được tung ra ngoài dư-luận thế-giới.

Và mọi người đều cố-gắng nghiên-cứu hầu phát-hiện vài ánh sự thật trong cái văn-kiện của một tổ-chức vốn nổi tiếng là qui-quyệt man-trá.

Bản quyết-nghị cho biết rằng vào trung-tuần tháng 6, Phòng Thông-Tin Đệ-Tam quốc-tế đã họp tại Lỗ-mã-ni về vấn-đề đảng Cộng-sản Nam-Tư, phiên họp mà các nhà lãnh-đạo Cộng-sản Nam-Tư đã từ-chối không chịu tham-dự. Thời-gian trước cuộc họp đặc-biệt nầy, giữa hai thủ-đô Mạc-tư-khoa và Belgrade đã có sự trao-đổi nhiều thư-từ về các vấn-đề tranh-chấp.

Theo Phòng Thông-Tin Cộng-sản, các nhà lãnh-đạo Cộng-sản Nam-Tư đã đưa Đảng vào con đường sai-lầm, không đúng với những nguyên-tắc căn-bản của chủ-nghĩa Cộng-sản. « Những phần-tử quốc-gia trước kia tồn-tại dưới một hình-thức che giấu, trong vòng 5, 6 tháng nay đã nắm ưu-thế trong công cuộc lãnh-đạo đảng Cộng-sản Nam-Tư ». Theo bản quyết-nghị, đó là nguyên-nhân chính-yếu đưa đảng Nam-Tư đến tình-trạng sai-lầm nói trên.

Phòng Thông-Tin Cộng-sản kết-thúc bản quyết-nghị bằng sự hô-hào quần-chúng đảng-viên Đảng Cộng-sản Nam-Tư hãy siết chặt hàng-ngũ, tăng-cường đấu-tranh, buộc các nhà lãnh-đạo hữu-trách phải « đoạn-tuyệt với chủ-nghĩa quốc-gia », « trở lại với chủ-nghĩa quốc-tế ».

Kết-hợp với những điều sơ-kết về tình-hình, nội-dung bản quyết-nghị 28-6 đặt thế-giới tự-do trước một hiển nhiên.

Hiển-nhiên là :

a) Đảng Cộng-sản Nam-Tư bị Nga-sô và các đảng chư-hầu trong hệ-thống Phòng Thông-Tin Đệ Tam quốc-tế, nghiêm-khắc kết-án.

b) Những điểm buộc tội quan-trọng nhất là : Đảng Cộng-sản Nam-Tư đi chệch ra ngoài các nguyên-tắc căn-bản của chủ-nghĩa Cộng-sản và lãnh-đạo công-cuộc kiến-thiết quốc-gia Nam-Tư trên lập-trường quốc-gia.

c) Đảng Cộng-sản Nam-Tư bênh-vực lập trường của mình, chống lại Đảng Cộng-sản Nga và Phòng Thông-Tin Đệ Tam quốc-tế.

d) Bản quyết-nghị 28 tháng 6 của Phòng Thông-Tin Đệ-Tam quốc-tế có ý-nghĩa khai-trừ khỏi hàng-ngũ Cộng-sản quốc-tế các nhà lãnh-đạo Đảng Cộng-sản Nam-Tư và công-khai kêu gọi quần-chúng đảng-viên Nam-Tư chống lại họ.

Lời kết-luận tổng-quát là thế-giới tự-do đang đứng trước những bằng-chứng cụ-thể về sự nứt-rạn của khối Cộng.

Vấn-đề đặc-biệt quan-trọng vì đây là lần đầu tiên người ta nhận thấy một tình-trạng lục-đục sâu-sắc trong hàng-ngũ Cộng-sản quốc-tế cho đến nay chỉ biết vâng theo mệnh-lệnh Điện Cẩm-linh, vì sự chống-nghịch giữa một bên Đảng Cộng-sản Nam-Tư, một bên Đảng Cộng-sản Nga-sô và Phòng Thông-Tin Đệ Tam quốc-tế, diễn ra trên địa-hạt lý-thuyết, nguyên-tắc, nghĩa là động chạm ngay đến ý-thức-hệ hay chủ-nghĩa, cơ-cấu nền móng của chế-độ Cộng-sản.

Qua những phút xúc-cảm đầu-tiên trước một biến-cố có tầm quan-trọng chính-trị lớn lao như thế, người ta tự hỏi về triển-vọng tình-hình.

Nam-Tư có thể đứng vững trong điều-kiện tách rời hàng-ngũ phe Cộng chăng ?

Ai cũng có những lý-do để ngại rằng con gấu Nga sẽ bóp chết không tiếc thương con chim sẻ Nam-Tư cứng đầu nhưng bé nhỏ.

Và mọi người, nhất là giới chính-trị dân-chủ quốc-tế, nghiêng mình xuống Nam-Tư, tìm ở dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai xứ nầy, lời giải-đáp.

CHƯƠNG THỨ HAI

CỘNG-SẢN QUỐC-TẾ và CỘNG-SẢN « QUỐC-GIA »

Trước khi đi vào việc Đảng Cộng-sản Nam-Tư, dưới sự lãnh-đạo của Ti-Tô, chống lại cả hệ-thống Cộng-sản quốc-tế do Nga-sô cầm đầu, ta nhìn lại tình-hình trước ngày xảy ra biến-cố ấy.

Nếu mọi việc ở đời đều diễn-tiến theo con đường nhân-quả, sự tìm hiểu nầy sẽ giúp ta nhận-thức rõ-ràng hơn sự nứt-rạn của Cộng-sản quốc tế vậy.

Từ cái bàn hội-nghị Yalta đến cuộc chạy đua vào Belgrade

Thế-giới đại-chiến lần thứ hai đang

ở vào thời-kỳ phân thắng nghiêng rõ về phe Đồng-minh Dân-chủ.

Tại Yalta, các nhà lãnh-đạo ba cường-quốc Anh, Nga, Mỹ, họp bàn về việc qui-định một trật-tự mới cho thế-giới sau đại-chiến. Dưới các danh-từ nêu lên một cách tổng-quát nầy, thật ra ba cường-quốc đồng-minh bàn-cãi về vấn-đề Trung-Đông-Âu. Phải xử-trí như thế nào để đảm-bảo hòa-bình ở vùng nầy, đối với các quốc-gia kháng-chiến chống phát-xít Đức bên cạnh Đồng-minh (Nam-Tư, Ba-Lan, Tiệp-Khắc) cũng như đối với các quốc-gia đã bị lôi cuốn theo phe Trục (Hung-gia-lợi, Lỗ-mã-ni, Bảo-gia-lợi) ?

Nhất là, và đây mới là vấn-đề gay-cấn đối với hai cường-quốc dân-chủ Anh, Mỹ, phải tìm những thỏa-hiệp nào để vừa tạo những điều-kiện tồn-tại Độc-lập, Dân-chủ cho các quốc-gia ấy, vừa giải-đáp một cách hợp-lý những yêu-sách của Nga-sô.

Trước hơn quốc-gia nào hết, Nam-Tư đã gởi cho Tam Cường một bản công-hàm bày tỏ lập-trường của mình về các vấn-đề.

Nhưng trong hội-nghị, khi các nhà lãnh-đạo Anh, Mỹ nêu ra để xem xét quan-điểm và nguyện-vọng của các quốc-gia. Staline đã mỉm cười buông một câu : « Nam-Tư, An-ba-ni (Albanie) và những nước nhỏ tương-tự không có quyền ngồi ở bàn nầy ». Một chuyện nhỏ để ta thấy một nét của thái-độ Nga-sô đối với Nam-Tư. Và dưới đây một giai-thoại khác, cho thấy ngược lại, một nét của thái-độ Nam-Tư đối với cường-quốc cầm đầu phe mình. Bấy giờ là tháng 10 năm 1944. Quân-đội Nam-Tư gặp quân-đội Nga-sô trước Belgrade, thủ-đô Nam-Tư còn ở trong tay quân Đức. Giờ giải-phóng Belgrade sắp điểm. Chín sư-đoàn Nam-Tư sẵn-sàng xung-trận. Để phối-hợp chiến-đấu, tư-lệnh Peko Daptchévitch và chính-ủy Mijalko Todorovitch của đệ nhất quân-đoàn Nam-Tư, đến hội-kiến với tướng Jdanov, tư-lệnh Hồng-quân. Trước những lời hỏi-han của hai người, Jdanov trả lời : « Tôi hành-động theo kế-hoạch của tôi, các bạn hãy hành-động theo kế-hoạch của các bạn ».

Hai tướng-lãnh Nam-Tư nhấn mạnh : « Chúng tôi đang tiến-hành cuộc cách-mạng. Chúng tôi đã tự sức mình giải-phóng tất cả đất nước và chúng tôi mong muốn sẽ giải-phóng Belgrade, thủ-đô tương-lai của nước Nam-Tư mới ».

Jdanov chỉ trả lời vắn-tắt : « Mời các bạn sáng mai đến dùng trà ở nhà tôi tại Belgrade ».

Sau cuộc đối-thoại nầy, các tướng-lãnh Nam-Tư lập-tức ra lệnh cho binh-sĩ gấp rút hành-quân nhằm hướng Belgrade. Quân-lệnh truyền ra là quân-đội Nam-Tư phải tiến cho kịp các đoàn cơ-giới Nga để vào Belgrade một lần. Binh-sĩ Nam-Tư đã chạy bộ suốt 40 cây số không ngừng, từ chối cả ăn uống. Cuối cùng, một tiểu-đoàn Nam-Tư qua mặt một đơn vị cơ-giới Hồng-quân và tiến lên hàng đầu vào Belgrade. « Chúng ta ca-ngợi vinh-dự của bạn Đồng-minh Nga-sô, chúng ta cảm-ơn sự giúp-đỡ của Nga-sô về chiến-xa cũng như các mặt khác nhưng tôi không muốn rằng những đơn-vị Hồng-quân sẽ vào Belgrade đầu-tiên. Vinh-dự ấy thuộc về đệ-nhất tiểu-đoàn Nam-Tư... ».

Chỉ-huy trưởng tiểu-đoàn giải-phóng Belgrade, Voïo Avramovitch, đã tuyên-bố đại-khái như vậy.

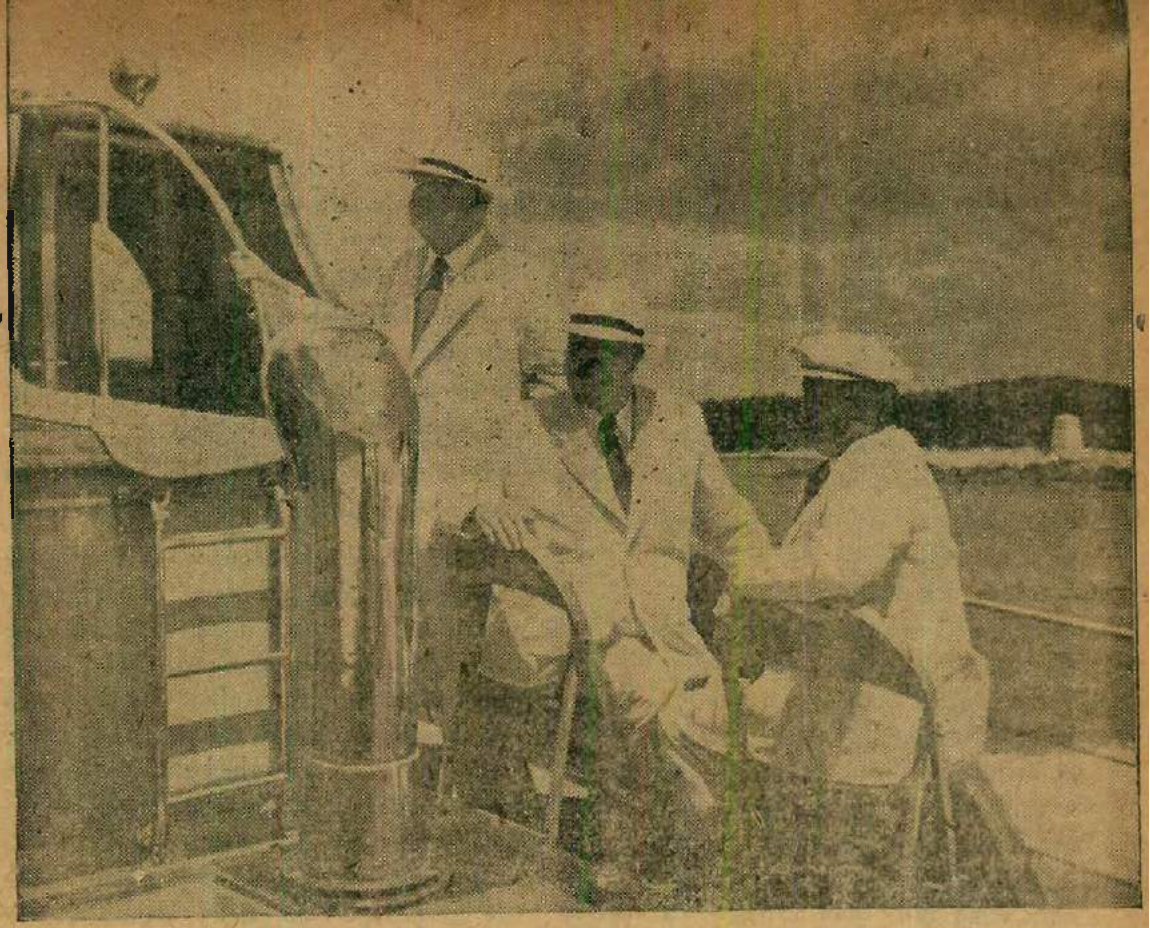

Tháng 6 - 1948 — Tito bị kết án phản-bội, bị khai-trừ khỏi hàng-ngũ C. S. Quốc-tế.
Tháng 6 - 1956 — Boulganine, Krouichev mang đến Tito lời tạ lỗi của Nga-sô.
(Từ trái qua phải : Boulganine, Krouichev, Tito).

Hai câu chuyện cho ta thấy hai cạnh khía của tình-hình giao-thiệp Nga-sô — Nam-Tư. Phải chăng Nga-sô chỉ có lỗi-lầm là khinh-thường lực-lượng của quốc-gia Nam-Tư bé nhỏ ?

Phải chăng bệnh «anh-hùng» là nguyên-nhân chính thúc-đẩy người Nam-Tư không nhượng bước Nga-sô ?

Vấn-đề còn phức-tạp hơn nhiều. Và người quan-sát khách-quan phải nhìn nhiều cạnh-khía khác nữa.

Thương nhau chẳng lại bằng mười phụ nhau

Từ 1941, các nhà cầm-quyền Mạc-tư-khoa đã biết rõ phong-trào kháng-chiến chống phát-xít Đức ở Nam-Tư do Đảng Cộng-sản của Tito lãnh-đạo, hơn thế, đã có liên-lạc chặt-chẽ một phần.

Nhưng mặc dầu Nam-Tư liên-tiếp thiết-tha yêu-cầu Nga gởi cho quân-nhu, vũ-khí vốn là chỗ yếu quan-trọng của quân-đội Nam-Tư, chỉ ba năm sau, năm 1943, Nga mới viện-trợ cho một ít máy bay và một số cơ-giới, vũ-khí, và trước đó thì Nam-Tư đã nhận được sự viện-trợ hiệu-quả của Đồng-minh Anh, Mỹ.

Trong thời-gian nầy, quân-đội Nam-Tư đã trải qua và chịu đựng 6 cuộc tấn-công lớn-lao của quân-đội Đức, Ý, đã chiến-đấu chống nhiều kẻ thù, ngoài và trong, với đơn-độc thực-lực của họ.

Không tích-cực giúp-đỡ cho Đảng Cộng-sản Nam-Tư, không phải vì Nga-sô thiếu hẳn phương-tiện.

Các sử-gia vô-tư nhấn-mạnh về chính-sách quốc-tế của Nga, xem đó là nguyên-nhân của thái-độ lạnh-lạt nói trên.

Từ ngày bước vào hàng-ngũ Đồng-Minh Dân-chủ chống phát-xít, qua những cuộc tiếp-xúc với các cường-quốc Tây-phương, Nga-sô đã để lộ quan-điểm của mình về trật-tự tương-lai của thế-giới. Sớm hơn ai hết, thủ-tướng Anh Churchill đã nhận thấy Nga muốn chia thế-giới thành những khu-vực quyền-lợi. Trung, Đông-Âu, theo ý Nga-sô, phải nằm trong khu-vực ảnh-hưởng của mình. Riêng đối với Nam-Tư, vì địa-vực sát kề vùng ảnh-hưởng của Anh-quốc xưa nay là Hi-Lạp (Grèce), Nga-sô đã tỏ ý cùng Anh chia nhau tỷ-lệ ảnh-hưởng. Và thái-độ của Nga đối với Đảng Cộng-sản Nam-Tư tùy-thuộc vào chính-sách Anh-Nga đối với quốc-gia ấy. Trong khi đó thì tại Nam-Tư, ngoài lực-lượng kháng-chiến do Đảng của Tito lãnh-đạo, còn một chính-phủ hoàng-gia chống phát-xít lưu-vong tại Anh, do Anh-quốc bảo-trợ. Bên cạnh chính-phủ này có đại-diện ngoại-giao của Nga.

Người ta dễ hiểu rằng Nga-sô sẵn-sàng hy-sinh con tốt dù là một đảng Cộng-sản đàn em, để mưa-tranh con xe : quyền-lợi trong sự thỏa-hiệp với một quốc-gia mà đứng trên lập-trường Cộng-sản đáng lẽ Nga-sô thấy khó gần.

Qua thái-độ của Đảng Cộng-sản Nga đối với đảng mình, không có gì thân-mật hơn là đối với chính-phủ hoàng-gia, đúng ra chỉ là một nhóm người thiếu lực-lượng võ-trang, thiếu hậu-thuẫn dân-chúng, các đảng-viên Cộng-sản Nam-Tư không khỏi thắc-mắc.

Phải chăng đảng tiêu-biểu hơn hết cho chủ-nghĩa Cộng-sản quốc-tế của Mác-Lê lại chỉ nhằm mưu-lợi cho riêng mình như một số tổ-chức chính-trị khác ?

Nhưng họ còn bị thử-thách nhiều, còn có nhiều dịp để ngậm cay nuốt đắng nữa.

Năm 1942, Bogomolov tuyên-bố với chính-phủ hoàng-gia Nam-Tư rằng Nga-sô không chịu trách-nhiệm về hoạt-động Cộng-sản trong xứ, đồng-thời Đảng Cộng-sản Nga buộc Tito phải thỏa-hiệp với các phần-tử hoàng-gia đối-lập. Thấy Đảng Cộng-sản Nam-Tư chần-chờ, Nga liền nâng tòa đại-diện Nga bên cạnh chính-phủ hoàng-gia lên hàng đại-sứ quán. Quyết-định này rõ-ràng có ý nghĩa cảnh-cáo lực-lượng Cộng-sản Nam-Tư, dĩ-nhiên làm cho Đảng Nam-Tư hết sức buồn lòng. Sự buồn bã trở nên bực-bội khi người Nam-Tư biết rằng hành-động của Đảng Cộng-sản Nga đã có giá-trị đổi-chác : Nga ép Đảng Cộng-sản Nam-Tư nhượng-bộ vì ở nơi khác, Nga được thêm một số lợi-quyền.

Sau đại-chiến, Nam-Tư còn gặp một sự-việc phải suy-nghĩ : thái-độ của Nga đối với kế-hoạch năm năm của Nam-Tư.

Theo kế-hoạch này, Đảng của Tito trù-định xây-dựng nước Nam-Tư mới trên nền-tảng kỹ-nghệ nặng.

Đáp lời kêu gọi giúp-đỡ của Nam-Tư, Nga-sô ngỏ ý trang-bị cung-cấp cho về quân-nhu, vũ-khí (chứ không phải giúp xây-dựng kỹ-nghệ chế-tạo quân-nhu, vũ-khí), lại khuyên Đảng Cộng-sản Nam-Tư nên hướng về phát-triển kỹ-thuật canh-

tác, khai-thác lâm thổ-sản hơn là « phiêu-lưu ở địa-hạt kỹ-nghệ nặng ».

Người ta hiểu rằng Nga-sô có những lời khuyến-cáo như vậy là vì với kế-hoạch năm năm ấy, Đảng Cộng-sản Nam-Tư muốn xây-dựng Nam-Tư thành một nước hùng mạnh và độc-lập, trong khi Nga-sô đã có sẵn một chương-trình kinh-tế cho Trung, Đông-Âu mà nội-dung có tác-dụng ghép chặt các nước Cộng-sản chư-hầu trong một hệ-thống sản-xuất, phân-phối, tiêu-thụ, do Đảng Cộng-sản Nga chỉ-huy. Ti-Tô và Đảng Nam-Tư, bất - chấp sự không đồng - ý của Nga, đã tiến - hành công cuộc thực-thiện kế-hoạch năm năm của họ.

Qua những sự việc trên, ta lại thấy thêm vài cạnh-khía khác của mối quan-hệ Nga — Nam-Tư. Nhưng chưa đủ, còn cần xem-xét một số sự-việc tiêu-biểu nữa.

Từ « mũi dao đâm sau lưng » đến trận giặc miệng về danh-từ

Tháng 10 năm 1953. Ba ngoại-tướng Eden (Anh), Cordel Hull (Mỹ), Molotov (Nga) họp bàn tại Mạc-Tư-Khoa.

Bộ tham-mưu lực-lượng kháng - chiến Nam-Tư gởi nến hội-nghị một giác-thư nhấn-mạnh mấy điểm : a) Không thừa nhận chính-phủ hoàng-gia lưu-vong tại Anh, không cho họ trở về Nam-Tư vì nếu họ về sẽ có nội-chiến. b) Đại đa-số nhân-dân Nam-Tư mong muốn một chế - độ Cộng-hòa và chỉ có chính-quyền do các ủy-ban giải-phóng quốc-gia thành-lập mới hợp-pháp.

Tháng 11 năm ấy, Đại-hội Mặt-trận thống Phát-xít Nam-tư, họp tại Jajtse, sau khi tấn-phong Ti-Tô tước Thống-chế, quyết-định nhiều điều-khoản có giá - trị những nền-móng đầu-tiên kiến-lập chế-độ Cộng-hòa Dân-chủ nhân - dân Nam-Tư (Cộng-sản.)

Bấy nhiêu việc làm của Nam-tư tỏ rõ thái-độ đặt ba cường-quốc trước những việc đã rồi, còn nói lên sự bướng-bỉnh của một nước nhỏ đối với những cường quốc nắm giữ vận-mệnh thế-giới.

Và điều oái-oăm nhất trong hoàn-cảnh nầy là : không phải Anh Mỹ chống lại những quyết-định của Nam-tư mà là Nga-sô, nước Cộng - sản đàn anh, nước tự-nhận trách - nhiệm lãnh - đạo thế - giới Cộng-sản.

Theo các giới chính - trị ở Mạc-tư-Khoa, Nga-sô đã tiếp-nhận những việc nói trên với sự dau-đớn của kẻ bị « mũi dao đâm sau lưng ».

Vì đâu ? Chỉ vì chú bé Nam-Tư đã tự-động phá ngang chính-sách « Khu-vực quyền-lợi », ý-đồ « hoạch-định trật - tự mới » của Đảng Cộng - sản Nga, đem cái gậy quốc-gia thọc vào bánh xe quốc-tế của Nga-Cộng.

Chính Thống-chế Tito, năm 1952, khi nhắc lại việc nầy, đã nhấn-mạnh về thái-độ phản-ứng, giận-tức đến lạ - thường, của các lãnh-tụ Đỏ.

Nhưng rồi sau đó tình-hình cũng êm dần. Thấy hai cường - quốc Anh, Mỹ không tỏ thái-độ gì chống nghịch lắm với công việc làm của Nam-tư, Nga - sô đành ngậm bồ-hòn làm ngọt.

Tháng tư năm 1945, quân-đội Nam-tư tiến vào xứ Trieste mà Nam-tư cho rằng thuộc chủ-quyền lãnh-thổ của mình. Tại đây, quân Nam-tư chạm mặt với quân Đồng-minh cũng vừa tiến đến.

Thái-độ của Đồng-minh là không cho Trieste, một lãnh-thổ đang nằm trong vòng tranh-chấp quốc-tế, lọt vào tay Nam-tư, một nước chư-hầu của Nga-sô.

Cho nên sự giao-thiệp giữa hai quân-đội không mấy chốc trở nên căng-thẳng. Đồng-minh gởi tối-hậu-thư buộc Nam-tư rút lui quân khỏi Trieste và họp bàn việc phân-định khu-vực chiếm đóng.

Đúng sau khi Nam-tư vừa ký với Nga một hiệp-ước hợp-tác, tương-trợ, Nam-tư liền kêu-gọi Nga-sô giúp-đỡ, hi-vọng ở sự can-thiệp cương-quyết và hiệu-quả của bạn Đồng-minh.

Mạc-tư-Khoa làm thinh.

Quân Nam-tư đành triệt-thối khỏi Trieste. Trong dịp này, Tito đọc một bài diễn-văn nảy lửa, trong đó có một đoạn dương-thời ít người lưu-ý « ... Chúng tôi không muốn lệ-thuộc vào ai nữa,.. Chúng tôi không muốn người ta làm cho chúng tôi dính-dấp tới một chính-sách khu-vực quyền-lợi nào đó... »

Nói những lời ấy chỉ vài tuần-lễ sau khi ký-kết hiệp-ước liên-minh với một nước mà chính-sách đối-ngoại là chính-sách khu-vực quyền-lợi (politique de sphères d'intérêts) quả là một việc nghiêm-trọng.

Mạc-tư-Khoa phản-ứng mãnh-liệt. Sadtchikov, đại-sứ Nga ở Belgrade, được huấn-lệnh thông-báo cho chính-quyền Nam-tư biết rằng Nga-sô nhận-định bài diễn-văn của Tito là một « hàng-động thù-nghịch », Mạc-tư-Khoa dọa sẽ đối-phó nếu còn tái-phạm.

Kardelj, thay mặt Trung-ương Đảng Cộng-sản Nam-tư, nhận rằng Tito đã lỗi lầm nghiêm-trọng, ý-nghĩa của lỗi-lầm là Tito « xem Nam-tư là một thực thể có thể tự thỏa-mãn nhu-cầu của mình » (tự sức tồn-tại).

Và Tito, sau đó, cũng đọc một diễn-văn khác nhấn-mạnh cảm-tình và sự tôn-trọng của dân-tộc Nam-tư đối với Nga-sô, nước đàn-anh « luôn-luôn tôn-trọng nền Độc-lập và quyền-hạn của các nước nhỏ ».

Rồi vấn-đề được xem như ổn-thỏa.

Cuối tháng 9 năm 1947, Phòng Thông-Tin Đệ-Tam Quốc-tế họp tại Varsovie (Ba-lan) có đại-biểu 9 đảng Cộng-sản Trung, Đông-Âu và Nga tham-dự.

Khi bàn đến việc thống-nhất quan-niệm về chế-độ Dân-chủ nhân-nhân (Démocratie populaire), hội-nghị lâm vào tình-trạng rắc-rối. Mỗi đảng Cộng-sản phát-biểu quan-niệm của mình, những quan-niệm gần giống nhau nhưng vẫn chưa hẳn thống-nhất.

Nhưng nói chung các đại-biểu đều khuôn-khổ quan-niệm của đảng mình theo đường-lối Mạc-tư-Khoa đã ấn-định : Chế-độ Dân-chủ nhân-dân là một chế-độ trong đó nhân-dân nắm chính-quyền có đảng Cộng-sản lãnh-đạo.

Nhân-dân là ai ? Nhân-dân nắm chính quyền như thế nào ? Đảng Cộng-sản lãnh-đạo theo đường-lối nào cho hiệu-quả ? Không-khí chung của hội-nghị là lúng-túng vì những lời lẽ mơ-hồ.

Sở-dĩ có sự lúng-túng như vậy là vì các đảng Cộng-sản đều gặp một mâu-thuẫn khó giải-quyết. Một đảng phải tuân theo chính-sách quốc-tế của Nga mà hòa-hưởn với thế-giới tự-do bằng một hình-thức cơ-cấu chính-trị không

sặc mùi Cộng-sản, cũng không làm cho đảng Cộng-sản mất tính - chất độc - tài. Một đảng phải chú-ý đến những điều-kiện cụ-thể và riêng - biệt của mỗi nước.

Nhưng rốt cuộc rồi các đảng cũng chứng-tỏ thái-độ trung - thành với Điện Cẩm-linh, tạm bằng lòng với tình-trạng không rõ-rệt ấy.

Chỉ có đại-biểu Nam-tư là có ý-kiến khác. Theo Đảng Cộng-sản Nam-tư, chế độ Dân-chủ nhân - dân là một chế - độ trong đó có giai-cấp công-nhân liên-minh với các giai-cấp cần-lao khác, nắm giữ những vị-trí then-chốt trong chính-quyền quốc-gia.

Không bình-luận giá-trị của những quan niệm Cộng-sản, ta chú-ý đến thái - độ riêng-biệt của Đảng Cộng-sản Nam-tư : a) Dám nói thẳng một điều mà Cộng-sản quốc-tế muốn che giấu dư - luận thế-giới và trong nước : chế-độ Dân - chủ nhân-dân chỉ là một hình-thức chế - độ Cộng-sản độc-tài đảng-trị trong điều-kiện tình-hình thế-giới thời hậu-chiến; b) Dám có quan-niệm riêng, bất - chấp lợi - ích quốc-tế của quan-niệm do Đảng Cộng-sản Nga đưa ra,

Một thái - độ bị các đảng Cộng - sản huynh-đệ cho là tả, vì không ăn khớp với chính-sách quốc-tế của Nga-sô, thật ra là hữu, vì có tính-cách riêng - biệt, độc-lập, của Nam - tư, cũng không đi đúng với chính-sách quốc-tế của Nga-sô vậy.

Một mà hai, Hai mà một

Đến đây, tưởng bạn đọc đã có một cái nhìn khái-quát về mối quan - hệ Nga — Nam-tư trước ngày đổ-vỡ lịch-sử 28 tháng 6 năm 1948.

Ta đã có thể nhận thấy rằng mâu-thuẫn khi tiềm-tàng, khi bộc-lộ, giữa hai đảng Cộng-sản Nga, Nam - tư, diễn ra trên cả hai lãnh-vực : quốc-gia và quốc-tế.

Trong khi đó, cả hai đảng đều tự-nhận tranh-đấu cho chủ - nghĩa quốc - tế (Cách-mạng vô-sản thế-giới), đều ý-thức cần phải dựa vào nhau, đối-đầu với khối dân-chủ Tự-do.

Thành-thử vấn-đề cực-kỳ quan-trọng đối với phe Cộng, cũng như thế - giới nói chung.

Phải chăng Nga - sô theo chủ nghĩa Cộng-sản « quốc-gia » ?

Ý-nghĩa Cộng-sản quốc-tế phải chăng được biểu-lộ trong chính-sách « khu - vực quyền-lợi của Nga ».

Cộng-sản « quốc-gia » kiểu Nam-tư này như thế nào và có thể vượt ra ngoài các quan-niệm hợp-lý thông-thường để nhận rằng có Cộng-sản « quốc-gia » không?

Ta sẽ trở lại vấn-đề này ở phần kết-thúc tài-liệu.

Ở đây, ta chỉ cần chứng - nhận sự-trạng thiếu nhất - trí - giữa Nga - sô và Nam-tư, như đã thấy.

Và lấy đây làm điểm xuất - phát để theo dõi và nhận hiểu biến-cố lịch - sử 28 tháng 6 năm 1948.

« Một mà hai, Hai mà một », các thủy-tổ của chủ - nghĩa Cộng - sản hẳn không ngờ Duy-vật Biện-chứng-pháp lại được áp-dụng theo một ý-nghĩa « phản phé » và mỉa-mai như thế.

Bây giờ, ta bước vào vấn-đề tranh-chấp Nam-tư — Cộng-sản quốc-tế.

VŨ-THỬA-CHI

KỲ SAU : *Chương thứ ba* : Đây, sự thật lịch-sử hay là biến-cố trọng-đại nhất của Cộng-sản quốc-tế thời hậu-chiến.

NHẠC PHƯƠNG ĐÔNG, NHẠC PHƯƠNG TÂY

« Đông là Đông, Tây là Tây,
Đông Tây không bao giờ gặp nhau ».
(R. KIPLING)

TRẦN - VĂN - KHÊ

I. — ĐÀN BÁ - NHA CÒN ĐỢI KHÁCH TRI-ÂM

ĐÔNG và Tây không bao giờ gặp nhau ư ? Thời ông R. Kipling còn sanh tiền, câu ấy đã chẳng đúng lựa là ngày nay. Ngày nay phi-cơ nối liền châu nầy với châu nọ. Hôm nay mình ở Ba-lê rét như cắt, mà hôm sau mình đã đến Ấn-độ nóng như thiêu. Mỗi giờ, mỗi phút, những làn sóng điện phát-thanh từ trời Âu, chui vào máy thâu-thanh ở trời Á, người hát tại Luân-Đôn được người ở Hương-Cảng lắng tai nghe. Ngày nay, không nước nào còn giữ chánh-sách bế-môn tỏa-cảng. Ngày nay, Đông và Tây đã gặp nhau trên sân-khấu chính-trị, trên thị-trường kinh-tế, trên lĩnh-vực văn-nghệ. Từ buổi gặp-gỡ ban đầu trên bãi chiến-trường của những trận giặc thuộc-địa, đến nay đã hơn một thế-kỷ rồi, Đông và Tây có tìm hiểu nhau chưa ? Phương Tây đã đem đến phương Đông những tư-tưởng cách-mạng, một nền văn-minh máy-móc, kỹ-thuật, khoa-học. Song những nhà khảo - cứu phương Tây cũng có dịp lật những trang sách của phương Đông, ghi lại những tư-tưởng, phong-tục, truyền-thống văn-nghệ của người phương Đông từ mấy ngàn năm. Các học-giả phương Tây phiên-dịch những sách về Nho-giáo, Lão-giáo, Phật-giáo. Nghệ-sĩ phương Tây xuýt-xoa trước những bức họa, hay những món đồ kiểu, đồ sành từ đời Đường, đời Tống đời Minh.

Người trí-thức phương Đông có dịp biết qua tư-tưởng của Jăng-Jác-Ru-xô (J. J. Rousseau) Mông-tết-ki-ơ (Montesquieu) hay Cạc-Mạc (Karl Marx). Nghệ-sĩ phương Đông đã ngạc-nhiên vì màu sắc quá rực-rỡ, âm-thanh quá bổng-trầm của họa, nhạc phương Tây.

Trên các địa-hạt chính-trị, kinh-tế, triết-lý, văn-chương hay nghệ-thuật (trừ âm-nhạc ra), càng ngày phương Đông và phương Tây càng hiểu nhau. Nhưng trên địa-hạt âm-nhạc, Nàng Nhạc như còn e-dè, chưa khứng bày tỏ nỗi lòng với người mà Nàng chưa liệt vào hạng tri-âm.

Cũng có ít người phương Tây khảo-cứu nhạc phương Đông một cách tường-tận, như cha A-mi-ô (Amiot), các ông Luy la-loa (Louis Laloy), Mô-rít Cu-răng (Maurice Courant), Cược - Xát (Curt Sachs), Jọt-Xu-li-ê đờ Mô-răng (Georges Soulié de Morant), Jôn lê-vít (John Levis), Văn A-xờ-tờ (Van Aalst) đã viết sách rất công-phu về nhạc Trung-Hoa ; các ông Pô-pờ-lê (Herbert Popley) Đại-úy Đê (Capt. C.R. Day), bà Uyn-xơn (Lady Wilson) đã khảo-cứu nhạc Ấn-độ ; các ông Pi-gốt (F.T. Piggott) và Xẹt Mô-rơ (Serge Moreux) khảo-cứu nhạc Nhật-bản ; các ông Đuy-mu-chê (G. Dumoutier), Gát-tông Nốt (Gaston Knosp), Lơ Bờ-ri (E. Le Bris) khảo về nhạc Việt-Nam.

Một số người phương Đông học nhạc phương Tây, có cấp bằng hay phần thưởng ở các âm-nhạc-viện Âu-Mỹ.

Nhưng đó là số ít.

Đa-số người phương Tây không hiểu nhạc phương Đông.

Đa-số người phương Đông không hiểu nhạc phương Tây.

Không hiểu không phải vì chẳng ở trong nghề. Những người sành nhạc, những nhạc-sĩ có tên tuổi như Bẹt-li-ô-zờ (H. Berlioz) chẳng hạn, cũng không tìm hiểu nổi những lối nhạc khác hơn lối nhạc của các ông đã học ; và khi phê-bình nhạc nước khác thì các ông quá chủ-quan.

Ông Bẹt-li-ô-zờ đã chê nhạc Trung-Hoa thậm-tệ (1). Ông đã viết : « Về sự hòa-hợp tiếng đàn với tiếng hát, thì nó tệ đến đỗi người nghe phải kết-luận rằng người Trung-Hoa ấy không biết một mảy may gì về luật hòa-âm cả. Điệu hát kỳ-dị và khả-ố đủ mọi phương-diện chấm giứt bằng một chủ-âm (tonique) như những điệu hát tầm-thường của chúng ta (của Pháp). Từ đầu đến cuối, không thấy đổi giọng hay đổi điệu một lần. Cây đàn nguyệt có nhiều nét về tiết-tấu (dessin rythmique) rất nhanh trong khi phụ-họa, nhưng rồi vẫn như thế mãi. Dây đàn không cùng giọng với tiếng ca. Độc hại nhất là người thiếu-phụ như muốn thêm duyên cho giọng hát kỳ-quái của bà, mà chẳng dếm xỉa gì đến tiếng đàn của ông thầy thông-thái của bà, cứ một mực lấy móng tay khảy (gảy) mấy sợi dây của một cây đàn khác (2). Bà ấy chẳng khác gì một đứa trẻ ngồi trong phòng nghe người ta hòa-nhạc, không biết đàn, mà vẫn vui tay dập bậy trên những phiếm ngà của cây đàn piano. Tóm lại, đó chỉ là một bài hát do một đám nhạc-khí phụ-họa một cách hỗn-loạn. Về giọng hát của người Trung-

(1) Xin xem quyển « Les soirées de l'orchestre » (Những đêm hòa-nhạc) của H. Berlioz, xuất-bản lần thứ nhì. Nhà xuất-bản Michel Levy. Balê 1854. Trang 278, 279, 284.

(2) Có lẽ bà ấy vừa ca vừa đàn tranh (thập lục).

Hoa ấy, thì lỗ tai tôi chưa từng nghe một cái gì lạ lùng như thế ; các ngài cứ tưởng-tượng những tiếng ca giọng mũi, khàn khàn trong cổ họng, tiếng rên-rỉ, mà nói không quá, tôi có thể ví với tiếng chó ngừ khi nó uốn mình sau một giấc ngủ dài ! Để chấm dứt, tôi kết - luận rằng người Trung-Hoa và người Ấn-Độ có thể có một lối nhạc như nhạc của chúng ta. Nhưng họ còn bị chìm-đắm trong bóng tối, sâu-thẳm, trong sự dã-man, dốt nát và trẻ con, trong đó người ta nhận thấy một vài bản-năng mơ-hồ và bất-lực. Vả lại người phương Đông gọi là nhạc, những gì mà chúng ta cho là « um sùm bát nhã » (charivari), và đối với họ, cái xấu xa là cái đẹp ».

Sau khi đi dự cuộc triển-lãm thế-giới năm 1851 tại Luân-Đôn, nhạc-sĩ Bẹt-li-ô-zờ nghe qua vài bài hát Trung-Hoa mà đã vội phê-bình cả một nền nhạc Trung-Hoa, tất cả các lối nhạc phương Đông một cách quá chủ-quan.

Đến năm 1862, ông lại viết trong một quyển sách khác : « Qua mấy bài hát » (A travers chants) . . . « dân-tộc Trung-Hoa có một lối nhạc mà chúng ta cho là khả-ố, và không thể nghe được. Họ hát như chó ngáp, như mèo mửa khi mắc xương, nhạc-khí của họ giống như những khí-cụ để tra-khảo ». (1).

Nhạc-sĩ Bẹt-li-ô-zờ sẽ không cho rằng người Trung-Hoa và người Ấn-Độ, về phương-diện nhạc, còn chìm trong thế-giới dã-man, nếu ông được đọc qua sử Trung-Hoa, Kinh-Thi, Lễ-Ký, những sách của Tư-Mã-Thiên, của ông hoàng Tải-Dục, quyển Phạ-ra-tay-a-nạ-tia-xạ-cờ-tờ-ra (Bhârataya-nâtya-çâstra) viết từ thế-kỷ thứ nhất về nhạc và khiêu-vũ bên Ấn-độ, hay quyển Xạm-gi-ta-rát-nạ-ca-ra (Samgita ratnakara) của ông Gạt-ga-đề-va (Gârdgadeva) viết vào khoảng 1210 và 1247 sau Tây-lịch, không kể nhiều sách khác. Từ mấy ngàn năm, Trung-Hoa và Ấn-Độ đã có một nền nhạc, có lý-thuyết, có quy-củ.

Nhạc-sĩ Đê-buýt-xi (Debussy) xem qua hát-bộ Việt-Nam một lần, đã ghi lại trong bài : Về sự thẩm-mỹ (Du gout) cảm-giác của ông (2). Ông thấy rằng ảnh-hưởng của Trung-Hoa rất rõ-rệt trong nhạc-kịch Việt-Nam. Ông chỉ nghe « một cây kèn nhỏ như điên như dại để đem lại sự cảm-động và một cái trống-chầu gây nên sự kinh-khủng. Và chỉ thế thôi. ».

Kẻ viết bài nầy vẫn khâm-phục tài-nghệ các nhạc-sĩ Bẹt-li-ô-zờ và Đê-buýt-xi, nhưng không khỏi bực mình khi đọc những câu phán-đoán quá chủ-quan hay nông-cạn của những nhạc-sĩ có biệt-tài như các ông. Nếu hát-bộ Việt-Nam chỉ có một cây kèn nhỏ thổi như điên, như dại, và một cái trống-chầu, thì làm sao mấy chục triệu dân Việt-Nam có thể thích được lối hát ấy ? Nhạc-sĩ Đê-buýt-xi chỉ nghe qua một lần làm sao nhận rõ được cái tế-nhị của một câu hát-khách dài hơi, của một giọng thán não-lòng, làm sao phân-biệt được các điệu khách-phú (lúc tiên hạ san), khách-tử (Na-Tra óc thịt hay là tướng tử-trận), khách tẩu-mã (tướng cưỡi ngựa, hoặc người chạy, người đuổi theo) các loại nói lối : lối dăm (không nhạc, không trống, không kèn) lối

(1) Xin đọc quyển « A travers chants » của H. Berlioz. Nhà xuất-bản Michel Levy Paris 1862. Trang 253.

(2) Debussy. Trong tập Société Internationale de Musique (15-12-41). Trang 48.

tuồng (khi có nhạc đờn bài Hạ), lối bóp (cò kèn và trống chiêng phụ-họa) !

Chính những người sành nhạc, những nhạc-sĩ chánh-tông mà còn vì thành-kiến, chê nhạc phương Đông hơn là tìm hiểu, bảo sao những người không biết nhạc có thể hiểu và thích những lối nhạc khác hơn nhạc họ thường nghe.

Nếu người phương Tây không hiểu nhạc phương Đông, thì trái lại người phương Đông cũng không hiểu nhạc phương Tây.

Theo lời ông Ben-vi-an (Belviannes) (1) thì khi sứ-giả Xiêm vào triều kiến vua Luy thứ 14 (Louis XIV) được nghe ngự-nhạc tấu một bài của nhạc-sĩ Luy-li (Lulli). Vì có cây đàn « hạc » (harpe) (2) phụ-họa, nên các sứ-giả Xiêm cho rằng bản nhạc khá, và các ông sẽ thích bản nhạc ấy hơn nếu không có tiếng đàn rối-rít, lộn-xộn. Một nhạc khúc của Luy-li điểm thêm mấy câu phụ-họa bằng đàn hạc mà người thính-giả phương Đông cho rằng có nhiều thứ đàn quá, thì vào thời nầy khi nghe những gia-hưởng-khúc (symphonie) của nhạc-sĩ Be-tô-vờ (Beethoven) (3) người phương Đông còn nghĩ thế nào nữa ?

Trong một quyển sách về nhạc Ấn-Độ (4), ông Pô-pờ-lê (Popley) có thuật chuyện một nhà quí-phái Ấn ở La-ho (Lahore). Ông ấy thích nhạc và rất sành nhạc Ấn, mà không nghe được nhạc Âu-châu. Hỏi ý-kiến ông về nhạc Âu-châu thì ông ấy trả lời rằng : « Nhạc phương Tây giống như tiếng tru của một con chó sói trong bãi sa-mạc ». Người phương Đông cho rằng nhạc phương Tây như tiếng chó sói tru. Thảo nào người phương Tây không bảo rằng nhạc phương Đông giống như tiếng chó ngáp, mèo mửa !

Nói gì đến những người thính-giả ở Viễn-Đông, họ không hiểu nhạc Âu-châu vì họ sống cách xa Âu-châu cả vạn cây số ! Ngay những người Á-rập sống gần Âu-châu mà cũng không thể hiểu được nhạc Âu-châu. Trong bài « Nhạc Á-rập » ông Mô-ha-mết Ze-ru-ki (Mohammed Zerrouki) (5), người Bắc-Phi, có viết một đoạn về cảm-tưởng của một người Bắc-Phi khi nghe một nhạc-phẩm phương Tây : « Người thính-giả phương Đông ngạc-nhiên khi nghe một nhạc-phẩm trong ấy nhiều âm-thanh xô đẩy nhau, dụng chạm nhau, và âm-thanh nầy chồng chất âm-thanh nọ. Anh lúng-túng không biết phải bám vào một câu nhạc nào để nghe và tìm hiểu coi câu nhạc ấy muốn nói gì. Theo anh thì giàn nhạc phương Tây gồm có nhiều nhạc-sĩ. Mỗi nhạc-sĩ nói một thứ tiếng và tự-quyền muốn nói gì thì nói. Nhạc-công hình như xây lưng với nhau hơn là nghe nhau để hòa nhạc. Đang lúc nhạc trỗi, vài nhạc-công ngưng đàn nghỉ mệt, mặc mấy anh kia tha-hồ đàn. Bỗng các anh cho hay rằng đến lúc phải cất-tiếng, các anh cong lưng rượt theo các bạn cho kịp. Một người bạn nhạc-trưởng múa men lung-lung mà hình

(1) Xin xem quyển Sociologie de la musique của M. Belviannes. Trang 25.

(2) Đàn hình tam-giác có nhiều dây. Tiếng đàn tương tợ như tiếng đàn tranh (thập-lục).

(3) Nhạc-sĩ Đức (1770-1827) rất phong-phú, sáng-tác 9 giao-hưởng-khúc và rất nhiều nhạc-phẩm cho đàn piano. Nhạc-sĩ mang bệnh điếc và từ trần trong cảnh nghèo.

(4) Xin xem quyển The Music of India (Nhạc Ấn-Độ) của Herbert Papley. Nhà xuất-bản London Oxford University Press 1927. Trang 128.

(5) Mohammed Zerrouki. « La musique arabe » Tạp-chí Revue Internationale de musique số 12.

như không ai thèm nghe theo ông ấy. Không trật-tự gì cả. Nếu mà mọi người cùng nói một lúc về những chuyện khác nhau thì làm sao mà người nghe có thể hiểu được ? Chỉ có những người đang giận dữ hay mất trí mới làm như thế ».

Người phương Đông quen nghe hòa đàn theo cách các nhạc-khí cùng đàn một bài từ đầu đến cuối, nên ngạc-nhiên khi thấy trong lúc nhạc trỗi có nhiều nhạc-công nghỉ không đàn. Họ làm sao hiểu được vai tuồng quan-trọng của một nhạc-trưởng trong một giàn nhạc.

Sở-dĩ có sự không hiểu nhau như thế vì mỗi nước có một tập-tục, một nền văn-hóa, một quan-niệm về thẩm - mỹ riêng biệt.

Người ta thường bảo rằng : Nhạc là tiếng nói đại-đồng. Theo ý chúng tôi thì không đúng hẳn như thế. Đành rằng nhạc diễn-tả những xúc-cảm của con người, nhưng mỗi dân-tộc có một lối nhạc riêng cũng như họ có một tiếng nói riêng. Muốn diễn-tả sự vui mừng, người Đức và người Trung-Hoa dùng hai lối nhạc khác nhau. Chỉ có những nước gần nhau về mặt địa-dư, kinh-tế, văn-hóa mới có thể hiểu nhau qua các điệu nhạc giữa các nước ở Âu-châu ; giữa Trung-Hoa, Triều-Tiên, Nhật-Bổn và Việt-Nam chẳng-hạn.

Tiếng nói của một dân-tộc nào, chỉ có dân-tộc ấy mới hiểu một cách thâm-thúy. Vì thế khi nghe một điệu nhạc lạ tai, bạn đừng vội chê rằng điệu nhạc ấy không hay. Bạn thử đặt điệu nhạc ấy trong hoàn-cảnh địa-dư, kinh-tế xã-hội của nó ; bạn thử tìm hiểu lối nhạc ấy hơn là vội-vàng phán-đoán nó một cách chủ-quan. Một điệu nhạc hợp với sự đòi hỏi của một dân-tộc mới tồn-tại. Nếu không hợp với bạn, điệu nhạc ấy có thể hợp với dân-tộc đã phát sanh ra nó. Bạn có thể thích hay không thích nó. Nhưng nếu bạn vì không hiểu một lối nhạc, mà chê-bai hay bài-xích nó, thì bạn quá ư hẹp-hòi.

Đông nhạc và Tây nhạc rất khác nhau về mặt hình-thức và kỹ-thuật. Nhưng về ý-thức nhạc, thì cũng có nhiều chỗ giống nhau. Chúng tôi sẽ cùng các bạn xem qua những chỗ giống nhau và khác nhau giữa hai lối nhạc ấy.

Để kết-luận đoạn nầy, chúng tôi mượn lời của nhà văn-hào Ấn-Độ Ra-ben-na-trát Ta-go (Rabinnadrad Tagore) :

« Nhạc Âu-châu như thế-giới ban ngày : một nguồn hòa âm rộng-rãi.

« Nhạc Ấn-Độ (nói riêng hay nhạc phương Đông nói chung) chẳng khác thế-giới ban đêm : một khúc-điệu tinh-túy, thấm-thúy và dịu-dàng.

Hai lối nhạc ấy đều làm rung-động lòng ta, nhưng căn-bản của chúng nó khác nhau » (1).

TRẦN-VĂN-KHÊ

KỲ SAU :

— *Trong địa-hạt âm-nhạc, Đông Tây gặp nhau ở nơi nào ?*

— *Nhạc và con Người.*

— *Nhạc và chính-trị, quân-sự.*

---

(1) Xem trong quyển The Music of India (Nhạc Ấn-Độ) của H. Popley. Trang 131-132 có trích đoạn nhà văn-hào Ta-go bàn về nhạc.

HEINRICH SCHLIEMANN

một người trong non 40 năm

chỉ ước ao được Đào Đất

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Tiếp theo và hết)

ĐỌC tiểu-sử của Mã-Viện, tôi thấy có vài nét đẹp. Hồi trẻ Mã tới một miền hoang để khai phá và nuôi súc-vật, chẳng bao lâu giàu lớn. Nhưng một hôm Mã nghĩ thân nam-nhi mà không làm nên sự-nghiệp gì, cứ kéo dài cuộc đời nô-lệ cho đồng tiền thì nhục lắm, bèn phân-phát hết của-cải cho bà con, hàng xóm rồi đi tìm Hán-Quang-Võ, quyết-chí lập võ-công.

Heinrich Schliemann cũng có chí lớn như Mã. Hồi 46 tuổi, ông đã thành một tỉ-phú, và sau ba chục năm phấn-đấu, ai không mong được nghỉ-ngơi? Nhưng không, ông cho rằng lúc đó mới là lúc ông bắt đầu làm việc, bắt đầu sống. Ông quyết tâm tiêu hết sản-nghiệp vào việc Đào Đất để tìm di-tích thành Troie. Không ai tin rằng ông thành-công, trừ ông và cố-nhân của ông là Minna, lúc đó đã cách biệt hẳn ông rồi. Không tìm được, tất-nhiên là công-lao và tiền của ông sẽ tiêu-tan, mà tìm được thì chỉ được cái danh chứ không có lợi gì. Biết vậy mà ông vẫn tìm, vì khảo-cổ là lẽ sống của ông, vì tiếng gọi của những anh-hùng ngàn-xưa ở Troie văng-vẳng bên tai ông hoài.

Tháng tư năm 1868, ông qua La-Mã rồi tới Ithaque. Ithaque là một trong những đảo nhỏ rải-rác ở gần bờ biển phía tây Hy-Lạp. Theo truyền-thuyết, một ông vua hoang-đường của Hy-Lạp, là Ulysse, có cung-điện tại đó. Ulysse từ

biệt bà vợ trẻ là Pénélope để vượt biển qua Tiểu-Á chiếm thành Troie. Chiếm thành rồi, Ulysse trở về xứ, nhưng lạc đường thành-thử mười năm mới tới nhà. Bà vợ vẫn kiên-nhẫn nuôi con và đợi chồng ; nhiều nhà quyền - quý phao tin chồng bà đã chết, để hỏi bà, bà phải hẹn lần để thêu xong một tấm vải, rồi sẽ nhận lời, nhưng ngày thêu được bao nhiêu, đêm bà tháo bấy nhiêu, thành thử không khi nào xong.

Truyện đó có vẻ một truyền-kỳ. Thi-hào Hy-Lạp Homère chép lại thành hai tập thơ ; tập *Iliade* tả những chiến-công anh-dũng của Ulysse ở Troie, và tập *Odyssée* kể những bước gian-truân, mạo - hiểm của Ulysse khi thắng Troie, tìm đường về xứ mà lạc lối.

Hai tập thơ đó là những tác - phẩm bất hủ của nhân-loại, đã làm vẻ-vang cho Hy-Lạp, đã được dịch ra hết thảy các thứ tiếng ở Châu Âu, giá-trị cũng tựa như Kinh Thi, Sở, Từ của Trung-Hoa, hoặc kinh Vệ-Đà của Ấn - Độ. Nhưng tác-giả, Homère, là ai, sống ở thời nào, thì không ai biết chắc.

Schliemann chẳng những thích Homère mà còn tin rằng hết thảy những điều Homère chép trong hai tập Iliade và Odyssée đều đúng sự thực. Lòng tin của ông không hề bị lay - chuyển. Ông biết rằng chưa có chứng - cứ gì hết, nhưng ông cũng vẫn tin mãnh - liệt, và quyết Đào Đất, tìm di - tích để đem chứng-cứ lại cho nhân-loại.

Và ông tới đảo Ithaque để đào đất. Dân ở đảo chỉ cho ông núi Actos mà họ cho rằng ở trên ngọn hồi xưa có lâu đài của Ulysse. Ông lại còn thấy một bức tường đổ, chung quanh là núi đá. Trong vài khe đá có một chút đất đủ cho những cây nhỏ mọc lên. Ông đào ở những khe đá đó. Ông chép lại công việc ông như vầy :

« *Nóng gay - gắt, hàn-thử-biểu của* « *tôi lên tới 52 độ, tôi khát nước ghê* « *gớm mà không có lấy một giọt nước* « *hoặc một giọt rượu. Nhưng nghĩ rằng* « *tôi được dẫm lên nền cũ của lâu-* « *đài Ulysse, tôi hăng-hái vô-cùng, quên* « *cả nóng, cả khát. Khi thì tôi khảo-sát ở* « *chung-quanh, khi thì mở tập* Odyssée « *ra đọc lại những đoạn cảm - động tả* « *những việc đã xảy ra ở nơi đó ; khi* « *thì tôi ngắm cảnh đẹp-đẽ bốn-bề dưới* « *chân núi...* »

Hôm sau, ông mướn bốn người thợ, chỉ cho họ đào. Ông cũng tiếp tay với họ, kiếm được hai chục bình cổ ở một nơi mà hồi xưa có lẽ là một nhị-tì của gia-đình nào đó. Đào nữa, ông gặp được những thanh gươm, lưỡi dao, nhưng không có một hàng chữ nào khắc trên đá, trên đồng cho ông biết về thời-đại của các vật ấy.

Làm việc từ năm giờ sáng đến giữa trưa ông mới nghỉ, ăn mấy miếng bánh mì, mà cho bữa cơm đó là bữa cơm ngon nhất đời ông, chỉ vì ông được ăn trên nền cũ của lâu-đài Ulysse.

Mấy hôm sau, ông tiếp-tục đào hoặc đi thăm khắp đảo, nhận được những chỗ đã tả trong Odyssée. Tới đâu dân làng cũng xúm lại, đòi ông ngâm *Odyssée* cho họ nghe, và họ cảm-động tới rớt nước mắt khi thấy một người xứ lạ thuộc kỹ sử của tổ-tiên họ, thuộc cả những vần cổ-thi của họ, mà hiện nay họ không còn hiểu được nữa.

Ở Ithaque ông không kiếm được di-tích gì quý - báu, ông bèn qua thành

Troie. Tới nơi, ông sung-sướng vô-cùng, tưởng đâu như được trở về quê-hương kiếp trước nào của ông, rồi ông nhớ lại những mộng hồi nhỏ. Ông sắp bắt tay vào việc đây, mà cố-nhân của ông thì ở đâu? Ông xem xét kỹ địa-thế làng Pinarlashi mà mọi người đều cho là dựng trên nền cũ của thành Troie. So-sánh với những đoạn văn tả trong *Iliade* thì ông thấy thành Troie hồi xưa phải gần biển hơn kia. Ông tin Homère như tín-đồ tin Chúa vậy, một mình chống lại tất cả các nhà bác-học đương-thời, mà quả-quyết rằng Troie không phải ở đó.

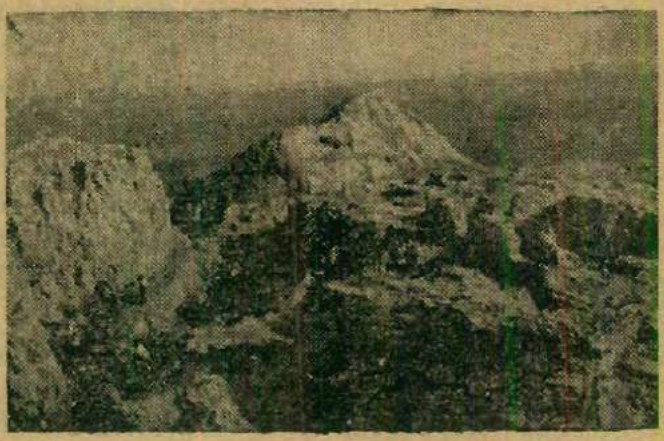

Miền đó hồi ấy hoang-vu, khách lữ-dường phải ngủ giữa trời. Chiều hôm đầu, ông xuống sông Scamande ăn bánh nhạt và uống nước sông. Những hôm sau, ông đò xét kỹ tìm được đồi Hissarlick mà ông tin là nền cũ của Troie.

Ông viết một tập kỷ-yếu, ghi những kết quả tìm-tòi, gởi về trường Đại-học tỉnh quê ông là Mecklembourg và được tặng chức tiến-sĩ triết-học.

Tháng mười năm 1871, ông bắt đầu đào đồi Hissarlick, luôn mười một tháng. Lúc đó ông đã cưới bà Sophie, cũng ngưỡng-mộ Homère như ông. Hai ông bà cất nhà trên đồi, mướn ba người cai để chỉ-huy từ 100 đến 150 phu đào. Ông gặp nhiều nỗi khó-khăn, như sự ngăn-cản của chủ đất, khí-hậu bất-hảo, bệnh-tật, sự thiếu dụng-cụ, nhưng càng gặp khó, ông càng hăng, quyết chứng thực rằng những việc kể trong *Iliade* có thực và dân-tộc Hy-Lạp đã viết được những trang sử vẻ-vang đó.

Ông đào ngang, dọc sâu 15 thước, sau cùng, một hôm gặp di-tích thành Troie. Ông mừng vô hạn. Mục-đích ông đã đạt. Dự-tính của ông đã đúng. Tin-tưởng của ông đã thành sự thực. Ông hô-hào thế-giới tới ngắm nền văn-minh cổ của Hy-Lạp.

Và chính ông cũng không ngờ được rằng số tiền ông đã tính liệng đi để làm một việc thỏa sở-thích lại đem về cho ông những số lời vĩ-đại. Ở dưới một chân tường, ông thấy một kho vàng: những bình bằng vàng nặng nửa ký, những bình xách nước bằng bạc, vòng dây chuyền, mũ miện, toàn bằng vàng. Thực là truyện Alibaba trong *Một ngàn lẻ một đêm*. Kho vàng của vua Priam (1) vào nằm trong những rương của ông. Cả những cái rực-rỡ của một thời cổ mà Homère đã tả trong thơ, thì bây giờ ông ngắm được, rờ được, cầm được. Tháng sáu năm 1873, sau năm năm đào đất, ông về Athènes, chở tất cả bảo-vật đó và những tài-liệu

(1) Vua cuối cùng của thành Troie, bị Pyrrhus giết khi thành thất-thủ.

để soạn cuốn *Đồ cổ ở Troie*. Ông đã tính nghỉ. Nhưng thần Tài nào đã chịu cho ông nghỉ. Như bạn sẽ thấy, đó mới chỉ là bước đầu. Con trăng của ông vẫn chưa đầy.

Cuối tháng hai năm 1874, xuất-bản xong cuốn *Đồ cổ ở Troie*, ông lại Mycènes, một tỉnh mà Homère đã ca-tụng là nhiều vàng. Mycènes có những bức tường đá dày tới nỗi mà cổ-nhân cho rằng chỉ có những khổng-lồ mới xây nổi. Đó là cung điện của những triều vua hùng - cường, luôn luôn chống với vua thành Troie.

Ở đây ông gặp nhiều nỗi khó-khăn do nhà cầm quyền địa-phương, nhưng ông giải-quyết được hết. Ông đào hai năm tìm được những lâu-đài, lăng - tẩm của vua chúa thời cổ, và những kho vàng còn quý hơn ở Troie cả về lượng lẫn cả về phẩm, vì nghệ-thuật ở Mycènes còn tiến hơn ở Troie. Ông đánh một bức điện-tín cho vua Hy-Lạp, trong có đoạn :

« . . . *Tôi đã thấy trong những lăng-*
« *tẩm những kho vàng mênh-mông đầy*
« *những đồ cổ bằng vàng. Chỉ những*
« *kho vàng đó cũng đủ đầy một viện*
« *khảo-cổ lớn, lạ-lùng nhất thế-giới, và*
« *làm cho hậu - thế sẽ tới Hy - Lạp để*
« *thăm nó. Tôi làm việc vì yêu khoa-*
« *học, cho nên tôi không muốn giữ những*
« *bảo-vật đó mà xin tặng lại hết cho*
nước Hy-Lạp ».

Ông đã có lần muốn nghỉ, giao công việc cho một viện khoa-học nào đó tiếp tục, nhưng không viện nào nhận, ông lại đành phải làm lấy. Trong những năm 1878-1883, ông trở lại đào hai lần nữa ở Troie. Ông dùng 150 phu, nhưng vẫn [illegible] mọi việc. Ông đào sâu thêm, thấy cứ hết lớp cổ-tích nầy, lại tới một lớp cổ-tích khác, thành thử ở một chỗ mà trước sau có sáu thành chồng-chất lên nhau. Cứ thành trước bị tàn-phá thì người tới sau san-phẳng đi rồi dựng ngay một châu-thành khác lên. Ông dùng hết tâm-lực để vẽ lại bản đồ những thành đó. Công việc cực-kỳ gian-nan. Nhà cầm quyền Thổ nghi-kỵ ông là gián-điệp của Đức, có ý vẽ bản-đồ thành-lũy Dardanelles, cho lính canh từng cử-động của ông, cấm các kiến - trúc-sư giúp việc ông không được đo, nhắm, ghi chép gì hết. Ông đành phải nhớ rồi về nhà chép lại. Nhờ những tài-liệu đó, ông soạn thêm cuốn *Troie*.

Trong hai năm sau (1884 - 1885) ông đào ở Tirynthe (1), tìm được những lâu-đài cổ mà kiến - trúc rất đẹp, giúp cho khoa cổ-sử có thêm những tài-liệu cực quý.

Hồi đó ông đã 62 tuổi, mà tinh-thần vẫn cường-tráng. Đúng 4 giờ thiếu mười lăm ông dậy, ra biển lội mười phút, lên bờ uống cà - phê xong, rồi cưỡi ngựa về Tirynthe trước khi mặt trời mọc. Trưa nào nắng quá thì ông gối đầu trên đá mà ngủ, lấy nón che mặt. Chiều tối mới về nhà.

Năm 1886, ông về Athènes nghỉ-ngơi, trong một biệt-thự đẹp nhất châu-thành. Gia-sản của ông mênh - mông. Những danh-nhân khắp thế-giới lại thăm ông hoặc thư-từ với ông. Nhà trang-hoàng bằng toàn những bảo-vật ông đào được, và trong khung-cảnh đó, hai ông bà thường ngâm thơ Homère với nhau sau những giờ xếp đặt lại tài-liệu.

---

(1) Một tỉnh thời-cổ ở Hy-Lạp.

Nhưng một người hoạt-động như ông không bao giờ chịu ở nhà lâu. Vẫn say-mê những cái bí-mật của thời cổ, ông đi du-lịch Ai-Cập thêm hai lần nữa, vào cuối năm 1886 và cuối năm 1887. Ông ngược dòng sông Nil, thăm các đền-đài, lăng-tẩm, vào làng thổ dân, nói tiếng Á-Rập với họ, tụng kinh Koran với họ.

Sau hai lần du-lịch đó, ông lại hăng hái muốn tìm những di-tích chứng tỏ sự liên-quan giữa nền văn-minh Troie và nền văn-minh Ai-Cập. Ông định-đào ở tỉnh Quadesh, rồi qua tỉnh Cnossos ở đảo Crète, nhưng việc không thành.

Đương lúc đó, một việc xảy ra làm ông lại trở lại Troie một lần nữa. Nguyên do như vầy: Một viên đại-tá hồi hưu nọ tên là Boetticher, chưa hề đặt chân lại Troie lần nào mà dám viết bài báo trong mấy năm, rồi lại viết sách để chỉ trích Schliemann là đã bịa đặt, đã đưa những tấm hình, những bản đồ giả-mạo về Troie, chứ thực ra Troie chẳng có lâu-đài cổ gì hết, mà chỉ là một nơi để thiêu những thi-hài. Như vậy có động trời không chứ! Thực là không làm sao hiểu tâm-lý hạng người đó, nhưng nếu ta để ý nhận xét thì thấy họ nhan-nhản ra đấy, thời nào cũng có, nơi nào cũng có, ngay ở chung quanh chúng ta đấy. Lạ-lùng nhất là một nhà khảo-cổ Pháp tin Boetticher, làm cho dư-luận hoang-mang. Schliemann bèn mời địch-thủ của ông cùng các nhà bác-học qua Troie và tháng ba năm 1890, ông lại đào thêm di-tích ở Troie, lần nầy với một quy-mô rộng lớn hơn, tìm thêm được nhiều nền cũ và nhiều đồ cổ nữa ở vào thời từ 1500 tới 1000 trước tây-ngyuyên.

Qua tháng bảy ông đau ở tai, về Athènes nghỉ-ngơi, định năm sau trở lại đào nữa. Ông phải mổ hai tai, vừa mổ xong, cậy sức mạnh, ông đi Berlin, Paris thu-xếp công việc. Tới Paris, bệnh lại phát, ông không chịu ở lại chữa, qua Naples. Tai ông xưng lên, làm mủ, mủ lan qua óc, ông mê-man và chết trong một dưỡng-đường ở Naples. Năm đó là năm 1890. Ông 68 tuổi.

Thi-hài ông đưa về Athènes. Vua Hy-Lạp và các chính-khách Đức, Anh, các nhà bác-học khắp thế-giới, hoặc lại đưa đám, hoặc tỏ lời thương tiếc một người đã có công lớn với văn-minh nhân-loại.

Công lớn đó, chính ông cũng không ngờ được. Cái mộng của ông và nàng Minna hồi 8 tuổi chỉ là tìm những di-tích thành Troie khi Ulysse qua đó xâm chiếm, những di-tích của nền văn-minh Hy-Lạp cổ. Nhưng ông đã đào được nền móng của sáu châu-thành chồng-chất lên nhau ở Troie mà ông chưa biết rõ là ở những nơi nào. Non nửa thế-kỷ sau, năm 1938, nhà khảo-cổ C. W. Blegen đào thêm được ở Troie nền móng ba châu-thành nữa, thành thứ trước sau, ở ngọn đồi Hissarlick có hết thảy chín châu-thành xây cất trong một khoảng là ba mươi lăm thế-kỷ, từ thời đá mài tới thời La-Mã.

Không những vậy, năm 1900, một nhà khảo-cổ Anh, ông Arthur Evans, đào thấy ở đảo Crète nhiều cổ-tích chứng rằng nơi đó là trung-tâm một nền văn-minh mà ông Schliemann đã tìm được ở Mycènes và Tirynthe, song không biết là nền văn-minh nào. Nền văn-minh đó là nền văn-minh Egée rất rực-rỡ, có trước nền

văn-minh Hy-Lạp khoảng ngàn năm, và làm trung-gian cho văn-minh Ai-Cập và văn-minh Hy-Lạp. Vậy nhờ Schliemann, nhờ đức tin mãnh-liệt, lòng kiên-nhẫn vô song của ông, mà non hai ngàn năm cổ-sử đã được chép lại cho hậu-thế. Khi hạ quan-tài ông xuống huyệt, nhà khảo-cổ Đức Dorpfeld, bạn cộng-tác của ông chào ông lần cuối ; « Anh đã cần-cù làm việc, xin chúc anh yên-tĩnh nghỉ-ngơi. Có bao nhiêu người đáng nhận một lời khen như vậy ?

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

★ MỘT bên là quần-chúng, một bên là bản-thân, hai bên đều trọng cả. Nhưng gặp trường-hợp cần thì phải hy-sinh bản-thân để cứu giúp quần-chúng.

KHUYẾT-DANH

Gần đây **SAIGON** *đã nói nhiều đến :*

TRÚC-LÂM TRÀ-THẤT

116, Ngô-tùng-Châu (Phan-thanh-Giản cũ) — Saigon

☆ **Nơi uống trà thanh-nhã độc-nhất của Thủ-đô.**

☆ **Nơi giải-trí lành-mạnh với âm-nhạc cổ-điển thuần-tuý dân-tộc, mỗi tối thứ Bảy và Chủ-nhật.**

☆ **Nơi có nhiều phòng ăn riêng trên lầu, lịch-sự, mát-mẻ làm TỬU-ĐÌNH, để quý-vị thưởng-thức món ăn đặc-biệt Việt-Nam : chả cá.**

MỘNG VÀ THỰC CỦA KHOA-HỌC

VŨ-KÝ

(Tiếp theo và hết)

Bể nước khổng-lồ chính giữa Sa-mạc Sahara

SOERGEL dự-định một công-trình thứ hai : Hai cái đập khác sẽ dựng tiếp theo : ở giữa đảo Sicile và Ý-đại-Lợi ; ở giữa Tunisie và đảo Sicile. Đồng thời mực nước ở hồ phía Tây sẽ giữ nguyên (nhờ nước Đại-tây-Dương đem vào) nước ở hồ phía Đông tiếp-tục hạ thấp dần và xuống dưới 100 thước đến thế-kỷ sau. Rồi mực nước hồ phía Đông đứng nguyên nhờ nước của Hắc-Hải. Cuối cùng của giai-đoạn thứ hai, Địa-trung-Hải sẽ mất đi 350.000 km3 nước và 650.000 km2 đất mới sẽ xuất hiện.

Các nguồn điện-lực rất dồi-dào sẽ được nảy-nở : ở Gibraltar, ở cửa sông Ebre, sông Pô, sông Rhône, sông Nil, gần những cái đập nối liền đảo Sicile và Tunisie, đảo Sicile và Ý-đại-Lợi, eo Dardanelles. Tất-nhiên những cái đập ấy sẽ có những con kênh để sự lưu-thông hàng-hải không bị thiệt-hại.

Nhưng mà có ích gì mở rộng đất, bắc những cái cầu nhân tạo, tăng gấp bội sự giao-thương ở Âu-Phi, nếu sa-mạc Sahara còn nằm chình-ình ra đó, như một chướng-ngại vật, ngăn cách bao vạn cây số vuông đất cát giữa bể Địa-trung-Hải và Trung-Phi, nếu tài-nguyên của Bắc-châu vẫn chưa được khai-thác ?

Và vì thế mà Soergel thêm cho chương-trình của ông một bản phụ-lục đáng chú ý. Cũng như những kỹ-sư quốc-tế trên, hoàn tất đập Behring nối liền châu Mỹ và châu Á bằng cái bể Tây-bá Lợi Á, Soergel hoàn-thành việc rút hẹp Địa trung-Hải bằng cách tưới thêm Sa-mạc Sahara và sáng-tạo thêm ở sông Congo

một cái hồ lớn nằm trong nội-địa. Trên nguyên-tắc, vẫn là một khởi điểm : nối liền một khu-vực có nước dồi-dào mà không được dùng đến với một miền sa-mạc đất xấu có thể trở nên phì-nhiêu được.

Về địa-lý-học, Sa-mạc Sahara là gì ? Bề ngoài thì đó là một cái lòng chậu. Từ hướng nào đến đó cũng phải băng qua những dãy núi trùng - trùng điệp-điệp rồi mới đặt trân trên bãi cát trắng được. Nếu toàn-diện Sa-mạc Sahara thấp hơn mặt nước biển thì vấn đề dễ giải-quyết rồi. Chỉ có việc tìm một điểm gần bể nhất và đào một con kênh dẫn nước vào. Khốn-nỗi, ở đây, không phải thế . Một khoảnh đất hẹp của Sa-mạc là ở dưới mực nước bể như trường-hợp vùng Chot El Merhir (phía Nam xứ Tunisie và Algérie), vũng El Kantara (xứ Lybie). Vì vậy mà năm 1870, một người Pháp là François Roudaire đề-nghị đào ở ngay vùng Chot El Merhir một cái hồ nhân tạo nối liền với vịnh Sabès bởi một con sông đào dài 400 km. Đào như thế không phải cốt mở đường cho tàu bè đi vào, nhưng để đặt một con đường giao-thông thường cho ghe thuyền nhỏ đi lại được và tạo thêm một cái hồ lớn có thể phát triển cây cối trong một vùng rộng 9000 km2. Vả lại, những nhà máy điện dựng ở chỗ các mực nước khác nhau có thể khai - thác bằng kỹ-nghệ số muối đọng lại do nước biển tràn vào sông đào và bốc lên thành hơi mà thành.

Bể Baltique sẽ hết mặn.

Địa-trung-Hải không phải là mục-tiêu nghiên-cứu của các nhà kỹ - sư hiện-đại. Họ đã chú-ý đến trường-hợp bể Baltique. Nếu trở về các thời-đại địa-chất-học xa-xăm thì bể ấy là một bể nước ngọt. Nước ở đó hết mặn thì chẳng những khí-hậu nhờ đó dịu-hiền (vì nước dưới đáy bể càng nóng hơn thì càng chậm đóng thành băng tuyết và sẽ bốc hơi nhiều hơn, do đó xuất hiện nhiều mây chở về mạn Đông một khối nước thừa từ 15 đến 30 tỷ tấn nước hằng năm) mà còn cung-cấp cho người được một số lượng nước không-lồ để tưới ruộng.

Muốn làm cho nước ở bể Baltique hết chất mặn, chỉ cần dựng hai cái đập sâu dưới nước với một thể tích là 50 triệu thước khối, một ở Grand Belt, một ở Petit Belt. Trong những eo-bể Đan-Mạch, hẹp và ít sâu, có lưu-thông 2 giòng nước chồng lên nhau chảy ngược chiều : dòng cao từ bể Baltique đến Bắc-Hải, dòng thấp từ Bắc-Hải đến bể Baltique. Và chính dòng sau nầy chở nước mặn đến.

Nếu nó bị chận lại, bể Baltique sẽ hết mặn trong vòng 10 hay 15 năm. Có những dự-định vĩ-đại đã trở thành những ám-ảnh của các nhà bác - học, nhưng cũng có nhiều công-trình, họ cho là quá tầm thường và dễ-dàng mà sau đây là một.

Địa Cực, một cái máy ướp lạnh quốc tế khổng-lồ

Cách đây 9 năm, một phi - cơ trực thăng của phái - đoàn thám-hiểm Huê-Kỳ là High Jump do đô-đốc Byrd điều-khiển, đã hạ xuống trên băng tuyết Nam-Băng-Dương.

Ba người từ phi-cơ bước xuống và tiến gần một căn nhà xiêu vẹo ; gần

bức rào, một con chó dựng thẳng mình đứng gác. Mắt sáng ngời, lông phủ đầy mưa tuyết gió tạt đến, nó toan nhảy chồm lên đến đoàn thám-hiểm. Một người bước lại gần, vuốt-ve nó : « Mầy quả thật là một con vật gan dạ. Khá khen đấy ! Đừng sủa nữa ». Và con vật không sủa nữa. Người chủ đã chết, chết cách đây những 35 năm.

Trong căn nhà, phên vách còn nguyên vẹn, đinh sáng không chút sét rỉ, lương thực còn y. Một thùng bánh Biscuits, thịt bò hộp và vài khúc thịt hải-cẩu trong một cái hộp thiếc, ba người đem nướng còn chảy huyết ngon lành trên một cái rê-sô. Để đốt lửa, họ lấy một que diêm ở trong một cái hộp bỏ quên đã lâu ngày : que diêm bật lửa liền.

Họ ăn một bữa cơm dọn bằng những đồ ăn cũ.

Đồ ăn còn sót lại từ năm 1911 của ông Scott. Ông đã đi xuống Nam-Cực, đã đến nơi rồi và trên đường về thì bị chết. Họ ăn một bữa cơm cũ những 35 năm.

Và do đó, các nhà thám - hiểm phát kiến ra một mâu-thuẫn to lớn ở Nam Cực : một đại-lục lạnh ghê hồn với những đợt cuồng phong mạnh nhất ở quả đất, trên một mặt đất không thể trồng trọt được một cái gì. Ấy thế mà là nơi có thể giữ được sự sống và tạo thêm điều-kiện để giữ sự sống lâu bền nữa. Nhờ ở một thứ không - khí được thanh-trùng qua bao nhiêu triệu năm giá rét, không còn chứa một vi-trùng, nào và ở đó, hiện-tượng hôi thối không còn xảy ra được nữa.

Ông Byrd, trưởng phái-đoàn thám-hiểm Huê-Kỳ, chẳng những là một nhà thám-hiểm thiên-tài, mà còn là một con người đầy óc thực tiễn. Và cũng chính cái ngày ông được quan-sát những việc vụn-vặt nói trên ở Nam-Cực vào năm 1946, làm nảy ra trong trí ông một sáng - kiến : biến Nam-Cực thành một kho dự-trữ lương - thực khổng-lồ.

Những lương-thực ấy sẽ đặt ở chỗ nào ? Ông nghĩ ngay đến những bè tuyết nhân tạo, mông-mênh những băng đảo, gồm có 86% nước đá và 14% bột gỗ, nhờ sự sáng - chế của một kỹ-sư Huê-kỳ là Geoffroy Pyke. Sẽ chạy được bằng điện-lực, các đảo nổi ấy dài chừng 600 thước đi với tốc-độ từ 7 đến 8 nơ. Một đoàn thủy-thủ rất ít người cũng có thể điều khiển máy chạy được, còn phía dưới hầm, thì sẽ bố trí thành những lò ướp lạnh to rộng. Các đảo nổi ấy bồng bềnh trên mặt nước từng đoàn và có người dẫn lộ, chứa đủ máy ra đa và máy làm vỡ băng tuyết. Thêm một điều lợi khác là không bao giờ những đảo ấy chìm xuống nước. Phần lớn những hành-trình đi trên bề tuyết lạnh, cho nên những đảo lưu-động ấy sẽ có hiệu-lực vô-cùng ; các hành-trình được tính - toán trước để băng tuyết khỏi tan thành nước lỏng làm hư hỏng đồ ăn, trước khi hành-trình chưa chấm dứt.

Bây giờ, đã có hai trung-tâm dự-trữ lương-thực được trù-liệu : một ở trên đất Palmar, một ở trong vùng Victoria. Trung-tâm thứ nhất dùng làm kho chứa thịt và ngũ-cốc ở Nam-Mỹ, trung-tâm thứ hai dành cho lúa mì và cừu ở Úc-đại-Lợi, trái cây và phó-mát ở Tân-tây-Lan.

Từ những đại-lục nổi...

Từ những đảo nổi ấy tiến đến một cuộc giải-phẫu thực-sự vỏ quả đất, đó là công-trình của kỷ-nguyên nguyên-tử.

Ai cũng công-nhận rằng vỏ quả đất cấu-tạo bằng một lớp đá gờ-ra-nit dày đến 100 km, nằm trên một lớp « mất ma », một chất nặng và mềm hơn, lớp này thành một bọc cứng. Dưới cái bọc cứng đó và một lớp trung-gian nữa là cái nhân cứng, gồm bằng một hợp kim sắt và ni-kên mềm giống như thép. So với bán-kính quả đất dài 64000 km thì độ dày của vỏ đất quá mỏng như một vỏ quả trứng. Cái vỏ ấy nổi lênh bênh trên một khối tương-đối lỏng, trong lòng khối ấy, một loạt chuyển-động chậm đang chạy ngầm-ngầm.

Tóm lại, những đại-lục chúng ta đang ở nổi trên mặt chất mất ma vừa lỏng vừa có tỉ-trọng lớn hơn đại-lục nhiều như những phiến đá nhỏ trôi trên mặt nước. Những ngọn núi càng cao chừng nào thì cái nền của chúng càng sụt thấp chừng ấy. Do đó, những hiện-tượng trên mặt đất (như sự biến mất một lớp băng tuyết, một cái biển bị cạn, một dãy núi bị mòn v.v...) đem đến những sự biến đổi sâu trong lòng quả đất, sẽ tác-động ngược lại trên mặt quả đất.

Ví-dụ như xứ Scandinavie (Na-uy và Thụy-Điển) cứ cao lên đều đặn trong khi Bắc-Mỹ xa dần Âu-châu hằng năm 30 cm.

...Tiến đến giải-phẫu địa-cầu-học.

Lẽ tất nhiên, tiên đoán bao nhiêu chuyển-động chậm và sâu này trong lòng quả đất có thể gây nên những tai-nạn trên bề mặt quả đất như động đất, sụt đất, nứt đất v.v.. là vấn-đề rất quan-yếu. Những hiện-tượng giống như những hiện-tượng ở vào các thời địa-chất-học trước, đã làm biến mất bể Congo và hồ Tchad, làm cho eo bể Gibraltar bây giờ được mở rộng và eo Behring đang càng ngày càng rộng.

Cũng như những địa-chấn, những sự phun lửa hỏa-diệm-sơn, người ta có thể tiên đoán bao nhiêu hiện-tượng khác thường để tránh cho nhân-loại rất nhiều tai-nạn khủng-khiếp ?

Và đó cũng là ý-nghĩa của một lời đề-nghị của nhà toán-học Áo, K.F. Bullen, chuyên nghiên-cứu về các vụ địa-chấn :

— Ước mong rằng các cường-quốc đã giữ bí-quyết về nguyên-tử-lực sẽ giúp phương-tiện cho các nhà bác-học để họ nghiên-cứu sự cấu-tạo quả đất. Cứ cho những quả bom ấy nổ nhằm lúc và đúng chỗ mong muốn, thì bao nhiêu tài-liệu qui-báu và căn-bản, ta sẽ thu lượm được.

Ví-dụ : Trong lòng quả đất, có thực có những giòng chuyển-động đối lưu không ? Và nhờ những giòng ấy hoạt-động chậm trong bọc trái đất, ta có thể giải-thích được những lằn xếp núi-non ? Do những sự khác nhau trong các tầng nền quả đất, người ta có thể tính được độ cao hay độ sụt của những đại lục ?

Nhờ công-dụng của những chất nổ nguyên-tử, người ta có thể tiên-đoán thời-gian mà một sự nghiên-cứu kỹ-lưỡng về sự cấu-tạo quả đất cho phép các

nhà bác-học thay đổi bộ mặt quả đất. Chẳng những người ta sẽ tránh được cho nhân-loại những đại-nạn về địa-chất, nhờ tính trước được với một phương-pháp khoa-học, mà ta còn cắt xén, thêm bớt các đại - dương và đại-lục, căn-cứ trên sự hiểu biết tường-tận về những chuyển - động trong bọc và vỏ quả đất. Một khoa - học về sự giải phẫu quả đất sẽ xuất-hiện để phân-phối lại ao-hồ, sông biển, đồng bằng, đồi núi, hòng thay đổi hẳn khí hậu các miền, và tạo đi tạo lại bộ mặt quả đất cho hợp với tham - vọng con người.

VŨ - KÝ *biên-soạn*

(Tài-liệu Địa-lý của Jean Berger)
Science géologique.
(*tháng 12-56*)

Nhẫn-nhục ít có.

MÔN - ĐỆ của một nhà hiền-triết kia phạm một lỗi này. Nhà hiền-triết bảo y rằng : « Ta không thể tha-thứ cho ngươi, nếu ngươi không chịu để cho thiên-hạ chửi ngươi trong ba năm ». Người môn-đệ vâng lệnh thầy. Sau ba năm y trở lại, nhà hiền-triết lại bảo : «Ta không thể tha-thứ cho ngươi, nếu ngươi không chịu mất tiền cho người ta chửi ngươi trong ba năm nữa ». Người môn-đệ lại vâng lời thầy dạy. Sau ba năm, trở lại, nhà hiền-triết bảo : « Ta tha-thứ cho ngươi. Bây giờ ngươi đã có thể tới thành Athènes để trau giồi đạo-đức hạnh được đó».

Tới Athènes, người môn-đệ tới xin nhập-môn một nhà hiền-triết xưa nay vốn dùng sự chửi rủa để thử học trò. Vừa vào tới cửa, người môn-đệ đã bị ông thầy chửi cho vuốt mặt không kịp, nhưng ông thầy càng chửi thì y càng phá lên cười. Ông thầy hỏi : « Sao ta chửi ngươi mà ngươi lại cười ? » Người môn-đệ thưa :

— Trong suốt ba năm tôi phải mất tiền để được nghe chửi, mà nay tôi được thầy chửi không mất tiền, làm sao bảo tôi không cười được ?

Nhà hiền-triết nói :

— Xin mời ngươi vào. Chỉ có ngươi mới xứng đáng là học trò của ta ». Nhẫn-nhục là cửa ngõ đưa vào con đường đức-hạnh.

THÀNH-TÍCH HAI NĂM HOẠT-ĐỘNG

của

Ban TIỂU-HỌC BÌNH-DÂN Hội VĂN-HÓA BÌNH-DÂN

L.T.S.— Chúng tôi nhận được bản thành-tích sau đây của ban Tiểu-Học hội Văn-Hóa Bình-Dân, vậy xin trích đăng để trân-trọng giới-thiệu với bạn đọc.

I— Mục-đích của ban Tiểu-học Bình-dân

Để giúp những đồng-bào hiếu-học ban ngày phải đi làm có phương-tiện trau-dồi văn-hóa và kiến-thức chuyên-môn, hồi tháng 10 năm 1954, một nhóm anh chị em thanh-niên đã thành-lập một trường trung-học chuyên-môn lấy tên là TRƯỜNG BÁCH-KHOA BÌNH-DÂN và đặt cơ-sở cho HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN.

Tính đến ngày 15-8-1957, ban Tiểu-Học Bình-Dân bã hoạt-động được đúng hai năm tròn, đã mở được 277 lớp học, giúp 13 ngàn đồng-bào cần-lao trong khu-vực Đô-Thành và vùng phụ-cận trên con đường học-vấn.

II — Đà tiến-triển của ban Tiểu-Học Bình-Dân

Ngay từ lúc thành-lập, ban Tiểu-Học Bình-Dân đã mở những lớp học thuộc 3 trình-độ sau :

1. — *Lớp Vỡ-Lòng* : cho những người chưa biết đọc biết viết.

2. — *Lớp Cơ-Bản* : cho những người mới vừa biết đọc biết viết.

3. — *Lớp Bổ-Túc* : cho những người đã đọc thông viết thạo và đã biết tính-toán khá.

Bắt đầu từ khóa thứ năm (22-7-57) theo lời yêu-cầu của một số anh chị em tiểu công-tư-chức, quân-nhân và thanh-niên lao-động, ban Tiểu-học Bình-Dân đã mở thêm :

4/ Lớp luyện thi Tiểu-học.

III— Nguyên-tắc tổ-chức

Hội Văn-Hóa Bình-Dân là một tổ-chức hoạt-động giáo-dục và văn-hóa không vụ-lợi, nên không thâu học-phí của các học-viên. Tuy nhiên, vì tổ-chức tốn-phí nặng-nề, nên từ khóa thứ 5 (22-7-1957), học-viên các lớp Cơ-Bản và Luyện Thi Tiểu-Học được khuyến-khích góp phần giúp quỹ *Chống Nạn Thất-Học* của Hội.

Tại các lớp học của Hội, mỗi giảng-viên phụ-trách một lớp học. Các giảng-viên hầu hết là sinh-viên hoặc học-sinh ban Trung-Học Chuyên-Khoa. Các giảng-viên đều là những nam nữ thanh-niên đầy thiện-chí phục-vụ đồng-bào, không lấy thù-lao mà chỉ nhận một khoản phụ-cấp chuyển-vận nhỏ.

TỰ LUYỆN ĐỂ TÌM HIỂU VÀ PHIÊN-DỊCH

ĐỌC VÀ PHIÊN-DỊCH BÁO CHÍ ANH, MỸ
của Võ-công-Tài

★ 150 bài chọn-lọc xếp thành loại, giảng nghĩa và phiên-dịch ra tiếng Việt.

★ Những ngữ-vựng cần-thiết chuyên-môn **CHÁNH-TRỊ, NGOẠI-GIAO, QUÂN-SỰ, KINH-TẾ, THƯƠNG-MẠI, THỂ-THAO v.v.**

Đã có bán tại các hiệu sách
NAM-SƠN XUẤT-BẢN

IV— Tài-chánh của ban Tiểu-Học Bình-Dân

Vì những tổn-phí tổ-chức nặng-nề (tiền điện, tiền dầu, nến, tiền mua học-cụ, tiền phụ-cấp chuyển-vận giảng-viên, v.v...) nên Hội Văn-Hóa Bình-Dân có lập một quỹ gọi là Quỹ *Chống Nạn Thất Học* để giúp ban Tiểu-Học Bình-Dân hoạt-động.

V— Ban Tiểu-Học Bình-Dân và chiến-dịch thanh-toán nạn mù chữ Đô-Thành

Ngày 22-10-1956, bạn ĐỖ-TRỌNG-CHU, Trưởng ban Tiểu-Học Bình-Dân của Hội Văn-Hóa Bình-Dân đã được mời giữ trách-nhiệm Phó Chủ-Tịch ban thường-vụ chỉ-huy chiến-dịch thanh-toán nạn mù chữ Đô-Thành.

Kể từ ngày cộng-tác với chiến-dịch, Hội Văn-Hóa Bình-Dân đã mở hơn 100 lớp Vỡ-Lòng, giúp hơn 5.000 đồng-bào thoát nạn mù chữ. Trong những ngày đã qua, cũng như trong những ngày sắp đến, Hội luôn luôn chủ-trương hợp-tác chặt-chẽ với các đoàn-thể văn-hóa bạn để Chiến-Dịch Thanh-Toán Nạn Mù Chữ chóng thành-công.

VI— Thành-tích hai năm hoạt-động

Sau đây là sơ-lược thành-tích hoạt-động của ban Tiểu-Học Bình-Dân trong hai năm vừa qua :

	KHÓA thứ I	KHÓA thứ II	KHÓA thứ III	KHÓA thứ IV	KHÓA thứ V	TỔNG-SỐ 5 khóa
Khai-giảng ngày	15-8-1955	21-3-1956	20-9-1956	1-3-1957	22-7-1957	
Mãn-khóa ngày	31-1-1956	30-7-1956	19-1-1957	1-6-1957		
Số trường	11	9	10	10	10	
Số lớp	47	39	68	65	58	277
Số giảng-viên	83	68	85	78	70	
Số học-viên mỗi khóa	1.889	1.994	3.489	3.417	2.450	13.239
TỔNG-SỐ HỌC-VIÊN 5 KHÓA : 13.239 HỌC-VIÊN						

Khóa thứ 5 sẽ mãn-khóa vào dịp TẾT CỘNG-HÒA và Khóa thứ 6 sẽ bắt đầu vào đầu tháng 11 dương-lịch để kịp mãn-khóa trước TẾT NGUYÊN-ĐÁN.

VII– Kết-luận

Ban Tiểu-Học Bình-Dân đã tồn-tại và phát-triển được trong 2 năm vừa qua là nhờ ở sự nâng-đỡ tinh-thần của Chính-Quyền, ở sự ủng-hộ của các vị ân-nhân và thân-hữu trong và ngoài nước, nhưng nhất là nhờ ở sự tận-tâm và thiện-chí phục-vụ đồng-bào của anh chị em giảng-viên ban Tiểu-Học Bình-Dân.

Tuy những kết-quả thâu-lượm được khá khả-quan (277 lớp học, 13.239 học-viên), nhưng số đồng-bào còn thất học trong Đô-Thành đang chờ chúng ta mang ánh sáng văn-hóa đến còn rất nhiều.

Để có phương-tiện giúp đỡ đồng-bào thất học, Hội Văn-Hóa Bình-Dân thiết-tha yêu-cầu sự nâng-đỡ cộng-tác của mỗi bạn về phương-diện tinh-thần cũng như vật-chất. Mỗi sự giúp đỡ của Bạn đối với ban Tiểu-Học Bình-Dân là một viên gạch xây đắp cho nền văn-hóa nước nhà thêm phần vững chắc, cho tương-lai đất nước thêm huy-hoàng.

Thay mặt đồng-bào thất học đã và sẽ nhờ ở thiện-chí và quảng-tâm của Bạn, xin gửi Bạn lời cám ơn nồng-nhiệt.

Chào Khuyến-Học

Saigon, ngày 15 tháng 8 năm 1957.

TRƯỞNG-BAN TIỂU-HỌC BÌNH-DÂN,

HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN,

ĐỖ-TRỌNG-CHU

TRANVANTHI

Số 7, đại-lộ Nguyễn-Huệ (lầu ba) — SAIGON

Hãng xuất nhập-cảng - Số vốn VN$ 3.000.000

Xuất-cảng : Ngũ-cốc và nông-sản khác.

Nhập-cảng : Thực-phẩm, hàng vải, kim khí, đồ đồng, đồ sắt, đồ điện, các loại máy.

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN

ZUNDAPP DELPHIN (Đức)	**— Máy gắn ghe lường và tam bản.**
BAUSCHER (Đức)	**— Máy kéo diesel, nằm và đứng.**
FACIT (Thụy-điển)	**— Máy tính, quay tay và chạy điện.**
ROCKET (Nhựt-bổn)	**— Máy làm nước đá và cà-rem.**

Vespa

1957

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI PHI-MÃ

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của
MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE

Parker 61

Bút máy tối-tân bấm nút tự-động không cần bộ phận nào khác.

Nét thanh trẻ tinh-vi, cách sử-dụng đơn giản làm cho bút máy Parker 61 trở thành một tặng phẩm lý tưởng đặc-sắc. Chỉ cần hoàn-toàn đổi mới, bút máy Parker 61 tự-động hấm mực lấy trong 10 giây, nhờ ở sức hút tuyệt-vời, hơn năm lần tự-động của lấy khí mực vào ống chứa.
Nhận một bút máy Parker 61 là niềm tin-tưởng của một tặng-phẩm mơ-ước đối với người đã nhận được cái đẹp của phẩm chất đó.

Gửi ngay ai hài lòng hoàn-toàn khi viết bằng mực Parker Quink với bút máy Parker 61.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
(Ex. Chaigneau)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONNALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCÉAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

HAI LẦN ĐI

NGUYỄN-PHÚC

(Tiếp theo B.K. 15)

VĂN có ý-nghĩ muốn đi vì ở đây cứ bắt anh buồn đến ngẩn-ngơ. Chiếc mô-tô đen của Khương cũng không còn nhắc anh nhớ lại người con gái có vừng trán cao nữa. Nhưng cái gì ở xung quanh anh cũng làm cho anh thấy chán ghét, cáu-kỉnh. Một mảnh nắng le-lói dọi vào cái màn cửa màu xanh lạt đã đủ gây cho anh một cảm-giác gay-gắt, nặng-nề. Văn không hiểu từ khi rõ chuyện này, anh đã có giây phút nào ghê-tởm người con gái ấy chưa ? Song lâu lâu anh cứ thấy bàng hoàng, không hẳn cái bàng-hoàng vì hình-tượng của giòng chữ sau bức ảnh gây nên ; vì sự thực cái quan-trọng đáng che đậy nhất của người con gái ấy đã được anh chứng - kiến ở Quán-Mực rồi.

Cái ý-tưởng muốn xa lánh nơi đây làm Văn chợt nghĩ đến cái ý muốn làm kẻ ẩn-sĩ tân-thời của Khương khi hắn còn ở Nha-trang. Hồi ấy ở phố không thiếu gì nhà cho thuê có đầy đủ tiện-nghi và rẻ tiền, Khương lại chạy lên thuê một cái nhà tranh nhỏ ở sát cầu Xóm-bóng, xa trường tới ba cây số. Tối đến một mình Khương trơ-trọi trên một chiếc thuyền nhỏ lênh-đênh giữa dòng. Không hiểu Khương lúc ấy có một tâm-sự gì bí-ẩn không, nhưng hắn trở nên ít nói, hay cười một mình. Tuy nhiên, đôi khi hắn cũng không quên tự-tôn mình. Được một tháng, Khương đã thấy chán thuyền, chán khép miệng, hắn bắt đầu trở lại nguyên hình. Văn đã nghe hắn khoe cái minh-mẫn của hắn trong việc nhận-định thời-thế, thu dọn bằng một câu tiếng Pháp mà hắn đã nói đi nói lại ba lần

cho Văn nghe và hai lần cho một bạn đồng-sự khác.

Nhưng những điều ấy không đập mạnh trí nhớ của Văn bằng một đêm Văn đạp xe đến tìm Khương và ngỏ ý muốn chơi với hắn ở bãi bể. Đêm ấy, trăng sáng vắng-vặc nên bể đẹp lắm. Khương ngắm cảnh. Hắn khẽ ngâm một bài thơ nguyên-tác của Lý-Bạch. Trông hắn có vẻ siêu-thoát. Mà chính hắn cũng có cái cảm-khoái ấy. Thơ của Đào-Tiềm cũng được hắn lam-nham nhắc qua một vài câu. Gió biển mát, mơn-man hai người. Ngẫu hứng, hắn đọc một bài thơ cũng bằng chữ Hán. Văn không hiểu hết, nhưng cũng bị hắn đố là của ai. Văn nói đùa :

— Thì còn là của ai nữa, của Khương tiên-sinh chứ ai !

Hắn cười nói :

— Mình làm chơi thế mà sau khi nghe xong, ông Nghè Tọa bảo rằng thơ mình vững-vàng giống như thơ của Cụ Bằng hồi làm tổng-đốc ở Thanh-hóa đấy.

Hắn nói xong cười một cách khiêm-tốn. Hai cái môi của hắn từ từ khép lại. Mặt hắn trở nên trầm-tư và nghiêm-nghị. Ngón tay giữa của hắn cong lại nhịp khẽ nơi đầu gối. Lúc ấy, dưới ánh trăng, tuồng như Văn thấy cái gân trán của hắn cũng nổi lên.

Sự im lặng kéo dài được một lúc, Khương vỗ nhẹ vai Văn, thủ-thỉ :

— Này, mình hỏi cậu nhé. Như mình đây có thể yêu một người con gái mười sáu không ? Và cậu có thể tưởng rằng một người con gái mười sáu tuổi có thể yêu tha-thiết mình không ?

Văn đáp ngay :

— Tuổi-tác không phải để giải-thích tình yêu, nhưng để nhận-định tình yêu. Không kể những ông già đòi lấy con nít, tình yêu có thể sinh nở giữa hai người không đồng một lứa tuổi.

Khương gật gật cái đầu. Văn không để ý nói tiếp :

— Song có một điều chắc chắn là sự chênh-lệch quá-đáng giữa hai người sẽ biến tổ-ấm của họ thành một sân-khấu. Lúc đó hai người là hai diễn-viên xuất-sắc nhất trong diễn-xuất và thành-công nhất trong vở bi-kịch của họ.

Khương làm thinh, hắn nhìn một cánh buồm trắng. Tiếng nói của hắn bị lạc trong gió :

— Ừ, mình cũng nghĩ thế.

Nói xong, hắn im lặng trầm-ngâm. Văn không nói thêm, ngồi nhìn sóng bể xòa dưới chân. Khương vẫn còn ấm-ức :

— Ừ thì mình cũng nghĩ thế, song tâm-hồn của họ chóng già-dặn quá. Có nhiều người chưa bao nhiêu tuổi đã khôn ngoan, biết lo-toan, chín-chắn kỹ-lưỡng hơn mình nhiều. Họ không thắc-mắc, không tiếc-rẻ, bằng lòng cái chức-nghiệp làm mẹ và làm vợ một cách tự-nhiên, không có phản-ứng.

Văn lãnh đạm nói :

— Đó là vấn-đề bản-tính, tập-tục, ước-lệ xã-hội.

Khương định cãi, nhưng Văn chận lại :

— Này, anh đã nghiên-cứu kỹ một số gia-đình nào chưa mà dám kết-luận như thế.

Khương lúng-túng :

— Có... có chứ.

Văn cười to :

— Đó là anh chưa biết những phản-ứng, những thèm-khát đang đốt trong lòng

họ đấy. Sở-dĩ anh không thấy vì trước hết anh không chịu tìm thấy, sau là tự anh không nghĩ rằng cái ý-thức-hệ cũ còn tồn-tại hiện nay đang là bốn bức tường nhốt họ.

Khương nói :

— Nhưng sự thực vẫn có nhiều người tìm được hạnh - phúc.

Văn nhún vai :

— Một người đàn bà trẻ góa chồng vẫn tìm được hạnh-phúc ở những trai tơ !

Khương ôn-tồn, nói có vẻ phân-trần :

— Đó là nói chung cho những đôi trai gái quá chênh-lệch tuổi-tác đến thành dị-dạng... nhưng riêng mình thì sao ?

Văn hiểu ý Khương, anh mỉm cười :

— Đúng rồi. Còn nếu như ở trường-hợp của anh thì... vẫn còn nằm trong sự chênh-lệch tương đối. Nếu biết sống, nhất là ở anh biết tạo cho mình một ý-thức trẻ thì có lẽ không có việc gì đáng tiếc xảy ra cả. Ở bên Tây-phương, sự chênh-lệch như anh vẫn còn là hợp-lý.

Khương cười tươi tỉnh :

— Nhưng mình đã là cái gì mà cậu nói là sự chênh-lệch như mình.

Văn hóm hỉnh :

— Phải tạm lấy một mức để lý-giải chứ.

Đến đây hai người cùng cười...

Bây giờ ôn lại chuyện hai năm về trước, Văn nghĩ rằng chính cái lối thỏa hiệp kém-cỏi của anh biết đâu đã mở mối cho Khương yêu người con gái có cái vừng trán cao gặp ở Quán Mực cách đây vài ba hôm.

Văn đứng dậy cố xua đuổi cái ý nghĩ ấy đi. Anh ló đầu ra khỏi cửa xem chừng Khương đi chơi đã về gần tới nhà chưa. Ngoài đường nắng xuống mầu sẫm hơn. Một luồng gió xô đến đóng sập một cánh cửa. Tiếng dội mạnh âm vang trong phòng. Những giây của chiếc lục-huyền-cầm rung nghe vo vo. Văn thấy vui vui tai. Anh đứng nhịp chân hát một bài « quân hành khúc ». Anh ước có Khương về ngay lúc này, lấy đàn phụ-họa cùng anh hát nhiều bài.

✶

Thế là đúng một tuần Văn lưu lại nhà Khương, Văn định sáng hôm sau sẽ đáp chuyến xe sớm nhất vào Sài-gòn. Chiều nay Văn thấy gió mát và ánh nắng rực-rỡ quá. Anh nằm xem sách mà thấy lòng rộn lên vui sướng. Anh trở dậy viết thư cho bạn bè và ngồi nghe tiếng chim đuổi nhau trên cây sung.

Bữa cơm chiều nay có nhiều món thịt. Hai chai bia để ở đầu bàn. Khương và Văn đem câu chuyện đang cãi dở ở nhà trên theo xuống bàn ăn. Hai người im đi một lát để lau dũa lau chén. Văn vừa gắp một miếng bánh rán vừa nêu lại điểm đang còn nhiều chỗ mơ-hồ. Cuộc tranh-luận cứ chạy xa dần cho đến khi đề-cập tới những nhân-vật trong một quyển tiểu-thuyết của W. Somerset Maugham. Khương hăng-hái :

— Theo mình Mary là đại-diện cho các loại đàn bà ăn rồi ở thì, suốt ngày chỉ nghĩ đến « thân hình » của mình. Còn như có nghĩ đến ai thì cái tình thương ấy cũng phát-khởi từ căn - điểm tình-dục. Cho nên nàng đã hiến thân cho gã sinh-viên mỹ-thuật Karl Richter khi nào không hay.

Văn nói :

— Chúng ta phải thừa - nhận một cách

S.E.I.C.

SAIGON - GARAGE

Angle des Bds Nguyễn-Huệ và Lê-Lợi — Saigon

Tél. : **20.603**

Agents exclusifs :

Camions : BERLIET

Automobiles : SIMCA

— STUDEBAKER

Tracteurs et moteurs hors-bord : OLIVER

Motocyclettes et vélomoteurs : BIANCHI

Scooters : RUMI

Pneumatiques : MICHELIN

PIÈCES DÉTACHÉES D'ORIGINE — STATION SERVICE

ATELIERS DE RÉPARATIONS

THE BANK OF EAST ASIA, LTD

(ĐONG-A NGAN-HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N° 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES-FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

thành-thực rằng người đàn bà nói chung ưa tô-điểm thân hình và thường hay mưu tính về ái-tình. Đó là chiến-thuật không thể thiếu được trong cuộc sống của họ trước phái mạnh.

Khương lắc đầu :

— Cậu đã hạ thấp người đàn bà rồi.

— Không, đó là vấn-đề sinh-tồn ! Mary là người đàn bà đã sống trung-thực với mình, nhưng lại là một người đàn-bà dễ bị bối-rối, thiếu tự-chủ và cũng dễ bị lôi-cuốn bởi sự thôi-thúc của bản-năng khi mà họ cảm thấy cô-đơn và thiếu-thốn. Maugham đã thành-công là dựng lên được một người đàn bà rất đàn-bà.

Văn, Khương cãi nhau sôi-nổi đến quên ăn. Người nào cũng muốn chứng-minh điều mình nói là đúng. Khương dẫn không biết bao nhiêu là ví-dụ trong nhiều danh-tác ngoại-quốc. Có nhiều chỗ, Văn đâm nghi Khương bày-đặt ra vì đã có lần Văn khám-phá ra điều đó.

Khương đặt cốc bia xuống bàn :

— Này Văn, thôi đừng cãi nữa. Mình nói cho cậu nghe chuyện nầy. Một chuyện có thực một trăm phần trăm.

Văn gắp một miếng thịt nướng đưa lên cao nói :

— Có thực một trăm phần trăm như miếng thịt nầy không ? Hay... là có thực trong sách vở ?

Khương cười khó-khăn :

— Đừng đùa nữa. Đây, mình nói cho nghe. Cậu có nhớ cái đêm bọn mình cãi nhau về vấn-đề tình yêu và tuổi-tác không ? Chính trước cái đêm ấy mình đã được một cô mười sáu tuổi yêu. Hồi đó mình không dám để ý vì phân-vân về tuổi tác của mình và một phần lớn vì công-việc. Sau ít lâu, khi thôi dạy vào làm ở Sài-gòn, mình lại gặp cô ta. Thế là hai đứa mình không còn gìn giữ gì nữa, đâm đầu yêu nhau. Cô ta thấy mình làm có tiền, sang-trọng, có học-thức. Còn mình lại thấy cô ta trẻ, tuy không đẹp nhưng, trời ơi, có duyên lắm, người trông thanh thanh và. . . đa cảm. Rồi. . . Khương ngừng lại ngẫm-nghĩ trong khi Văn nhìn ra vườn cây tối đen, trầm-ngâm.

— . . . Rồi trong khi cô ta yêu mình lại đi yêu lung tung. Cuộc đời tình-ái của nhiều người đàn-bà xung-quanh mình đây đâu có bắt đầu như thế. Vì thế mình không thể cho đó là. . . rất đàn-bà được mà rất... đĩ thôi.

Văn vẫn im - lặng, anh gắp một miếng thịt nướng thật to bỏ vào mồm nhai ngấu-nghiến rồi tu một hơi bia.

Mặt Khương hơi đỏ, gân trán nổi lên. Hắn bỏ đũa xuống đứng dậy vung tay nói như phân vua với trời đất :

— Mình hiền lành thật, nhưng nhất-định mình không thể chịu thua một con đàn-bà khốn-nạn và mất dạy như thế. Nó đã chà đạp lên lòng tin yêu chân-thành của mình thì tội gì mình lại không tống cổ nó đi. Mình chỉ tiếc rằng mình xử với nó còn quá nhân-từ ! Văn ! Cậu nghĩ sao ?

Khương cầm ly bia đầy uống một hơi hết sạch. Thấy Văn không nói gì, cứ lầm-lì nhai thịt nướng và uống bia, hắn kéo chiếc ghế của hắn ngồi qua một bên, chạy vào bàn giấy, vừa lục-soạn vừa cất tiếng nói vọng ra :

— Mình sẽ cho cậu xem. Cậu không chịu tin mình !

Khương trở ra đem theo một xấp thư giấy nhiều màu.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lạp tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

— Cậu đọc mà xem. Thư tình của cô ta viết cho trai chưa kịp gửi và thư của nhiều « người ta » gửi đến cho cô đấy.

Khương kêu người nhà lên dọn dẹp một số bát đĩa nghênh-ngang trước Văn để có chỗ đặt xấp thư.

Văn cúi xuống đọc từng lá thư một. Khương chắp tay sau đít, đi đi lại lại trước bàn ăn. Chờ Văn đọc gần hết xấp thư, Khương hất đầu hỏi :

— Thế nào ? Cậu còn cho đó là « rất đàn-bà » nữa không ?

Văn nói miễn-cưỡng :

— Có thể có những trường-hợp đặc-biệt . . .

Khương nhún vai, trề môi, gật gật cái đầu :

— Ừ, được rồi, trường-hợp đặc-biệt hay không đặc-biệt mình không cần nói đến. Cậu nhận « có » cho mình là tốt rồi !

Khương ngồi phịch xuống ghế cười hà-hà. Văn giật mình kinh - ngạc nhìn Khương. Một giọng cười lạ-lùng cất lên như điên dại. Bỗng, tự-nhiên Khương lại ngừng lại nghiêm-nghị bảo :

— Thôi xếp lại đó. Chúng ta ăn.

Khương nhai, uống tới-tấp như hắn đói đã hai ba ngày được một mâm cơm. Văn không buồn để ý tới hắn, anh ăn thong-thả và núc rượu bia cũng thong-thả gần như một con người hình nộm cử-động đều đều.

Khương ăn xong trước, hắn đứng dậy nói với Văn :

— Mình nhớ rồi. Chỉ còn có độc một cái này mà mình còn nghĩ thương cô ta thôi. Cậu đoán thử cái gì ?

Thấy Văn ngơ-ngác, Khương chạy vào phòng, thắp đèn tìm kiếm. Một lúc lâu hắn lăn-xăn trở ra đưa cho Văn một tờ giấy đã nhầu, bị nước xà-phòng làm hoen-ố đi nhiều chỗ. Văn mở ra đọc :

« Anh Dậu kính mến của em,

« Có lẽ anh tưởng rằng em — người « em suốt đời kính thương anh — nay đã « xanh cỏ rồi.

« Không ! Những hàng chữ nầy do « tay em viết gửi đến tòa báo để nhờ họ « đăng, mong một sự dun-dủi nào của « Trời Phật đưa đến tay anh.

« Trong tám năm trời xa anh, không « một lúc nào em không nhớ đến anh. « Em khóc luôn vì cứ sợ rằng anh sẽ chết « trước em.

« . . . . . .

« . . . . anh vẫn còn thương nhớ em « đấy chứ. . . . . .

« . . . . . chẳng chút nào « giận-dỗi em, người em khờ dại đã bỏ « anh ra đi lúc chín tuổi. Có lẽ đến hôm « nay, anh cũng chưa hiểu vì sao cách « đây tám năm, anh bỗng mất một đứa « em yêu dấu của anh . . . . . .

« . . . . Em xin phép anh kể lại cái « ngày hôm ấy, cái ngày đã dầm nát cuộc « đời em, cái ngày anh đau khổ vì thương « nhớ em, vì cảm thấy không làm đúng « lời gửi độc nhất và cuối cùng của cô « anh, người mẹ kính yêu của em trước « khi nhắm mắt. Em còn nhớ cái ngày « hôm ấy, anh tắm rửa cho em xong, bế « em lên phản, mặc áo quần cho em rồi « bảo em ngồi chơi, đừng đi đâu cả. Em « không nghe, chờ anh bước ra khỏi nhà « . . . . . .

« Em nghĩ đến những trái mù-u rụng « ngoài đường quan sẽ cho em nhiều cái « gáo bé tí-tí, xinh-xắn dễ thương. Em

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20 Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

« liền bỏ nhà, xách một cái giỏ con con
« do anh đan cho . . . . . .
« Em bị một mụ già lạ, nhưng trước đó
« đã có ba lần cho em kẹo bánh. Mụ già
« ấy nói rằng sẽ bế em đi tìm gặp mẹ em.
« Trời ơi ! Mẹ em chết đi, em có biết,
« cả đến khi Người trăng-trối với anh, em
« cũng mơ-hồ hiểu được một phần nào,
« nhưng sao hồi đó, em tin là sẽ gặp mẹ
« em ở một nơi nào xa lắm. . . . . .
« . . . . . .
« . . . . . .
« . . . . . .
« . . . Từ khi mẹ em chết đi để
« em lại cho anh, em được anh chiều-
« chuộng thương yêu hết sức. Đến ngày
« hôm nay, em vẫn còn nhớ anh thường
« hôn cái trán cao của em mà bảo : . . .
« . . . . . .
« Biết anh nói dùa, em lại càng khóc
« dữ, đòi cho được anh dẫn đi chơi rông
« trong xóm mới thôi. Đã không cáu kỉnh,
« anh lại còn nhìn em bằng cặp mắt hiền
« từ với cái giọng ngọt dịu, anh kể cho
« em nhiều chuyện lạ để em khuây cơn
« khóc . . . . . .
« . . . . . .
« . . . . Em cứ muốn gợi lại trong
« trí em cái hình ảnh những trưa hè, anh
« ra giếng giặt áo quần và tắm rửa cho
« em. Những chiều chập choạng, sau khi
« đi học về, anh tất-tả chui vào bếp, nấu
« cơm, kho cá. Em thì đứng sau lưng anh
« khóc lè-nhè đòi một củ khoai-lang lùi
« tro nóng. Em lại còn nhớ anh thường
« chải tóc cho em . . . . . .
« . . . Những lúc đau khổ nhờ những
« hình ảnh ấy an-ủi, làm cho em thấy
« ham sống với cái tin-tưởng sẽ có ngày
« được ở với anh. . . . . .
« . . . . . .

« Bây giờ xin anh có một điều là tha
« cho em được khỏi phải kể lại cuộc
« đời của em trong hơn hai năm gần
« đây . . . . . .
« . . . . . Em khóc đây vì sợ anh
« không thương em như ngày nào em lên
« tám lên chín nữa . . . . . .
« . . . . . .
« . . . . . Chỉ có anh mới. . . »

Em LINH

Địa chỉ của . . . . . .

Đọc xong thư, mặt Văn bạc đi, Văn cắn chặt hai hàm răng, tay anh víu rất mạnh lấy gốc bàn. Anh cố-gắng hết sức để khỏi òa lên khóc. Anh nhìn những dĩa thịt, những đũa chén trên bàn để hiểu rằng anh đang ngồi ở tại nhà Khương, trước mặt Khương và chính Khương là người đã vứt Linh, đứa em của anh, một gia tài cuối cùng và độc-nhất bằng tình thương, bằng con người của anh.

Mấy giây phút ấy qua, Văn tỉnh lại như người sau một cơn mê. Anh nhích chiếc ghế sát bàn hỏi Khương :

— Trong nhà có thứ rượu nào mạnh, anh cho tôi xin một cốc lớn.

Khương ngạc-nhiên :

— Cậu uống rượu mạnh ?

Văn nói dối :

— Tôi quen rồi. Tốt lắm. Uống để tiêu cái bụng thịt này.

Khương lấy trong tủ chai Martel rót cho Văn. Văn chụp lấy tay Khương ghì mạnh xuống cho rượu đổ nhiều ra ly.

Ngay tối hôm đó, Văn đòi đáp xe trở về nhà ngay. Khương lấy chiếc mô-tô đen định đưa Văn đi, nhưng bị Văn cản lại. Văn viện-cớ thích đi một mình.

Denis Frères

4, đường Tự-do — SAIGON

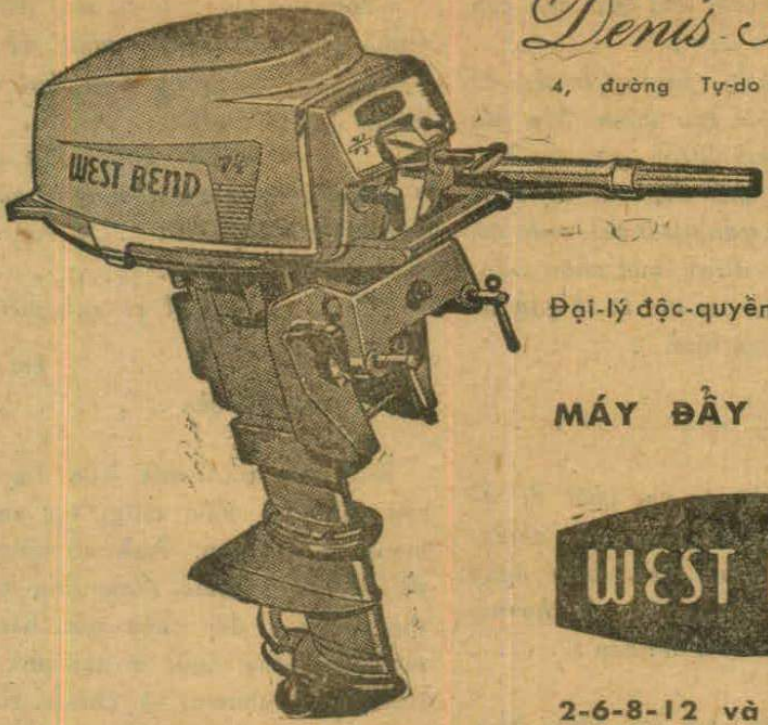

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA-NỐT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export

★

REPRÉSENTATION

★

Téléphone : 21.219
Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

Văn ngồi trên xe, còn chếnh-choáng hơi men. Những cửa kính xung quanh làm anh nghĩ đến những cửa kính ở trường đã nhốt anh trong phòng kín như con chim lồng. Văn cố trườn tới, nhấc bổng cái tay để đập cái cửa kính trước mắt, nhưng cái gì nặng lắm đè chặt lưng anh sát đệm xe. Anh buồn buồn, ngủ thiếp đi trước giờ xe chạy.

★

Gió nồm thổi mạnh từ mấy tháng trước, nay bắt đầu yếu đi. Thỉnh-thoảng trời làm nam ít ngày. Gió phía Tây-Nam tuôn về như đem theo hết cả cái hừng-hực, om-nhiệt của những khu rừng già mênh-mông và núi đèo heo-hút ở miền Hạ-Lào về.

Những chiếc lá khô dòn long-cong chạy trên đường rồi nằm lại bên lề, dựa vào những chiếc lá khác như đi tìm một cuộc sống mới cũng có sự đoàn-tụ thân-thiết như khi còn treo trên cành. Và mỗi lần bị gió đảo, như một cuộc bạo-động bùng nổ, cả ngàn ngàn chiếc lá đuổi nhau, va nhau, cuốn lấy nhau quay tít như điên cuồng, rồi ra thì nhau chạy về một phía. Có chiếc bị mắc kẹt dưới chân một viên đá nhỏ, bật bật như hoảng-hốt. Có chiếc gẫy cúp lại, nằm xuống giữa đường để cho những chiếc lá khác tràn qua trên mình. Có chiếc vì sự cuốn xếp không được khéo-léo, bị nhiều gốc cạnh cản trở, lăn chậm chậm, rớt lại sau như những kẻ già nua mỏi mệt không thể nào theo kịp một đoàn người chạy giặc. Cuối cùng những chiếc lá dừng lại. Thỉnh-thoảng có một luồng gió hây-hẩy thổi qua, những chiếc lá khô lại rục-rịch, xê-dịch, lăn se-sẽ xuống lề đường, rồi lại dựa vào nhau trông có vẻ thân-mật và đoàn-kết.

Trước mắt Văn, những chiếc lá khô là những sinh vật bị quay cuồng điên dại trong cuộc sống bão-táp dữ-dội. Văn lấy chân hất những chiếc lá tấp đến dưới chân anh để chúng nó được gió cuốn đi. Anh xem như anh đang giải-phóng từng chiếc lá, tạo điều-kiện cho chúng nó được sum họp với nhau. Một chiếc lá ở đâu bay đến nằm gọn trong lòng bàn tay anh. Một ý nghĩ thoáng đến với Văn : anh sẽ dùng chiếc nầy để đoán thử cuộc đi mở đầu cho kỳ nghỉ hè năm nay có hy-vọng gì tìm được em Linh hay không. Văn cười vì cái máu tin nhảm vẫn còn trong huyết quản, anh định thả chiếc lá cho nó bay theo gió, nhưng anh lại bỏ nó vào trong chiếc mũ trắng. Anh đứng dậy lấy một cọng lá cứng vạch hai đường thẳng dài độ một thước, song song với nhau khoảng cách chừng hai gang tay. Trước khi để lá cuốn theo chiều gió, Văn tâm-niệm rằng : « nếu chiếc lá này lăn không chệch ra khỏi hai đường nầy thì thế nào anh cũng tìm được em Linh. Còn nếu như trái lại thì có lẽ khó. . . » Một luồng gió mạnh đến. Văn thấy hồi-hộp lạ khi bắt đầu đặt chiếc lá xuống đầu hai đường vạch. Không bị giữ, chiếc lá nhảy, lăn, kéo lê cho đến cuối hai đường vạch thì bị một luồng gió tiếp theo làm nó bay bổng lên cao và liệng ra xa. Văn thở phào một cái như người bệnh được bác-sĩ cho biết bệnh tình của họ có nhiều hứa hẹn tốt.

Văn lần-thần chơi với những chiếc lá cho đến khi một chiếc xe hơi sơn đỏ của hãng A. B. ngừng lại trước mặt. Lúc Văn sắp sửa bước lên xe, một chiếc lá khô ở đâu đại-đột chạy đến nằm dưới bánh ô-tô. Văn bỗng nảy ý muốn đến hất chiếc lá ấy ra một bên.

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Mardi
HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur
STRATOLINER
Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3
Mardi et Dimanche

VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendred
VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA — MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations
65, rue Lê-Thanh-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102

Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân THẦN-NÔNG

Quí Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGLIASTRO & Cie S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON

☆

Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

Văn đến Chợ-lớn được hai ngày. Tối thứ hai Văn đi ăn lễ cưới của một người bạn cũng ở trong khu Chợ-lớn. Quá nửa đêm, tiệc mới tan. Văn lảo-đảo ra về. Anh bị say vì không quen uống các thứ rượu pha.

Đường vắng xe đưa khách, Văn phải đi bộ. Anh cố định lại thần-trí để bước cho ngay nhưng anh cứ thấy đường nghiêng, hố lầu hai bên cũng nghiêng theo. Mấy ngọn đèn chong ở hè phố anh cũng thấy bay lên cao, cao lắm, rồi hạ xuống thấp, thấp quá mặt đường. Văn có cảm-tưởng như đang bị chơi-vơi giữa không trung. Bỗng trước mặt anh lóa lên một cặp đèn pha và tiếp theo một tiếng còi xé tai. Văn thấy đầu anh bị rung chuyển dữ-dội. Chợt Văn hiểu đó là một chiếc xe hơi đang chạy tới. Anh luýnh-quýnh phóc lên hè phố. Và để tránh ngọn đèn xe, anh bước vào một ngõ hẻm tối om om, gió vùn-vụt xô tới-tấp vào mặt. Tay vịn vào tường đây rêu, anh lần mò đi. Văn không nghĩ anh đang đi đến đâu trong cái ngõ hẻm hôi-hám nầy. Đến một khu đất rộng còn dấu vết của những ngôi nhà bị cháy, Văn thấy một ánh đèn trắng xanh từ trong một căn nhà lợp tôn ở bên phải chiếu ra. Thấy nhà còn mở cửa, Văn bước đến. Anh cũng không nghĩ rằng nhà đó của ai. Văn dừng lại ở ngưỡng cửa, nghềnh-ngảng nhìn vào trong nhà. Nhưng tự nhiên anh thấy cả nhà cửa, trời đất không còn nghiêng ngả như trước nữa mà đảo-lộn ghê-gớm. Anh chỉ còn kịp đủ nhận thấy một chiếc giường kê gần đó, bên trong là một tấm màn.

Anh vịn cánh cửa, vịn cây cột tre để lần đến cái giường. Anh nhắm nghiền mắt lại và nằm vật xuống.

Ngoài sân một bà già bước theo vào. Bà đứng lại bên giường, mắt lạ lùng nhìn Văn từ đầu đến chân. Bà dằn-hắn tiếp mấy lần rồi hỏi :

— Ai đấy ? Ai đấy ?

Giọng của bà khàn khàn và tắt đi ở tiếng cuối cùng. Thấy Văn nằm yên, bà lại lay chân gọi. Nhưng Văn vẫn mê man không hay biết gì ở xung quanh. Bà hoảng-hốt chạy đến nhà bên cạnh đập cửa kêu cứu. Không mấy chốc hàng xóm láng-giềng đã tề-tựu ở trước sân và trong nhà. Một thanh-niên nhanh-nhẩu đến rờ trán và rút cái ví của Văn để xem tên tuổi và giấy tờ. Chiếc ảnh Linh đã được bọc bằng giấy trong rơi trên chiếu. Một người con gái đứng gần đấy sửng sốt nhìn chiếc ảnh của mình. Nàng vội-vàng

CÔNG-TY BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiểm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phật-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiểm hỏa-hoạn
Tai hại gây bởi chất nổ
Vốn : 1000 triệu phật lăng
Compagnie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Exploistons
Capital : 1 Milliard de francs

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiểm tai nạn
Gian-phi — Hàng-hải — Rủi-ro
Vốn 1000 triệu phật lăng
Compagnie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques divers
Capital : 1 Milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

CHI-NHÁNH Succursale SAIGON : 26, Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

Giây nói : Tél. 21.253 — 23.913

Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD là phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestiere et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

chú-ý đến một mảnh giấy nhỏ xếp chung với bức thư nhàu nát cũng của nàng đã viết gửi cho anh Dậu cách đây ấn hai năm trời. Nàng run run mở ra đọc :

« Anh Hùng mến,

« Nhờ anh làm ơn đăng gấp tin này « trên nhật báo của anh. Anh nhớ đóng « khung kỹ-lưỡng và in bằng loại chữ « gras lớn. Mai mốt sẽ đến thăm anh và « sẽ không quên kể câu chuyện này cho « anh nghe ».

Em Linh,

« Anh Dậu tức là Văn đã nhặt được « thư em gởi cho anh đề ngày 12-3- « 1954.

« Em đến gấp tại tòa-soạn Nhật báo « Xây-dựng sẽ gặp anh. Dù ở trong « hoàn-cảnh nào, em cũng phải đến gặp « anh. Mọi khó khăn sẽ có anh lo hết. « Nếu xa không đến kịp, em phải gửi « thư hoặc đánh điện-tín ngay khi nhận « được tin này. Anh đang nóng ruột chờ « em đây ».

VĂN

Đọc xong mảnh giấy, nàng ngẩn người nhìn Văn không chớp. Hai tay nàng đưa ra trước định lay Văn dậy, nhưng nửa chừng nàng đã vội thụt tay ngay, quay mặt đi nơi khác. Hai giòng nước mắt chảy ròng ròng qua má, xuống cằm, nhỏ giọt trên chiếc áo cánh hoa của nàng.

Bỗng nàng đứng dậy im lặng, đảo mắt nhìn căn nhà, nhìn Văn ngủ hơi thở nhẹ-nhàng, mặt nàng tái dần, mắt gần như thất lạc.

Văn choàng tỉnh, lóp-ngóp ngồi dậy. Trong nhà đèn vẫn sáng. Văn ngơ-ngác nhìn cô gái đứng bên cạnh, trong tay nắm giấy tờ và chiếc ảnh Linh. . .

Trong lúc đó, bên ngoài trời còn tối. Xung quanh thiên-hạ đang ngủ say.

Viết xong ngày 28-6-1957 tại Sài-gòn.

NGUYỄN-PHÚC

Cải - chánh và bổ - túc

B.K số 14 :

1) Bài « ... Đè không đau », trang 43, cột một, dòng một : Saint-Martin-Vesuble, xin sửa lại : Saint *Martin - Vesubie* và cùng trang, cùng cột, dòng 20, Alive-Vellay-Dalsace, xin sửa lại : *Aline* Vellay-Dalsace.

II) Truyện *« Đứa nhỏ với cuộc đời »*, xin các bạn sửa, thêm như sau :

1) Cuối trang 59 và đầu trang 60 : « Bây giờ, nhỏ đã biết. . . , là cả thảy : từ hòn đá *nằm* im *dưới vực* cho đến *cái gì phơ-phất khói* mây xanh. . .

Đời rộng, lớn, *cao, sâu, huyền - diệu* biết bao » !

2) Trang 60, cột 2, dòng 26 : « Hướng chi, ngày nay khác ngày qua và ngày mai không giống nay và *con Người với hai bàn tay dịu khéo, với khối óc tinh-vi, với tấm lòng thơm ngát, con Người đủ sức làm cho cuộc đời sáng hơn, ấm thêm, lành đẹp nữa.*

Thật đáng tội - nghiệp. . . biết rằng trong đời có ta, *biết rằng Ta : anh với tôi, Ta thay đổi được cuộc đời* và một khi chắc thế thì sẽ say-sưa nhìn tận mặt « Đời ».

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP-Á NGÂN-HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 4oo.ooo.ooo quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon

*

TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG

*

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

*

Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

Hồi ký

NÀNG ÚT

LÊ - VĂN

Út, vừa là tên, vừa là thứ chót chỉ cô con gái của Bác Hai. Bác được ba trai, bốn gái. Trừ Út ra, tất cả đều dựng vợ gả chồng. Chẳng cần dâu, cũng không màng rể, Bác cho ai nấy tự lo bề gia-thất vì Bác đã sẵn một niềm tin yêu để mà sống nốt buổi xế chiều.

Út quả không hổ với sự tín-nhiệm ấy, Nàng say-mê công việc với tất cả vui-tươi. Bếp-núc sạch-sẽ, gọn-ghẽ, bàn ghế thứ-tự, nhẵn - nhụi, trầu tươi cau dầy tươm-tất trong cái khay xưa. Nàng đã được lòng cha mẹ lại càng được sự tán-tụng mai-dong. Nhưng, mắt xanh vẫn chưa in bóng trai hiền. Nàng vui sống với bổn-phận để mặc năm tháng điểm-tô cho tấm-thân thôn-nữ những nét cong trang-nhã.

Thân hình nàng mảnh-mai nhưng chắc-dẻ, lời nói nàng tự - tốn, ngọt - ngào, dáng đi nàng uyển-chuyển, thướt-tha gợi vào lòng người từ buổi đầu sơ-ngộ đi đến thân-tình đượm-đầy mỹ-cảm.

Út học hết lớp ba, bực học tối-cao của làng Trần-Hợi. Vì nghèo, nàng không được gởi ra Quận Cà-Mau học thêm, Út đành về nhà tìm vui trong hiếu-thảo, hầu đáp ơn dưỡng-dục sanh - thành.

Sinh-kế của gia-đình Út, ngoài mười công ruộng lắc-lủm, mỗi năm còn việc đặt óng trúm, chăn-nuôi súc-vật và giăng câu hằng bữa. Hơn công chuối tơ quanh nhà cung tiền trang-trải cho thuốc hút, trầu cau và trà lá mỗi ngày.

Không lập chí cao xa, không mơ đời phù-hoa vật-chất, Út chỉ ước ao thời cha trọn-đạo, về chồng toàn-trinh.

Thời-tiết ở đây như toàn Miền Nam không phân rõ-rệt, nhưng mỗi lần chuyển-biến cũng gây nhiều cảm - giác cho những ai sống sát với thiên-nhiên. Vào một đêm cuối Thu sang Đông, gió khi nồm khi bấc, cá động ít đớp mồi như thường nhựt. Và sự bỡ-ngỡ giao mùa của tạo-hóa cũng làm Út tư - lự thâu canh. Thăm luôn mấy vác mà chẳng được bao nhiêu cá, Út chán-nản, ghim ghe vào đám rong lớn đợi chờ. Trong bóng đêm dầy đặc, Nàng thấy lờ - mờ hình-dáng một người con trai có đôi mắt sáng với tấm lòng thương người đặc-biệt.

Không hiểu từ đâu tới, người con trai ấy bước lên xuồng của ông Tư và ở nhờ luôn đấy với một ba-lô cũ-kỹ và cái cà-bịch ấm-ấp rau cỏ khô vụn-vặt. Lâu lắm, Út mới biết người ấy tên Chiến.

Chiến làm mọi việc bà con ở đây làm và hơn thế nữa, chàng còn trị dùm bịnh cho bà con bằng đủ mặt thuốc Tây, Nam, Bắc. Chiến vui mà nghiêm. Chàng đeo duổi cuộc sống ở đây chẳng hiểu có dụng ý gì không, chớ riêng Út bình lòng bắt đầu xao-xuyến.

Út nào có toan-tính gì đâu, nhưng khi gặp Chiến, Nàng thấy ngỡ-ngàng, tay chân vụng-về, lời nói líu-ríu. Gặp-gỡ tận mặt thì ngại nhưng khi vắng Chiến, Nàng nghe buồn, lại mong gặp. Nên chi, Nàng vẫn không sao giữ nổi tò-mò đứng núp bên cửa đăm-đăm nhìn Chiến trải bóng đi về trên cầu cây vắt-vòng ngang Rạch, mà khi mới tới, Chiến đã trầm - trồ, cho là một tràng-kiều thơ-mộng.

Với hai bàn tay trắng, với đức - độ khiêm-tốn, thương người, Chiến thu-lượm được nhiều cảm-tình mà không bao giờ vụ lợi. Sự trong sạch ấy gây cho cô gái quê ít nhiều tơ-tưởng.

★

Gió giao...

Gió giao mùa lành-lạnh. Mưa giao mùa láy-pháy. Tiết trời thay đổi, giăng câu ít cá, đặt trúm ít lươn, cây lá tàn rụn, ruộng xong cấy cày, nàng phải tần-tảo gánh-gồng thêm để phụng-dưỡng cha già mẹ yếu lúc tiết-đông sắp đến. Cho nên, đêm-đêm, nàng vẫn lục-đục cắm câu giăng lưới thâu canh. Vì quá dã nắng dầm sương để kiếm cái ăn cái mặc cho gia-đình, thân nàng chịu nhiều vất-vả gây ra cơn bịnh bịnh cảm thương-hàn.

Cái tin Nàng Út đau làm cho bà con ở ấp Rạch-Ráng thương - cảm mà bàn-bàn tán-tán. Thật ra, không riêng gì người ấy mà cả những bà mẹ, những anh trai đang độ yêu đời ở vùng lận-cận, có dịp gặp Út, có định-ý cưới dâu chọn vợ đều trắc-ẩn động lòng. Không thương sao được người con gái mười bảy tấm xuân tập-trung được một phần lớn sự hồn-nhiên trong-trắng của gió mơn - man, đồng mênh mông có trải nắng sớm ửng - hồng, Giá mà không « bị cưng », Út đã sống đời làm dâu, làm vợ mất rồi, vì gái vùng nầy, thường - lệ, độ mười bốn, mười sáu tuổi là đã nên gia-thất.

Thương con. Bác Hai quýnh - quáng trong việc chọn thầy, thành ai chỉ đâu nghe đó. Chạy thuốc không trúng lạch, bịnh Út ngày càng nặng. Nàng nằm thiêm-thiếp, tay chân rời-rã, thần - sắc

bơ-phờ, về trưa nóng ran, mồm nói lảm - nhảm, ai cũng tin là gái hạnh bị người « khuất mặt khuất mày » phá khuấy. Ở cái xứ không có một tiệm thuốc Tây hay một thầy thuốc nam hoặc thuốc bắc, Bác Hai đành đặt tánh-mạng con và° tay ông thầy pháp Xinh được tiếng là cao tay ấn và nhiều môn-đệ.

Nói đúng, Bà con vùng nầy, mỗi khi đau yếu thì chữa bệnh bằng vài thứ thuốc nam gia - truyền hoặc đôi gói cao đơn hoàn-tán. Những bịnh khá nặng đều có lý do ma quỷ để được thầy pháp đảm - nhận. Lệ thường, đau chân thì há miệng, Bác Hai rối lòng trăm việc nhờ hầy.

Thầy Xinh được ghe bốn chèo đến rước. Thầy chễm-chệ bước lên nhà với sự tiếp đón rất cung-kính của Bác Hai. Sau phần trà lá, Thầy nắm tay Út lần mạch, bảo là bịnh tà, mà loại tà nầy có khi lớn lắm. Để chắc ý, Thầy hỏi rõ ngày giờ và hoàn - cảnh phát bịnh rồi lần tay chiếm quẻ. Thầy nhịp - nhịp ngón tay cái vào bốn ngón còn lại của bàn tay trái, miệng lầm - nhầm rồi ngó mông không nói. Bác Hai nóng ruột hỏi đôi ba lượt, Thầy mới thở ra, Út bị « Bà bắt ». Thầy nói nhỏ-xíu như sợ Bà nghe được vậy.

Gia-đình Bác Hai hoảng-sợ, thiết-tha cầu Thầy cứu nạn. Thầy từ-chối đôi phen mới nhận. Thầy cho biết còn phải kêu thêm đệ-tử, lập đàn cầu Bà về may ra có thể xin tha được. Âu cũng là phước chủ may Thầy.

Giá - cả định xong và gia-chủ có hứa lời hậu tạ, hôm nay, Thầy Xinh đăng đàn chữa trị.

Mới bốn giờ, nhà Bác Hai rộn-rịp. Bác có cất tạm thêm một mái vạy cho Thầy bày đồ trận. Anh chị và thân - tộc của Út cũng tụ lại đầy - đủ, hồi - hộp theo dõi từng cử - động của đứa em gái thân yêu.

Ngoài sân, Bác Hai đặt một cái bàn tròn hướng về phía mặt trời mọc. Trên bàn, có sẵn chưn nhang bằng một lóng của cây chuối con. Kế bên có ba chung rượu, một dĩa trầu cau, ba chén gạo muối. Đáng để ý hơn hết là con dao

phay lớn phết vôi trắng toát cắm sừng trên tấm thớt to-tướng trông dầy vẻ ma thiêng quái dản.

Thầy Xinh viết bùa, đệ-tử đóng ấn, độ 6 giờ thì mọi việc hoàn - tất. Chủ nhà cũng sẵn-sàng gà vịt, chè xôi để cúng.

Trời sâm-sẩm tối. Lối xóm tới xem đông-đảo. Trẻ em thì hầu hết đều có mặt. Bây giờ, cơm đã no bụng, rượu đã phừng da, đầu bịt khăn ấn, tay cầm chiêng nhỏ, Thầy Xinh đứng xá tám hướng rồi xây về bàn Tổ nghiêm-trang khấn một tràng dài. Chiêng trống nổi inh-ỏi. Thầy liền cho giọng niệm câu thần chú. Anh đồng kế bên, trùm toàn thân bằng cái khăn đỏ, hai tay chắp trước ngực, nghe Thầy triệu-thỉnh một hồi thì đầu bắt đầu ngúc-ngoắc.

Mọi người chú mục để ý. Các em nhỏ mở mắt thao-láo đứng nhìn. Anh chị của Út thay phiên nhau lạy. Chỉ có riêng bác Hai gái thấy con vẫn nằm thiêm-thiếp thì nước mắt tuôn dầm không sao cầm giữ được.

Hết bài chú « Thần kim thục vọng...*, Thầy chuyển - điệu, rú lên nhiều tiếng thê-thảm gọi Bà. Tay Thầy bắt ấn đánh ra bốn hướng, đánh cả vào đầu đồng. Mồ - hôi rịn chảy, như say - sưa, giọng Thầy càng cao. Đầu đồng xoay lẹ dần như con bông vụ.

Đèn dầu leo-lét, khói trầm thoảng bay, chiêng trống khua vang hòa với tiếng triệu Bà kéo dài lê-thê, phảng-phất một mùi kinh-dị.

Thầy Xinh bỗng chụp gươm linh rung lên reng-reng. Bất thình-lình, Đồng nhảy lên cao, cất tiếng hú ghê-rợn, tiếp theo là một tràng cười dòn-dã đến lạnh người. Vài em nhỏ thất-kinh, khóc thét.

Đồng lên tiếng tự xưng là Bà về. Bà xin rượu uống rồi chào sư, chào gia-chủ, chào thiện-nam tín-nữ.

Theo lệ thường, Bác Hai bẻ lá cây để trong cái dĩa có chén úp lại làm vật đố. Thầy Xinh tiếp lấy dĩa đặt trước mặt Đồng. Thầy lại đọc tiếp một thôi dài trong lúc Đồng lắc đầu qua lại như ngẫm-nghĩa. Thình-lình Đồng nói :

— Lá cây, sư.

Thầy dở ra thấy quả vậy, mới đưa lên cao trình với bà con, khoe - khoang sự đắc-ý. Những người đứng ngoài giựt mình, xì-xào khen Thầy tài-ba lỗi-lạc.

Bà nói, khi thì tiếng Việt, khi thì tiếng Lèo (!), thành dọc líu - ríu chỉ có Thầy Xinh mới hiểu được. Thầy thôn-ngôn lại : Bà tự-xưng là Trần-ngọc-Điệp, đệ-tử của Bà Chúa-Xứ. Điệp nghe sư triệu, thay mặt Bà về mách-bảo : Bà thấy Út hiền-hậu nên thương, muốn bắt cho làm tỳ-tấc.

Những tên nầy không lạ gì với ấp Rạch-Ráng. Nghe Út chánh-thức bị vào tay Bà-Chúa, gia-đình bác Hai sợ-hãi, lạy-lục khẩn-cầu.

Thầy Xinh làm trung-gian, thôn-ngôn cho kẻ phàm-tục tiếp kiến với linh Bà. Gia-chủ cầu xin, Thầy Pháp ôn - tồn riết, Bà cũng xiêu lòng, hứa tha với điều-kiện phải cúng trả lễ một con gỏi (!) đúng tạ.

Thương con, Bác Hai dâu dám tiếc của, nghe được hi-xả, mừng rối - rít,

(!) Theo cách nói của Thầy pháp gọi gỏi là heo.

vâng chịu. Chính Bác tự tay rót rượu hầu Bà để Bà thăng (1).

Anh Đồng bật ngửa thì chiêng trống cũng dứt hồi chót. Thầy phun nước lạnh, cứu-chữa cho Đồng. Giây lát, Đồng tột khăn, dụi mắt, nhìn mọi người bỡ-ngỡ.

Gà vịt, chè xôi được dọn ra. Bác Hai xoắn-xuýt đãi Thầy và bà con đã thương lĩnh tới thăm-nom, an-ủi.

Thấy Đồng lên nói trúng vật, nghe Thầy xin được, Bà rộng-lượng dung-tình, lối xóm mừng vui, nức-nở khen Thầy bản-lĩnh.

Trong buồng, Út đau nằm liệt giường liệt-chiếu, ở ngoài Thầy, Đồng nâng ly, cười hi-hả như một tiệc liên-hoan. May thay, đêm đó Út xuất mồ-hôi chút-đỉnh, đỡ nóng hơn mọi ngày. Bác Hai vui mừng, Thầy Xinh lên mặt.

Để được lòng Bà cho chắc ý Bà tha, nghe lời Thầy, ngày hôm sau, Bác Hai vật heo trả lễ. Lại một dịp cho Thầy Đồng say-sưa túy-lúy, huênh-hoang tay chân kể lại công ơn cứu khổ cứu nạn cho người phàm mắt tục.

Nhưng, trớ-trêu ! Bệnh Út chỉ bớt một hôm rồi trăn-trở lại .Những lá dâu, những trấn-yểm không ăn thua gì nữa. Thầy đã tom cho Út nằm sợi chỉ buộc lòng-lẻo ở cổ, hai tay và hai chân. Thầy cũng độ cho Út nuốt trôi hai lá bùa viết trên giấy vàng có đóng ấn son đỏ hoe đỏ hoét. Thế mà, bịnh càng trầm-trọng.

Thầy và Đồng, la hét luôn ba đêm trông phờ-phạc. Mệt cũng có, cảm thấy bất-lực cũng có, thầy trò tiu-nghỉu muốn rút lui mà không dám mở lời. Toàn gia Bác Hai lo-lắng, khi khóc, khi than, không buồn trách Thầy, chỉ lặng nhìn con ngày càng héo-úa mà lòng đau như cắt.

★

Cảm-thông cảnh Út, còn có thêm một người trai phiêu-bạt, tạm dừng chân ở đối diện nhà Nàng. Chiến đã theo dõi cơn bịnh từ lúc mới phát đến lúc chữa trị bất thành. Chàng biết rõ, Út đau vì quá dầm sương dãi nắng mà không dùng được một thứ thuốc nào trúng bịnh căn. Nội cái việc bà con thương tình mà túc-trực, mà hỏi-han cũng đủ làm cho Nàng mệt lả. Rồi tiếng chiêng trống vang tai, tiếng Thầy Đồng hò hét, càng khiến bịnh-nhân rối-loạn tâm-thần.

Nàng nằm duỗi thẳng, tóc lòa-xòa. Gò má nàng lõm sâu hốc-hác, mất cả vẻ tinh-anh. Da nàng thâm-xanh, tay chân nàng xương-xẩu, mỗi lần muốn trở mình phải nhờ người phụ-lực. Trông chỗ Nàng nằm tối-om, đầy giấy vàng bùa chú, Chiến đau lòng không xiết.

Phải, Chiến đau đớn lắm. Ngoài sự đau-đớn nhìn một hoa tươi tàn giữa độ xuân, chàng còn một đau-đớn khác trong sạch hơn là sự mê-tín của người bản_ sở. Sự mê-tín không chỉ gây một cái tang cô Út, mà còn đã và sẽ gây thêm vạn triệu cái tang. Thế nên, chàng dào-dào, thỉnh-thoảng thở dài, tâm-tư càng uất-hận. Thái-độ của Chiến khiến cho Đô, người bạn thân vừa đến thăm chàng gợi ý tò-mò. Đô gặng hỏi mãi mới được Chiến lược-thuật. Cả hai cùng ngậm-ngùi trước tình-cảnh của bịnh-nhân và

(1) Thăng là đi về.

thành-kiến cổ-hủ của đồng-bào miền rừng sâu hẻo-lánh.

Đô bàn :

— Đồng-bào mê-tín không thể vui lòng nhận chữa bằng thuốc-men. Mình phải dùng độc trị độc, dùng mê-tín trị mê-tín vậy.

Trọn buổi bàn luận thiệt hơn, Đô cà-rà làm quen với Thầy Xinh với danh-nghĩa đồng-đạo, song trị tà theo phép Phật. Thầy Xinh mang tâm-trạng nuốt không trôi, bỏ chẳng đành, nhưng vẫn còn tự-ái, giữ miếng ăn. Đô phải hết sức khiêm-tốn, đề-cao uy-tín nghề-nghiệp, nhứt là chỉ nhận tiếp tay trị bịnh cho cô Út mạnh-giỏi rồi đi liền, chớ mọi công-quả thì Thầy Xinh trọn hưởng. Đô lại còn giao, nếu đêm nay chàng thỉnh được Phật về, thì mới lãnh trị, bằng không thì thôi. Xét mình bất-lực, muốn thử bạn mới mà trước sau mình vẫn trọn phần ăn, Thầy Xinh hứa chịu. Và chính Thầy dắt Đô vào giới thiệu với Bác Hai có sự thêm lời của Chiến.

Một đêm không trăng sao, giữa lúc Chiến dốc hết tài-lực xem mạch để định quyết bịnh-tình của Út, thì trước bàn Tổ, Đô trải giấy xúc họa bùa. Chàng dùng ngón út vẽ tứ-tung trên giấy. Sau cùng, chàng căng giấy trước mặt đèn giả bộ trỏ vọng năm ba câu thần chú bằng tiếng Xiêm rồi.... mượn rượu phun lên. Linh thiêng làm sao, Phật hiện hình đơn-sơ bằng vài nét cũng đủ cho bà con chắc lưỡi, Thầy Xinh mặt mày tái-lét (1) Thí-nghiệm xong, theo lời nài-nỉ của Bác Hai, Đô nhận trị và ung-dung giải-thích :

— Phép của tôi học về đằng Phật, phép của Thầy đây về đằng Tiên. Còn Bà Chúa Xứ là Thần đất-đai, phép Tiên không đủ trừ mà chỉ xin người rộng-lượng hỉ-xả. Quyền xin là quyền của mình, mà quyền cho là quyền của Bà. Cho nên, Bà hay làm bịnh trục-trặc để đòi ăn thêm. Mà mình nghèo, lo hoài sao xuể. Nay tôi cầu Phật về, xin phép được trị Bà. Nhưng người ta ở đời có hai phần : phần hồn và phần xác. Bà chỉ bắt hồn chớ không hành xác, còn con bịnh thì chỉ hành xác chớ không diệt hồn. Vậy, phần trị bà có tôi chớ phần trị xác thì tôi phải nhờ anh bạn tôi đây mới được.

Đô nói tới đó thì Chiến cũng vừa ở trong buồng đi ra, mặt nghiêm điềm chút sắc mừng.

Lời nghe hữu-lý, tang-chứng sờ-sờ, gia-đình Bác Hai một mực yêu-cầu cả hai trị-giúp, muốn gì Bác cũng nghe theo. Lối xóm, mỗi người một tiếng, đặt trọn niềm tin vào hai chàng. Cả hai từ-tốn nhận lời rồi ai lo phận nấy.

Đô xin phép cắt bỏ chỉ tom, cầm nhang làm phép, phun rượu khơi bốn hướng mà thôi. Tuyệt-nhiên, khỏi lễ-lộc gì hết. Phần Chiến thì lo vệ-sinh cho bịnh-nhân, hạn-chế người thăm và kê-cứu phương thuốc.

(1) Đô hiển-nhiên thành-công với ẩn-ý mua một tờ giấy xúc, dùng mủ xương rồng vẽ sẵn hình Phật. Mủ trắng khô rút mất vào giấy. Thừa đêm tối, lộn-xộn, Đô nhờ Chiến đánh tráo tờ giấy ấy với tờ giấy chủ nhà mua. Khi phun rượu lên, mủ xương rồng có chất dầu không thấm ướt, vì đó hình Phật nổi bật lên.

Ngày đầu, sau khi xông và lễ cắt, Chiến dùng vài vị thuốc nam trị cho hạ bớt nhiệt - độ và an - thần. Ngày kế, ngoài việc chích mũi thuốc khỏe cho tinh-táo, Chiến bốc một thang gồm toàn thuốc nam như rễ chanh, rễ cau v.v... sao thủy thổ để uống cho thông tiểu và hạ đàm. Xong đâu đấy, chàng gia-giảm bốc một loạt ba thang thuốc Nam lẫn Bắc cho giải-nhiệt phong hàn. Phần dưỡng sức, chàng cũng cho uống kế tiếp ba thang lẫn Nam-Bắc.

Thang thuốc túc-trực, Đô, Chiến tận tâm, bịnh Út lần thuyên giảm.

Thầy Xinh cảm biết thân phận, trơ-trẽn rút lui sau những lời tự bào chữa vu-vơ. Tuy làm không được việc, Thầy cũng ăn xỉu xỉu vài trăm đồng tiền Tổ, một cái đầu heo kiến Tiện-sư. Đó là chưa kể gà vịt, chè xôi và mấy lít rượu nếp. Rủi-ro bịnh trở, bằng không, Thầy lợi hơn nhiều.

Út vừa ngoắc - ngoải, ăn được chút cháo thì gia - đình Bác Hai cũng hết sạch tiền-nong. Con heo tơ mà Út định sắm cho nhà một bộ soong và cho riêng mình một chiếc cà-rá, nay không còn nữa. Từ trước đến nay, gia - đình của Bác Hai, nghèo thì đành, túng thiếu thì cam, chớ chưa khi nào chịu vướng nợ-nần. Thế mà kỳ nầy, Bác Hai vay mượn, kẻ năm bảy chục, người một vài trăm, tổng-số cũng chút ngàn bạc, một số tiền luôn ám-ảnh bác trong giấc ngủ giờ ăn.

Anh chị của Út, người góp tiền của, kẻ góp công-lao cung - phụng cho thầy

trò Thầy Xinh, nay cũng một đờ - đẫn.

Kể từ Đô và Chiến lãnh trị bịnh, thì gia-đình khỏi phải tốn hao thêm. Cả hai ăn cơm nhà, ra công tìm kiếm cây cỏ quanh vùng mà đầu thang, không phải vòi-vĩnh tiền bạc như trước. Mấy hôm nay Út mạnh hẳn. Nàng có thể ra vô, phụ quét nhà cửa, lau bàn ghế. Bác Hai trọn vui, làm gà vịt ăn mừng.

Từ đó, Chiến nhân kết-quả của việc làm, cùng tâm - tình với đồng - bào mà giác-đác lợi - hại : « Đói ăn rau, đau uống thuốc ».

Từ đó, Chiến được mệnh-danh là « anh y-tế » và nhà ông Tư gần như một trạm thuốc. Ai đi đâu kiếm được cây cỏ gì đều đem lại để khi có bệnh thì tới lấy về uống. Họa-hoằn người ta mới nghe tiếng chiêng trống ở các ấp xa-xa, cùng nhìn nhau mỉm cười, cái cười chưa trọn : nửa thương mình được chút hiểu biết, nửa thương người chưa dịp tiến lên.

Và cũng từ đó, nếu ai tinh-ý sẽ bắt gặp những phút tư-lự của cô gái đang độ xuân nồng. Người con gái ấy thường đăm-chiêu nhìn ai trải bóng đi về trên tràng-kiều thơ-mộng. Mà phải, tràng-kiều thơ - mộng thật. Tràng-kiều đã nối liền hai mé bờ trăm-lặng, biết đâu nó không giao tiếp hai mối tình trong - trắng rất mực cảm-thông...

VII 1957

LÊ-VĂN

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi mới nhận được cuốn **« Tìm về sinh lộ »** *truyện dài thời-đại, của* **Kỳ-văn-Nguyện.**

Xin trân-trọng cám ơn tác-giả và ân cần giới-thiệu với bạn đọc.

B. K.

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bạn THANH-BÌNH,

Cần gặp bạn có việc gấp.

B. K.

Bệnh « yên-trí ».

Có một người kia vô ý làm mất cái búa. Người ấy có ý ngờ cho con một người láng-giềng đã đánh cắp cái búa của mình. Từ khi ấy anh ta thấy hình-dung giáng-điệu, cử-chỉ của con người láng-giềng, nhất thiết đều có vẻ là hình-dung, giáng-điệu, cử-chỉ của một tên cắp.

Ít hôm sau, anh ta tìm thấy búa, và từ khi tìm thấy búa thì anh ta lại thấy hình-dung, giáng-điệu và cử-chỉ của con người láng-giềng không còn có vẻ của một tên ăn cắp nữa.

LIỆT-TỬ

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon
Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon
Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK

Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị lớn khắp thế-giới.

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN

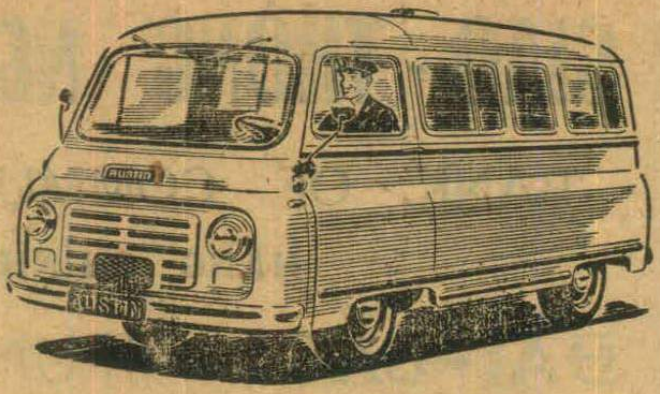

MÀ QUÍ NGÀI CÓ THỂ ĐẶT MUA NGAY

TẠI

HÃNG **GARAGES CHARNER**

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

SOCIÉTÉ

PACHOD FRÈRES ET C^ie D'I.C.

12 à 22, Dai-lô Hàm-Nghi

SAIGON

★

COMMISSION IMPORTATION

— FOLLIS — ENGLEBERT

— VELOCETTE — SACHS

— UNION — MECA - MERCIER

— L.P.C. CHEMICALS

— OSNABRUCKER DRAHTWERK

TIỂU - THUYẾT DÀI

NHẤT GIA

TỪ - VŨ

(Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC)

Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu, vì Trung-Nhật chiến-tranh, tản-cư xuống Thượng-Hải.

Qua nhiều sự thay đổi, nào ông Hai tức là Lâm-Tiên-Sinh ra ở riêng với các con, nào tiền để dành gần cạn, nào nhà cửa ở Hàng-Châu bị tàn-phá, nào việc chú Ba biển-thủ tiền quỹ ở ngân-hàng rồi đào tẩu, đến Cụ ông mất, gia-đình họ Lâm lại đoàn - tụ một nơi, ở trường Việt-Hoa, do bà Hai mở chung với cô Lâm - Đại. Cả cậu Tư, em Lâm-Tiên-Sinh, cũng dạy ở trường đó.

Nhưng cậu Tư lại đem phát-giác nhiều khuyết-điểm của trường Việt-Hoa, và chỉ-trích hai vị hiệu-trưởng, cho nên Bà Hai rất đỗi buồn-bực, và cũng vì thế, nên ông Hai tìm gặp cậu Tư để mắng và khuyên em.

— *THIỆT anh không ngờ mày lại vô-lý được đến thế, ở giữa cuộc hội-họp mày đi mày bới-xấu nhà trường . . .»*

— *Em bới - xấu gì nhà trường, anh hỏi chị Hai xem, em chỉ nói toàn những sự-thật cả . . .*

— *Phải, nhưng những cái sự thật của mày, nó làm cho chị mày sạm-mặt, đối với tiểu-thư Kim-Đại.*

— *Không, thưa anh, em là một giáo-viên, lẽ dĩ-nhiên, em đứng về lập-trường của các giáo - viên, mà nói. Nếu cô Kim - Đại có điều gì trách - bị em, em sẽ xin trả lời với cô ấy, chứ việc gì đến chị nhà.*

Ông Hai nghe cậu trả lời, thấy tức điên ruột lên ; ông nói :

— *Thế mày không nhớ rằng, mày*

là em của chị mày, mày làm giáo-viên là do chị mày tiến-dẫn, mày đi mày phản-đối học-hiệu là mày vuốt mặt mày không nể mũi, mày làm cho chị mày không còn biết ăn, biết nói thế nào, với người ta ! ...

Vả cậu Tư đương có điều gì hứng-phấn ở trong tâm-tư, nên cậu vẫn một mực ôn-tồn, nói với ông Hai. Cậu nói thẳng một thôi :

— Thưa anh, quả thiệt-tình, em không có ý gì phản - đối học-hiệu cả ; những lời phê-bình của em, chỉ có một mục-đích, là ủng-hộ học-hiệu và mong cho học hiệu nhận thấy rõ những khuyết-điểm mà sửa-chữa cho một ngày, một chuẩn - bị hơn... Học - hiệu có tới bảy tám trăm học-trò mà chỉ có mười thầy giáo và hai người hiệu-trưởng... Học-trò đóng tiền đủ thứ, mà nước sôi để uống, không có ; bảng vẽ, địa-đồ, học-cụ, không có một thứ gì, cho đến một quả địa-cầu, cũng không có nốt !... Rồi, sách ốc, báo-chí, cho trò em đọc, các dụng-cụ thể-thao, vận-động, nhất - nhất đều không đủ... lương-bổng của giáo-viên thì quá ư còm-cõi, không đủ ăn... mà, có phải nhà trường thiếu tiền đâu ?... nào học phí đã cao hơn ở các nơi khác, nào tiền đóng của các trò đủ thứ, tạp-phí, thể-dục-phí, vệ-sinh-phí, đồ-thư-phí ; học-hiệu lấy của người ta đủ thứ tiền, mà trái lại, học-hiệu không chịu mua sắm một thứ gì, là nghĩa làm sao ? Cái kim bọc dẻ, lâu ngày cũng ra, rồi tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, học-hiệu sẽ dần-dần đi tới sự suy sụp chứ chẳng không ! Em nói, là vì em nghĩ tới tương-lai cho học-hiệu... Việc gì cũng vậy, nếu chỉ nhìn vào cái lợi nhỏ, thì sự thất-bại sẽ không sao tránh được !...

— Nhưng mà, mày phải nhớ rằng, ở cái đất Thượng-Hải này, gây - dựng được một công-cuộc gì, không phải dễ-dàng như mày tưởng đâu... còn bao nhiêu sự giao-tế, sự ứng - thù, những thứ chi-phí ấy không có tên tuổi mà không phải nhỏ, là ít đâu... Mới lại, các công việc đó là của hiệu - trưởng, không can-dự đến giáo-viên...

— Nhưng giáo-viên chúng tôi có góp công vào học-hiệu, học-hiệu mới đứng vững được... chúng tôi muốn biết lương của hiệu-trưởng là bao nhiêu, giao-tế-phí và ứng-phí là từng nào, mà nhà trường lại beo sẻn đối với đồng công của giáo-viên, mà nhà trường không chịu mua sắm một thứ khí-cụ nào... Nếu không có sổ - mục minh - bạch là nhà - trường quá tham-lam !

— Các việc đó không phải việc của giáo - viên... mày làm một giáo - viên, mày chỉ có một việc là làm tròn cái phận-sự của cái chức-vụ đó, có thế thôi !

— Đã hay rằng thế, nhưng, thưa anh, chức-vụ của giáo - viên không phải là chức-vụ của những người làm công trong một nhà buôn... giáo - viên cũng còn có cái nhiệm-vụ bênh-vực nhi-đồng vì nhi - đồng là căn - bản của tiền - đồ dân-tộc !

— Úi chào ! Những từ - ngữ đó là những thứ tiếng rỗng - tuếch, không có ý-nghĩa gì thiết-thực cả. Tao không có thì giờ đâu để đi tranh-biện với mày... Tao chỉ biết, tao là gia-trưởng, tao có bổn-phận phải bao-dung tất-cả nhà, vậy tao nói phải nghe tao, từ nay, đừng có dở dói những cái trò công-kích không đâu

ấy ra nữa, mà cứ an - phận dạy học, chỉ có bấy nhiêu thôi, nghe chưa !

Cậu Tư đỏ bừng mặt lên, cậu nói :

— Nhưng thưa anh, anh phải coi chừng và khuyên chị Hai liệu xa-hoa, huỳnh-hâm nó vừa-vừa chứ ! ... một vị hiệu-trưởng phải làm gương-mẫu cho các giáo viên và các trò em, một vị hiệu-trưởng biết « cố - danh, tư - nghĩa » không có quyền ăn - bận loè-loẹt, kim - cương đeo đầy người, rồi một bước, một bước, ngồi xe hơi.... Phụ-huynh học - sinh họ cũng có tai, có mắt, làm gì họ không nhận thấy sự xa-hoa, dài-các của các bà hiệu-trưởng trong khi nhà trường không có đủ dụng-cụ và điều-kiện cho con cái người ta học... đó là một việc đại thất sách !

Ông Hai quắc mắt, gắt :

— Nói và trách-bị bao giờ cũng dễ... một cái trường tư-thục không thể nào có đủ được điều-kiện như một học - hiệu của nhà nước được...

Cậu Tư cũng chẳng vừa :

— Nhưng thưa anh, việc học cũng như các việc thuộc phạm-vi văn-chương, chữ nghĩa, đó là những cái gì thiêng-liêng, cao cả, người ta không thể vì tư - lợi mà đem hạ tất cả những thứ đó xuống làm một thứ hàng để buôn - bán, để trục-lợi, để làm giàu !...

Ông Hai ngắt ngang lời cậu :

— Thôi thôi, thôi, mày không cần phải dài lời... Mẹ buồn ngủ rồi, để mẹ đi nghỉ... chẳng qua, tao muốn khuyên mày một vài lời, mày nghe hay không nghe, tùy ý.

Ông Hai đứng lên, mặt hầm - hầm tức-giận ; ông chào cụ bà rồi bước ra khỏi phòng.

Bà Cả đã lủi ra từ lúc nào, không biết. Cụ Bà vẫn hướng ra phía cửa sổ, lầm-rầm niệm Kinh. Từ đã lâu, Cụ vẫn tối tối, trước khi đi nghỉ, thắp ba nén nhang, cắm ở mé ngoài cửa sổ, rồi Cụ tụng-niệm như thế, cho tới khi hết tuần nhang, Cụ mới lên giường đi ngủ.

Trong gian-phòng, bầu không-khí trở nên vô-cùng tịch-mịch. Tiếng niệm-kinh của Cụ Bà hòa với tiếng tí - tách của chiếc đồng-hồ mà tạo thành một nỗi buồn vô hạn.

Cậu Tư cảm thấy tâm - tư và trí-não như bị rơi vào trong không - hư. Cậu với lấy cuốn tạp-chí nằm vật xuống giường.

Lâm tiên - sinh không nhắc tới việc cậu Tư nữa ; bà Hai thấy ông không nói gì, bà cũng thôi, không đả - động tới việc đó nữa. Nhưng bà Hai đã bàn-định với cô Kim - Đại, để đợi cho hết niên-khóa, hai người sẽ nhất - định cho cậu Tư nghỉ việc. Việc này đã đến tai cậu Tư.

Những giáo-viên đồng-tình với cậu Tư cũng khá đông. Họ bàn với nhau để ra mở trường. Họ thương - lượng với nhau ổn - thỏa cả, nhưng đến lúc đem câu chuyện đó ra thực-hiện thì họ vấp phải một vấn-đề khó - khăn nhất, đó là vấn-đề thuê nhà. Nhà, tìm được đã là một việc rất khó. Khi tìm được nhà, tiền đính-phí lại là một món lớn quá sức tưởng-tượng của họ. Tuy họ cũng có thể điều - đình với các phụ - huynh học-sinh, để thu tiền học trước, nhưng cũng không đủ. Ngoài ra còn tiền mua sắm bàn ghế, dụng-cụ ; đụng tới cái gì là tiền ; các giáo-viên thì nghèo cả, lấy đâu

ra được một số vốn lớn như vậy. Họ bàn, họ tính, họ xoay kế này, họ trù cách khác ; ngày cứ qua ngày ; tất cả sách hoạch đầy-đủ, đẹp-đẽ, đã trở thành một câu chuyện « đề-đẩy ». Thiếu cái «sinh-tố T», không có cơ-thể nào sống nổi.

Ở trong trường Việt-Hoa, các giáo-viên chia làm hai phái, một phái đương đầu phản-đối hai vị hiệu-trưởng đó là phái trẻ, họ là những người của chủ-nghĩa « lý - tưởng ». Không những đối với nhà trường mà thôi, họ oán - ghét cả cái xử-cảnh hiện tại. Họ đã có riêng hẳn một chủ-trương của họ về việc học.

Còn phái kia, là phái theo chủ-nghĩa « hiện-thực ». Họ là những người đã qua cái tuổi thiếu - tráng, đã lăn - lộn nhiều với cuộc sống. Đối với việc học, họ chẳng có lý-tưởng hay chủ - trương gì hết. Họ đã nhận thấy rõ, ở đời, chẳng qua, quạ nào cũng đều đen cả, cho nên kẻ một quan khinh kẻ tám tiền; mà kẻ đi năm mươi bước, cười - chê người đã đi một trăm bước. Ở đời là thế cả ; mình ở ngoài cuộc, mình chê, mình trách, nhưng nếu cờ đến tay mình mình cũng phất y nhưng thế. Phải, mình chê người vụ-lợi, nhưng, khi lợi lọt tới tay mình, vị tất mình đã không vụ. Mới lại, chẳng qua, cũng chỉ vì miếng cơm, manh áo, vì đồng tiền, thì sao lại không tìm hết cách để lấy lòng người hiệu-trưởng, để được thân - cận người ta, có phải dễ chịu bao nhiêu không ? Bởi vậy, người của phái này hết sức xu-phụ hai vị hiệu-trưởng, mà cố giữ riết lấy cái thái - độ, « khác - ý phụng-thừa, ta-ngôn tán-thưởng » !

Cái kế-hoạch ly-khai học - hiệu của cậu Tư và mấy giáo-viên đồng - tình, một ngày kia, cũng lọt tới tai của hai vị hiệu-trưởng, nên họ ghét cay, ghét độc cái nhà cậu Tư.

Một khi người ta đã không ưa nhau, thì sự tiếp - xúc, càng ngày càng thêm khó-khăn. Đã không ưa thì dưa nên khú, mà lại. Nhân, trong một cuốn tạp-chí tên là « Dã-mã », trong đó, có một bài tả sự giáo-dục ở trên một hòn cô-đảo, cậu Tư đọc xong, rất lấy làm thú-vị, cậu liền viết một phong thư cho tạp-chí đó ; trong phong-thư, cậu đem tất cả những khuyet - điểm của trường Việt-Hoa để bổ-sung thêm cho bài báo. Lẽ đi-nhiên hai vị hiệu-trưởng trường Việt-Hoa đã bị ám-chỉ. Một giáo-viên trong phái thực-hiện đã đem việc đó tâu-nộp với hai bà, sau khi đọc bài bổ sung. Tuy người viết đã ký bằng bút danh, nhưng, ai còn không rõ, không phải người xa-lạ nào, mà chính là cái nhà cậu Tư.

Cậu Tư nay quả là một cái đinh, cái gai, trong con mắt của hai bà hiệu-trưởng. Không hiểu tại sao, cả đến những giáo-viên, trước đây đồng - tình với cậu, nay, cũng trở thành lạnh-nhạt.

Kỳ thi đã tới. Nghỉ hè cũng sắp đến nơi.

Trong lúc này, cậu Tư có hai người bạn, họ có ngỏ ý muốn đi ra hậu-phương, vì ở hậu - phương hiện thời, mặt trận kháng - chiến cần rất nhiều thanh - niên, trai - tráng. Cậu Tư cũng nhiều lần đọc được tin đó ở trên các báo chí ở nội-địa chuyển vào đây. Ngoài ấy, họ cần cộng - tác - viên, về đủ các nghành, các nghề. Nay, cậu thấy mấy người bạn muốn đi, cậu cũng nóng lòng muốn dời khỏi cái nơi hắc-ám này.

Cậu Tư muốn bàn với mẹ, nhưng lại sợ mẹ ngăn-cản. Cậu muốn bàn với bà Cả, cậu lại e bà Cả mách với mẹ. Rút cục cậu phải bàn với một người bạn đồng sự. Người này cực-lực khuyên cậu nên đi, và nói, nếu không có vợ con dìu-íu, thì họ cũng quyết-tâm ra đi. Bởi vậy, cậu Tư mới quả quyết ra hậu-phương. Cậu đi mua hai cái rương nhỏ và đem gửi ở nhà bạn, rồi, lần-lần, cậu đem các đồ-vật cần dùng đến bỏ vào đó.

Cậu Tư đã cùng với mấy người bạn ấn-định ngày lên đường. Họ đã mua giấy tàu đủ cả. Ngày đi cứ thế tới nơi rất mau.

Gần đây, cậu Tư có vẻ khác thường, nhưng không ai chú ý. Riêng bà Cả có ngờ-ngợ một điều gì. Trước đây, mỗi khi bà Cả đến buồng Cụ Bà, cậu cười cười, nói nói, kể hết việc này, tới việc khác, về những khuyết-điểm của nhà trường, nhưng gần đây, cậu cứ lầm-lầm, lì-lì, ít bàn, ít nói. Bữa tối hôm đó, bà Cả sang bên phòng Cụ Bà, Cụ Bà đương niệm kinh, còn cậu Tư, cậu đương ngồi viết thư. Bà Cả đi đến bên bàn cậu ngồi, cậu vội-vàng vờ chậm mực, cậu với lấy tờ giấy chậm, đè lên trên bức thư. Bà Cả mới hỏi cậu :

— Chú đương viết thư đấy à ?

— Thưa chị vâng, em viết thư cho mấy người bạn ở nội-địa để nhờ họ tìm cho một việc làm...

Kỳ thực, cậu đương viết thư cho chính bà Cả, vì sáng mai, cậu sẽ lên đường. Cậu sẽ viết hai phong thư, một cho bà Cả, một cho ông Hai, và cậu sẽ bỏ vào hộp thơ, ở ngoài cửa trường.

Hình như bà Cả cũng chẳng hoài-nghi gì cả. Cậu thôi viết và bỏ thư vào cả trong ngăn kéo, rồi cậu đứng lên để nói chuyện với bà chị.

Bà Cả đợi cho Cụ Bà đi nằm yên rồi, bà mới về phòng bà. Cậu Tư lại lấy thư ra viết nốt, Cụ Bà thấy thế bảo cậu :

— Tư, con không đi ngủ, như con ?

— Thưa mẹ, con phải viết cho xong mấy cái thư này, cái đã.

— Thì sáng mai viết không được như ? Sáng mai viết cũng được mà.

— Thưa mẹ, mai con còn có việc khác ạ.

Cụ Bà không nói thêm gì nữa. Cậu Tư cứ ngồi viết thư.

Sáng ngày hôm sau, cậu chẳng có công việc gì, các lớp của cậu đã thi xong xuôi cả rồi. Bởi vậy, cậu có thể đi ra khỏi nhà rất sớm.

Đến tối, cả nhà không thấy cậu Tư trở về. Cụ Bà cho rằng, nghỉ hè đã bắt đầu, cậu rối-rít, nên đi chơi ở các nhà bạn-bè. Cụ cũng chẳng quan-tâm cho lắm. Nhưng, đến sáng bữa sau, không thấy mặt con, Cụ đâm ra sốt ruột. Cụ

Đính - chính

Vì sơ - xuất, nên trong bài « Quyền biện-luận trước toà - án » của Nguyễn - văn - Mẫu, đăng trong B.K. 14, trang 23, cột 2, dòng 6, có một điểm sai lầm.

Vậy xin đính-chính lại như sau :

« ... tự-do không thể biến thành kỷ - luật », xin đọc là : « ... Tự - do không thể biến thành VÔ kỷ - luật ».

Thành-thực cáo lỗi cùng quý độc-giả.

B.K.

hỏi bà Cả, bà Cả cũng không hiểu ra sao. Cụ hỏi ông Hai, ông nói ít lâu nay, cậu hay đi lắm, chắc là đi chơi ở đâu đấy.

Ông Hai cứ theo lệ thường, đi đến ngân-hàng, làm việc. Bà Cả đi săn-sóc công việc giám-thị của bà ở trong trường. Riêng còn có mỗi một mình Cụ Bà nóng lòng, nóng ruột, ngồi, đứng, không yên.

Lúc thì Cụ đi xuống dưới nhà, lúc thì Cụ đi tìm bà Cả, bà Hai, để hỏi. Tuy Cụ cũng hiểu, hai bà con dâu Cụ thì cũng như Cụ, làm sao mà rõ được cậu Tư đi đâu, nhưng Cụ cũng cứ hỏi, hỏi cho đỡ bồn-chồn, sốt ruột.

Thì giờ cái buổi sáng hôm đó trôi đi rất đỗi là chậm-chạp, nhưng rồi cũng qua. Hai giờ chiều hôm đó, bà Cả tiếp được bức thư của cậu Tư, bà đi tìm ngay Cụ Bà để thưa cho Cụ rõ. Cậu Tư đã đi ra hậu-phương mất rồi. Cụ ngồi ngây người ra, không thốt ra được một lời nào. Mất một lúc lâu sau, Cụ mới biểu bà cả đem thư ra, đọc cho Cụ nghe.

Bức thức rất dài. Cậu nói cậu sẽ đi thẳng vì không tiện trở về để báo tin, vậy ở nhà, xin bà chị săn-sóc mẹ.

(Còn nữa)

TỪ - VŨ

Đính-chính

L.T.S Chúng tôi nhận được thư của thi-sĩ Quách - Tấn cho biết là mấy lời giới-thiệu trong bài thơ « Chút lòng », đã đăng trên Bách-Khoa số 7 ngày 15/4/57, có đôi chỗ sai-lầm, vậy xin đăng nguyên-văn mấy lời đính-chính sau đây của tác-giả cho đúng với ý-nghĩa bài thơ và trân-trọng cáo-lỗi cùng bạn đọc.

« Tôi không có chân trong Liên-minh Bài-Cọng.

« Năm 1950, mặt-trận Liên-minh lập xong, ông Nguyễn-hữu-Lộc có cho « người đến tôi. Tôi đáp lại bằng bài Chút Lòng. Ông Lộc hiểu ý nên để tôi « đứng ngoài. Tuy đứng ngoài, song sau khi mặt trận bị vỡ-lở, tôi vẫn bị bắt « giam vì có qua lại cùng những người trong mặt trận.

« Qua năm 1952, nhờ có Vũ-Hân, bài thơ kia mới đến tay Bùi-Đặng « Hà-Phan. Phan xem thơ khóc và họa-vận nhờ Hân chuyển cho tôi. Tôi cho « Hân biết là câu kết trệ quá và vội-vã tìm cách để gặp Phan. Trước kia Phan và « chúng tôi chỉ biết nhau và thân nhau trên thơ văn. Sau đó ít lâu thì Phan mất !

« Qua mấy lời này, các bạn đọc sẽ nhận thấy rõ hoàn-cảnh và tâm-sự « của chúng tôi gởi trong thơ. Rất tiếc là mãi nay tôi mới biết được chỗ sai « trên kia nên cải-chính có phần muộn ».

QUÁCH - TẤN

Phòng Du-lịch, HUẾ

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÃNG RƯỢU BÌNH TÂY

Eaux de Cologne et Lotions de PREMIÈRE QUALITÉ

— ★ —

Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON
Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đắn.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX
REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

AIP 57

HÃNG LA-VE B.G.I

Hãng sáng nên kinh-tế Việt-Nam từ năm 1875

LA-VE LARUE
LA-VE "33" EXPORT

BRASSERIES & GLACIÈRES DE L'INDOCHINE

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng tốt nhứt

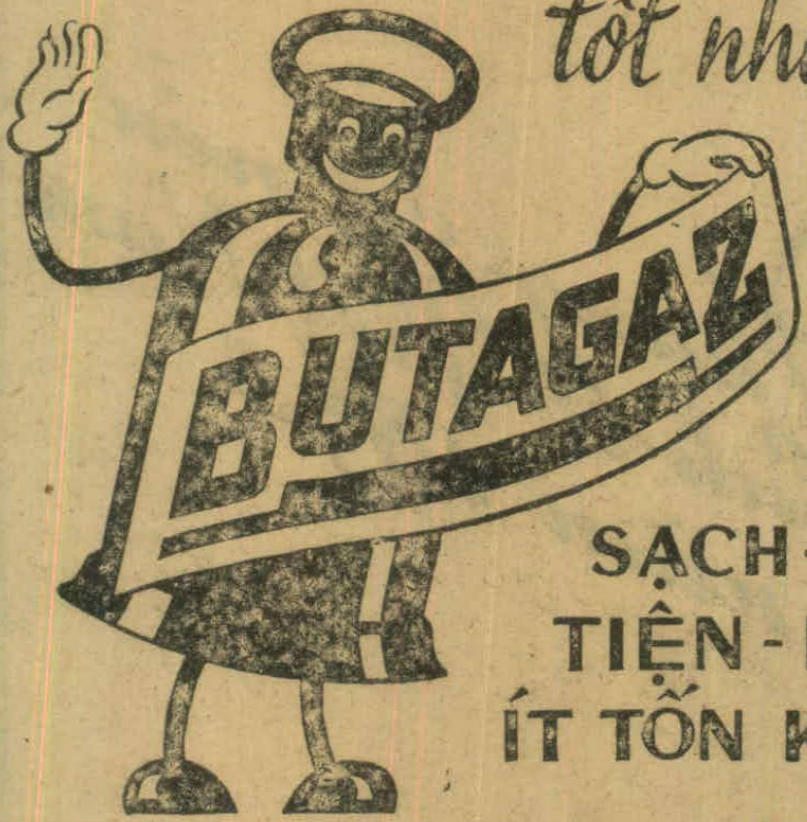

SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM

B _ Đốt cháy liền
U _ Khỏi mất ngày giờ
T _ Không khói, không bụi
A _ Dùng nấu nướng các thứ
G _ Không làm nhứt đầu hay cay mắt
A _ Khỏi phải coi chừng ngọn lửa
Z _ Một bình hơi dùng:
bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

HÓA-PHẨM SHELL

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ-nhiệm : HUỲNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHI
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÃN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG
BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

In tại nhà in VĂN - HÓA
412 - 414, Trần-hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 8$
Công-sở : 10$